**8HỌC KÌ I**

**1. VĂN BẢN “PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH”**

**ĐỀ 1: Đọc kĩ phần trích sau đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyên thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.*

**Câu hỏi**

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

2. Tìm dẫn chứng cụ thể để chứng tỏ lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất Phương Đông của Hồ Chí Minh?

3. Nêu và phân tích các biện pháp nghệ thuật đã được tác giả sử dụng thành công để làm nổi bật vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh trong phần trích nói trên.

4. Từ nội dung đoạn văn gợi ra hãy nêu suy nghĩ của em về lối sống giản dị bằng 10 câu ?

***Gợi ý:***

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

2. Đoạn văn đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho lối sống giản dị mà thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cách chọn nơi làm việc; sự giản dị trong trang phục; sự giản dị, đạm bạc trong ăn uống

3. - Nghệ thuật đối lập (vĩ nhân mà hết sức giản dị gần gũi)

- Kết hợp giữa kể và bình luận

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu

- Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, cách dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các bậc hiền triết của dân tộc.

Mỗi biện pháp nghệ thuật phải được làm rõ qua việc chọn và phân tích các dẫn chứng tiêu biểu.

4) HS viết đoạn văn đảm bảo nd sau:

Giản dị là một đức tính tốt đẹp của nhân dân ta (1). Giản dị là đơn giản không xa hoa, lãng phí, không quá cầu kỳ, phức tạp, cũng như không bao giờ khoa trương (2). Lối sống giản dị không phải chỉ thể hiện qua lời nói, cách ăn mặc, việc làm mà còn thể hiện qua suy nghĩ và hành động của mọi người trong cuộc sống cũng như trong các hoàn cảnh(3). Chúng ta phải sống giản dị vì ta sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng (4). Bác Hồ là tiêu biểu của con người giản dị. Bác ăn bữa cơm chỉ có vài ba món(5).Sau khi ăn Bác luôn dọn sạch và khi ăn không để rơi hạt cơm nào (6).Hiện nay đã có nhiều người biết sống giản dị, đơn giản(7).Trong đó cũng có nhiều người vẫn chưa biết sống giản dị mà lại sống quá lãng phí, xa hoa (8). Mọi người ơi (9).Chúng nên noi theo gương Bác phải sống thật giản dị và đơn giản (10).

***ĐỀ 2: Trong bài « phong cách Hồ Chí Minh », sau khi nhắc lại việc chủ tịch Hồ Chí Minh  đã tiếp xúc với nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới , tác giả Lê Anh Trà viết :***

*«  .. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”…*

(Trích *Ngữ Văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

**Câu hỏi**

1. ở phần trích trên, tác gỉa đã cho ta thấy vẻ đẹp của phong cách HCM được kết hợp hài hòa bởi những yếu tố nào ? Em hiểu được điều gì về tình cảm của tác giả dành cho Người ?

2. Xác định hai danh từ được sử dụng như tính từ trong phần trích dẫn, cho biết hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ ấy ?

3. Em hãy suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập và phát triển.

**GỢI Ý :**

1. Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa Quốc tế và gốc văn hóa dân tộc.

– Qua đó tác giả Lê Anh Trà thể hiện tình cảm kính trọng, ca ngợi Bác Hồ, tự hào về Người như một đại diện của một con người ưu tú Việt Nam.

2. Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, Phương Tây. Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao Tác giả nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc Phương Đông trong con người Bác.

3. Trách nhiệm thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập: – Giải thích: thời kỳ hội nhập: các nền kinh tế thế giới mở cửa, hội nhập dẫn đến sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các nước.

– Trách nhiệm thế hệ trẻ: + Gìn giữ và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc; + Nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào vễ những truyền thống văn hóa tốt đẹp: truyền thống yêu nước; Uống nước nhớ nguồn; văn hóa lễ hội truyền thống; phong tục tập quán; di sản, di tích lịch sử,… + Tiếp tục những ảnh hưởng tích cực từ văn hóa nước ngoài đồng thời gạn lọc những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

– Đánh giá: đây là vấn đề quan trọng đòi hỏi ý thức và nhận thức của thế hệ trẻ cùng đồng lòng, chung tay góp sức.

**2. VĂN BẢN: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

**ĐỀ 1. Cho đoạn văn:** *“Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí vì một cuộc sống hòa bình, công bằng. Nhưng dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”*

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**Câu hỏi**

a.“Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó” ,“việc đó” mà tác giả đề cập đến trong đoạn trích trên là việc gì? “Việc đó” đem lại hậu quả gì cho nhân loại?

b. Vì sao tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”?

c. Vấn đề G.Mác -két đưa ra trong “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” có ý nghĩa như thế nào trong tình hình hiện nay. Viết đoạn văn ngắn trình bày ý kiến của em.

**\* Gợi ý:**

a. “việc đó” là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên toàn trái đất.

\* Hậu quả: Hiểm hoạ chung của nhân loại, huỷ duyệt sự sống trên trái đất.

b. Tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích” vì: - Bài viết trên đã chỉ ra hậu quả khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân; kêu gọi mọi người cùng lên án.

- Việc mọi người họp bàn, lên tiếng đưa ra lời kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân sẽ góp phần tích cực để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, mang lại hòa bình, môi trường sống an toàn cho thế giới.

C. Học sinh viết thành đoạn văn thể hiện vấn đề nêu trong bài viết có tính cấp thiết đối với đời sống xã hội và con người hiện nay nó cũng là vấn đề đã có ý nghĩa lâu dài chứ không phải chỉ là nhất thời, đó là nguy cơ chiến tranh hạt nhân vẫn hiện hữu và mọi người cần đấu tranh cho một thế giới hòa bình. Cụ thể đảm bảo một số ý chính sau :

- Trong những năm qua thế giới có những đáng kể để làm giảm nguy cơ chiến tranh hạt nhân. Chẳng hạn :

- Các hiệp ước cấm thử, cấm phổ biến vũ khí hạt nhân đã được nhiều nước kí kết, hiệp ước cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược giữa Mĩ và Liên Xô (nay là nước Nga). Nhưng hoàn toàn không có nghĩa là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đã không còn hoặc lùi xa.

- Kho vũ khí hạt nhân vẫn tồn tại và ngày càng được cải tiến.

- Chiến tranh và xung đột vẫn liên tục nổ ra nhiều nơi trên thế giới .Vì vậy thông

điệp của G.Mác -két vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tiếp tục thức tỉnh và kêu gọi mọi người đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

**ĐỀ 2. Đọc đoạn trích sau:**

*“Năm 1981.UNICEF đã định ra một chương trình để giải quyết những vấn đề cấp bách cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới. Chương trình này dự kiến cứu trợ về y tế, giáo dục sơ cấp, cải thiện điều kiện vệ sinh và tiếp tế thực phẩm, nước uống. Nhưng tất cả đã tỏ ra là một giấc mơ không thể thực hiện được vì tốn kém 100 tỉ đô la. Tuy nhiên số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mĩ và cho dưới 7000 tên lửa vượt đại châu”.*

**Câu hỏi**

Trong văn bản, tác giả đã đưa ra những con số cụ thể trong một phép so sánh, ấn tượng. Phép so sánh ấy là gì? Qua phép so sánh ấy em cảm nhận được điều gì?

**\* Gợi ý:**

- Phép so sánh: Tuy nhiên số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mĩ và cho dưới 7000 tên lửa vượt đại châu.

- Tác dụng: Sự tốn kém của việc chạy đua chiến tranh hạt nhân.

**ĐỀ 3. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.**

*“Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước nhũng lời khẩn cầu hòa bình,*

*những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này ”.*

(“Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” – G.G. Mác- két).

**Câu hỏi**

a. G.G. Mác- két đã lên án điều gì trong văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

b. Gạch chân dưới các trạng ngữ trong đoạn văn trên.Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng trong đoạn văn có tác dụng gì?

c. Lấy chủ đề “*Khát vọng hòa bình*”, em hãy triển khai thành một đoạn văn diễn dịch dài khoảng 10 đến 12 câu.

**\* GỢI Ý:**

a. Mác – két lên án việc các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí hạt nhân.

b. Gạch chân dưới các trạng ngữ : Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước nhũng lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này.

- Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng để nhấn mạnh mục đích của đề xuất mở nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại sau thảm họa hạt nhân; Tăng sức lên án, tố cáo chạy đua vũ trang, sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân.

***c- Giải thích:*** Hòa bình là sự bình an vui vẻ, không có chiến tranh, xung đột hay đổ máu. Khát vọng hòa bình là mong muốn vươn tới cuộc sống vui vẻ, an lành, được tôn trọng bình đẳng, tự do và hạnh phúc.

***- Bàn luận:***

+ Khát vọng hòa bình là biểu tượng của sự bình yên, là khát vọng chung của mỗi người và của toàn nhân loại.

+ Hòa bình giúp mỗi người biết yêu thương nhau, giúp mỗi dân tộc có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc bền lâu.

+ Hòa bình tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh gây mâu thuẫn căng thẳng; là điều kiện để hợp tác và phát triển…

+ Trái với khát vọng hòa bình là những toan tính ích kỉ hẹp hòi, những hành động chạy đua vũ trang, gây đổ máu và chiến tranh, chúng ta cần quyết liệt lên án những hành vi đó.

+ Dân tộc ta đã phải trải qua bao nhiêu đau thương mất mát trong chiến tranh chống

giặc ngoại xâm để bảo vệ hòa bình nên hiểu rất rõ giá trị, tầm quan trọng của khát

vọng hòa bình.

***- Phê phán:*** Phê phán những hành vi gây chiến tranh, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của mỗi người mỗi dân tộc.

***- Bài học nhận thức và hành động:***

+ Cần biết trân trọng, giữ gìn và thể hiện khát vọng hòa bình ở mọi lúc, mọi nơi; biết sống thân thiện, chan hòa nhân ái với những người xung quanh.

+ Là học sinh, cần ra sức học tập, nâng cao hiểu biết, giải quyết xung đột bằng sự lắng nghe, thấu hiểu, đối thoại chân tình thẳng thắn.. tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hòa bình và công lý

**ĐỀ 4: Một văn bản trong chương trình Ngữ văn 9 có viết:**

*“Trong thời đại hoàng kim này của khoa học , trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp , chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó”. (Ngữ văn 9 – tập 1)*

**Câu hỏi**

1. Câu văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

*2.“Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là việc gì?

3. Tại sao tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp”*ấy? Em hiểu thế nào về thái độ của tác giả về sự việc trên?

4. Đất nước chúng ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh đầy khốc liệt và đau thương. Ngày nay, chiến tranh đã đi qua, thế hệ thanh niên đang được sống trong hòa bình. Bằng hiểu biết về văn bản trên và kiến thức xã hội, em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

**GỢI Ý:**   
1. Câu văn trên trích từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” Tác giả là G. Mác-két.

*2.“Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là chiến tranh hạt nhân.

3.Tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện phá”*ấy vì biện pháp hạt nhân mà con người phát minh ra là hiểm họa khôn lường và nó ảnh hưởng, đe dọa trực tiếp tới cuộc sống hòa bình của toàn thế giới.

Tác giả thế hiện thái độ phản đối gay gắt đối với vấn đề này.

4. + Giải thích khái niệm “hòa bình”: là sự bình đẳng, tự do, không có bạo động, không có chiến tranh và những xung đột về quân sự.

+ Ý nghĩa của cuộc sống hòa bình:

* Để dành được hòa bình, thế hệ cha anh đi trước – các anh hùng thương binh liệt sĩ đã chiến đấu hết mình, hi sinh xương máu.
* Trạng thái đối lập của hòa bình là chiến tranh. Sống trong chiến tranh, con người sẽ đối diện với những thảm họa về mất mát, đau thương.
* Sống trong hòa bình, con người sẽ được tận hưởng không khí của độc lập, tự do, yên bình và hạnh phúc.

+ Lật lại vấn đề:

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số tín đồ, đảng phái luôn sử dụng những chiêu trò công kích, kích thích, chống phá, gây ra bạo lực vũ trang,…

+ Bài học nhận thức và hành động:

* Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hòa bình.
* Cần tránh xa những thế lực gây ảnh hưởng đến nền hòa bình, đồng thời giữ gìn, bảo vệ hòa bình.

**3. VĂN BẢN: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

**ĐỀ 1. Cho đoạn trích:**

“*Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rông tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.”*

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

**Câu hỏi**

a. Xét về mục đích nói, những câu “*Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rông tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới*.” thuộc kiểu câu gì?

Nêu tác dụng của kiểu câu đó trong việc thể hiện nội dung đoạn văn?

b. Chỉ ra biện pháp tu từ có trong đoạn trích trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

c. Từ chúng trong đoạn văn trên dùng để chỉ ai? Tại sao tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ?

d. “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc”. Vậy trong thực tế hiện nay, trẻ em đang đứng trước những nguy cơ nào?

e. Em có nhận thức như thế nào về tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em, về sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về vấn đề này ?

**\* Gợi ý:**

a. Câu cầu khiến.

b. Biện pháp tu từ: Lặp lại cấu trúc câu

- T/d: Tạo giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát.

+ Nhấn mạnh những quyền mà trẻ em được hưởng, khẳng định trẻ em cần được

bảo vệ và phát triển.

c. Từ chúng dùng để chỉ Tất cả trẻ em trên thế giới

- Nghĩa là: chúng phải được sống trong môi trường hòa bình, luôn có sự tương trợ, giúp đỡ lan nhau trên mọi lĩnh vực; không có hiềm khích, không có chiến tranh. Đó là điều kiện tốt để cho trẻ em phát triển cả về thể chất và tâm hồn.

d. Nguy cơ: đói nghèo, mù chữ, bị bạo hành gia đình, xâm hại, bóc lột.

e- Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng hàng đầu của từng quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến tương lai của một đất nước của toàn nhân loại.

- Qua những chủ trương, chính sách, qua những hành động cụ thể đối với việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em mà ta nhận ra trình độ văn minh của một xã hội.

- Vấn đề bảo vệ, chăm sóc trẻ em đang được cộng đồng quốc tế dành sự quan tâm thích đáng với các chủ trương, nhiệm vụ đề ra có tính cụ thể toàn diện.

**ĐỀ 2.** **Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“Hàng ngày có vô số trẻ em trên thế giới bị phó mặc cho những hiểm họa làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển của các cháu đó. Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài …..môi trường xuống cấp”*

(Trích Tuyên bố…..trẻ em, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

**Câu hỏi**

a. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì? Thái độ của tác giả được thể hiện trong đoạn trích như thế nào?

b. Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “*Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài*.”

c.Tại sao vấn đề chăm sóc, bảo vệ trẻ em ngày càng trở nên cấp bách, được cộng đồng quốc tế quan tâm đến thế ? Đọc phần Sự thách thức của Bản tuyên bố em hiểu như thế nào về tình trạng khổ cực của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay ?

**\* Gợi ý:**

a. - Nội dung: Nêu ra những nguy cơ, thách thức đối với trẻ em.

- Thái độ: Lên án, tố cáo, xót thương…

b. - Biện pháp: Liệt kê.

- T/d: Kể ra những nguy cơ mà trẻ em phải hứng chịu

c. Giải thích tính cấp bách của vấn đề này xuất phát từ :

- Vai trò của trẻ em đối với tương lai của một dân tộc, đối với toàn nhân loại.

- Thực trạng cuộc sống của trẻ em trên thế giới hiện nay :

   + Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh, và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ A-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.

   + Chịu đựng những thảm hoạ của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh mù chữ, môi trường xuống cấp.

   + Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.

**ĐỀ 3. Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt*

*văn hóa xã hội”.*

**Câu hỏi**

a. Xét theo mục đích nói, các câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Tác dụng

của kiểu câu đó trong việc biểu đạt nội dung của đoạn văn trên?

b. Theo em, việc nhận thức được giá trị của bản thân có ý nghĩa quan trọng như

thế nào đối với trẻ em? Tại sao ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh

hoạt văn hóa xã hội ?

**\* Gợi ý:**

a.- Câu cầu khiến.

- T/d: Nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách mà các nước cần phải nỗ lực hành động vì quyền trẻ em.

b.- Ý nghĩa: Để phát huy cái mạnh, khắc phục cái yếu của bản thân.

- Ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội, để: trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện, được học hỏi và giao lưu với bạn bè, được rèn luyện bản thân về kỹ năng sống.

1. **CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*Nàng bất đắc dĩ nói:*

*- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cát én lìa đàn, nước thấm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

**Câu hỏi**

1/ Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?   
2/ Chỉ ra cặp đại tự xưng hô trong đoạn văn trên.

3/ Cụm từ “nghi gia nghi thất” có nghĩa là gì?

4/ Ghi lại một thành ngữ có trong đoạn trích trên?

5/ Nêu và phân tích tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên?

6/ Nêu hàm ý của câu văn: *Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cát én lìa đàn, nước thấm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa*.

7/ Viết 01 đoạn văn diễn dịch (khoảng 12 câu) có sử dụng câu ghép và phép thế thể hiện cảm nhận của em về nhân vật chính trong đoạn trích trên (gạch dưới câu ghép và phép thế).

### **ĐÁP ÁN**

1) Đoạn trích trong VB: chuyện người con gái Nam Xương cuả N.Dữ.

2) Đại từ xưng hô: *thiếp, chàng*

3) Cụm từ *nghi gia nghi thất*: nên cửa nên nhà, ý nói thành vợ thành chồng, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

4) thành ngữ: *bình rơi trâm gãy*

5) Trong câu nói của Vũ Nương có nhiều hình ảnh mang tính ẩn dụ:

*+ Bình gãy trâm tan.*

*+ Sen rũ trong ao.*

*+ Liễu tàn trước gió.*

*+ Kêu xuân cái én lìa đàn.*

*+ Nước thẳm buồm xa.*

- Chọn phân tích hình ảnh ẩn dụ “trâm gãy bình tan” hình ảnh của sự chia lìa, tan vỡ, mượn hình ảnh trâm gãy, bình tan để nói về hiện trạng tình vợ chồng của Vũ Nương nay đã tan vỡ.

6) Nàng đã nói lên nỗi đau đớn thất vọng khi không hiểu sao mình bị nghi oan, bị đối xử bất công. Đồng thời đó còn là sự tuyệt vọng đến cùng cực khi khao khát của cả đời nàng vun đắp đã tan vỡ. Tình yêu không còn. Cả nỗi đau khỏ chờ chồng đến hoá đá như trước đây cũng không còn có thể làm được nữa.

7) Đoạn văn cần làm nổi bật được niềm khát khao hạnh phúc lứa đôi của VN cũng như nỗi đau đớn của nàng khi hp tan vỡ.

Vũ Nương, người con gái đức hạnh, luôn giữ gìn khuôn phép dù Trương Sinh có đa nghi và phòng ngừa quá sức thì gia đình vẫn chưa bao giờ xảy ra tranh chấp, bất hòa. Khi chiến tranh nổ ra, chồng nàng phải ra trận, Vũ Nương tiễn chồng ra trận vẫn ân cần dặn dò chồng những lời ân tình, mong ngày về chồng mang theo hai chữ bình an. Ở nhà, nàng một mực giữ tiết, chăm sóc chu toàn gia đình, những mong sớm có ngày đoàn tụ với chồng. Nào đâu, sóng gió ập tới, lời nói ngây thơ của đứa con bé bỏng đã khiến tính đa nghi của chồng nàng nổi dậy. Bị chồng ruồng rẫy, hắt hủi, nàng nói tới thân phận của mình và khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng nhưng mối nghi ngờ ở Trương Sinh vẫn khôn nguôi. Không còn lại gì, lòng nàng dâng trào nỗi thất vọng tột cùng, nỗi đau đớn ê chề bởi hạnh phúc gia đình không có cách nào hàn gắn nổi. Nỗi oan khuất trời không thấu, khiến mọi sự chịu đựng, hy sinh trước đó đều vô nghĩa. Nàng giải thích trong sự bất lực và tuyệt vọng đắng cay trước sự đối xử nhẫn tâm của chồng.

**ĐỀ 2:** *“ Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp đã chẳng thể về nhân gian được nữa”.*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

**Câu hỏi**

1. Những câu văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai? Đó là lời của ai nói với ai, nói trong hoàn cảnh nào?

2. Qua những lời nói đó, em hiểu gì về số phận bi kịch cũng như vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật?

3. Cũng viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, chương trình ngữ văn 8 và 9 còn có những tác phẩm nào? Kể ra ít nhất hai tác phẩm ghi rõ tên tác giả?

### **ĐÁP ÁN**

1. Những câu văn trên trích từ văn bản: *chuyện người con gái NX* của ND.

Đó là lời của VN nói với TS. TS lập đàn giải oan cho nàng trên bến Hoàng Giang, VN cũng đã trở về, nàng ngồi trên kiệu hoa đứng giữa dòng mà nói vọng vào những lời như thế rồi “bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần rồi biến mất”

2. Là nv nhân đạo ND k muốn những người đức hạnh, nết na như VN bị chết. song hiện thực VN đã chết để minh oan đền đáp sự ngay thẳng, trong sạch thủy chung của nàng tg đã tưởng tượng ra sự hồi sinh của nàng- nàng đucợ tiên nữ cứu vớt, đưa về động tiên sống. Và ông tt, sang tạo ra cảnh ngộ với TS. VN trở về dương thế nhưng chỉ hiện ra giữa dòng nói vọng vào “thiếp chẳng về nhân gian đượcn nữa”. Qua đó ta thấy số phận người phụ nữ trong xã hội xưa thật bất hạnh, mặc dù học có những phẩm giá tốt đẹp…

3. Truyện Kiều (Nguyễn Du), Bánh trôi nước (HXH)

**ĐỀ 3:** *Vũ Thị Thiết,* ***người con gái quê ở Nam Xương*** *(1). Người đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa thái quá (2). Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa(3).*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

**Câu hỏi:**

1/ Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả?   
2/ đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

3/ Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

4/ Bộ phận in đậm ở câu (1) trong đoạn trích làm thành phần gì trong câu?

5/ Giải thích cụm từ “*tư dung tốt đẹp*” và từ “*dung hạnh*” được sử dụng trong hai câu đầu đoạn trích.

6/Em hãy nêu ra phương thức liên kết trong đoạn văn trên?

7/ Hãy nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của nhà văn trong đoạn trích trên. Qua đó em biết gì về tình cảm của nhà văn với nhân vật?

### **ĐÁP ÁN**

1. Đoạn văn trên trích từ văn bản: *chuyện người con gái NX* của ND.
2. đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt: NL
3. Nội dung chính của đoạn trích: giới thiệu về nhân vật VN
4. bộ phận in đậm ở câu (1) trong đoạn trích làm thành phần: phụ chú (người con gái quê ở Nam Xương), nhằm bổ sung thông tin về quê quán cho nhân vật được kể.

5. Tư dung tốt đẹp: nhan sắc và dáng vẻ tốt đẹp.

    - Dung hạnh: chỉ nhan sắc và đức hạnh.

Ý nói Vũ Nương là người con gái không chỉ đẹp về ngoại hình, dung nhan mà còn đức hạnh.

6. Phương thức liên kết trong đoạn văn trên: phép nối, phép lặp, phép thế.

    - Phép nối: từ ngữ để nối *“song”.*

    - Phép thế: từ *“nàng”, “vợ”* thế cho từ *“Vũ Nương”.*

    - Phép lặp: từ *“Trương Sinh”.*

7. ND giới thiệu tên tuổi quê quán, tính cách hoàn cảnh của nhân vật. Đó là giới thiệu nv mang tính truyền thống.

**ĐỀ 4**: Sau đây là một phần của cuộc trò chuyện giữa nhân vật Phan Lang và Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ):

*Phan Lang nói:*

*Nhà cửa của tiên nhân, cây cối thành rừng, phần mộ của tiên nhân, cỏ gai lấp mắt. Nương tử dầu không nghĩ đến, nhưng còn tiên nhân mong đợi ở nương tử thì sao?*

*Nghe đến đây, Vũ Nương ứa nước mắt khóc rồi nói:*

*- Có lẽ không thể gửi mình ẩn vết ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Và chăng Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.*

(Trích [Ngữ văn](https://vndoc.com/ngu-van-lop-9) 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

**Câu hỏi**

1. Phan Lang trò chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh nào? Tư “tiên nhân" được nhắc tới trong lời của Phan Lang để chỉ những ai?
2. Vì sao sau khi nghe Phan Lang nói, Vũ Nương "ứa nước mắt khóc” và quả quyết "tối tất phải tìm về cỏ ngày"?

3. Em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vai trò của gia đình trong cuộc sống của mỗi chúng ta.

**GỢI Ý:** 1:- Phan Lang nói chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh:Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa sau đó gặp nạn rồi được Linh Phi cứu giúp, gặp Vũ Nương dưới thủy cung.

- “Tiên nhân” chỉ Trương Sinh – Chồng Vũ Nương.

2. Khi nghe Phan Lang nói Vũ Nương “ứa nước mắt khóc” và “quả quyết tìm về có ngày”:

+ Vũ Nương còn nặng tình nặng nghĩa với chồng con

+ Hoàn chỉnh thêm về nét đẹp của người con gái thủy chung, nhân hậu qua nhân vật Vũ Nương

+ Vũ Nương dù chết vẫn muốn rửa oan, bảo toàn danh dự và nhân phẩm

3. Các em có thể tham khảo dàn ý sau:

\* Mở bài: - Gia đình – hai tiếng quen thuộc gần gũi mà thân thương đến nao lòng. Người sung sướng nhất là người có được một gia đình hạnh phúc. Có thể thấy, gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Gia đình hạnh phúc chính là mục đích cao đẹp nhất mà con khát khao có được.

\* Thân bài:

a. Giải thích: - Gia đình là gì?

+ Đó là tế bào của xã hội, là tổng hợp các mối quan hệ, ứng xử, giá trị nhân cách, tình cảm, đạo đức, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng, dân tộc.

+ Trong gia đình, mọi người có quan hệ về huyết thống và các quan hệ đặc biệt khác, thường có cùng quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.

b. Bàn luận: Gia đình có ý nghĩa và vai trò vô cùng đặc biệt với cuộc đời mỗi con người.

- Gia đình là mái ấm, là nơi ta được sinh ra, được sống và trưởng thành.

+ Gia đình chính là cội nguồn sinh dưỡng và hạnh phúc đầu tiên của con người. Chính tại mái ấm này, với tình yêu của cha và mẹ, ta đã được góp mặt trong cuộc đời này

+ Gia đình là không gian sống thân thuộc trong cuộc đời mỗi con người. Chính tại nơi đây, ta đã chập chững những bước đầu tiên, cất tiếng nói đầu tiên trong hp vô bờ của cha mẹ, người thân.

+ Là nơi ta được sống trong tình yêu thương, sự chở che, đùm bọc. Ta vô tư nhận tình yêu thương của ông bà, cha mẹ, anh em mà không mảy may suy nghĩ.

+ Và gia đình cũng là nơi ta sẵn lòng cho đi mà không cần nhận lại. Ở đó có biết bao tình cảm trong sáng, đẹp đẽ mà những người thân đã dành cho nhau. Khi đó ta thấy thật sự sung sướng, bình yên và hạnh phúc.

- Gia đình là điểm tựa, là chỗ dựa vững chắc, là bến đỗ bình yên nhất trong cuộc đời con người.

+ Cuộc sống không phải lúc nào cũng suôn sẻ, may mắn mà con đường cuộc đời biết bào gian nan, thử thách. Trên con đường ấy, có lúc ta vấp ngã, thất bại, có lúc ta cũng nản lòng, nhụt chí, những khi đó bên cạnh ta luôn có ông bà, cha mẹ người thân. Tất cả mọi người đều động viên an ủi ta là ta vững tâm, bền chí.

+ Thậm chí nếu ta sa ngã trở thành kẻ xấu, kẻ ác, thành tội nhân bị xã hội, người đời xa lánh khinh bỉ thì gia đình vẫn luôn giang rộng vòng tay đón họ trở về và tin rằng tình cảm gia đình sẽ tạo nên sức mạnh cảm hóa được những đứa con lầm đường lạc lối ấy. Có thể tin rằng, không nơi nào ngoài gia đình luôn bao dung, chở che, đùm bọc, đón nhận ta trong những tình huống nghiệt ngã như vậy của cuộc đời. Ơ – ri – pít, nhà viết kịch Hi lạp thời cổ đại đã từng khẳng định: “Duy chỉ có gia đình, c/n ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại những tai ương của số phận”.

(Dẫn chứng: Anh Nhĩ trong “Bến quê”, Chí Phèo khao khát hạnh phúc bình dị: chồng kéo lưới, vợ dệt vải, Vũ Nương "chỉ mong có thú vui nghi gia nghi thất”…)

- Gia đình là cái nôi, là cơ sở, nền tảng bồi dưỡng và hình thành nhân cách cao đẹp cho c/n.

+ Gia đình chính là ngôi trường đầu tiên, là môi trường gần gũi có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Từ mái ấm gia đình ta dần khôn lớn trưởng thành cả về thể xác và tâm hồn, lối sống về đạo đức làm người.

+ Trong nếp sống của người Á Đông, gia đình có vai trò rất lớn trong việc bồi dưỡng tâm hồn và giáo dục nhân cách con người. Trong mỗi gia đình có gia phong. Gia phong chính là các nguyên tắc ứng xử, là lễ nghi để giúp cho gia đình yên ấm, hòa thuận. Một gia đình có nền nếp gia phong thường tạo nên một không khí đầm ấm, bình yên. Trong môi trường ấy, con cái có điều kiện được chăm sóc, bảo ban, dạy dỗ và phát triển theo đúng hướng tích cực. Ngược lại một gia đình không òa thuận, bố mẹ thường cãi vã thì ảnh hưởng rất xấu đến con cái. Có những đứa trẻ lớn lên trong thù hận, trong mặc cảm, tự ti và lớn lên có thể trở thành kẻ ác, kẻ xấu, kẻ phản bội, đánh mất nhân cách của bản thân, làm xấu hổ cả dòng họ.

- Liên hệ bản thân;

3. Kết bài: Khẳng định vai trò của gia đình với con người

- Gia đình chính là nguồn vui, nguồn yêu thương, là mái ấm chở che cho mỗi cuộc đời, là cái nôi vững chắc để đào tạo con người trưởng thành.

- Mái ấm gia đình vô cùng quý giá và quan trọng đối với mỗi người, nhất là đối với trẻ em; là nơi trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng, được yêu thương, dạy dỗ nên người.

- Gia đình tan vỡ, trẻ em sẽ là những nạn nhân thiệt thòi, bất hạnh nhất.

- Người lớn cần có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn mái ấm gia đình, không nên vì bất cứ lí do gì mà làm tổn thương đến những tình cảm tự nhiên, trong sáng của con trẻ.

- Trẻ em cần phải biết vâng lời, làm vui lòng ông bà, cha mẹ…

**ĐỀ 5**: **Dưới đây là một đoạn trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*” (Nguyễn Dữ)**

… *“ Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng: – Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ*.”…

(Theo Ngữ văn lớp 9, tập một, NXB Giáo dục, 2010)

**Câu hỏi**

1. Trong tác phẩm, lời thoại trên là độc thoại hay đối thoại? Vì sao?

2. Lời thoại này được Vũ Nương nói trong hoàn cảnh nào? Qua đó nhân vật muốn khẳng định những phẩm chất gì? Ghi lại ngắn gọn (khoảng 6 câu) suy nghĩ của em về những phẩm chất ấy của nhân vật.

3. Làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền kỳ là những yếu tố kỳ ảo. Nêu hai chi tiết kỳ ảo trong truyện “Người con gái Nam Xương”.

4. Theo em nguyên nhân nào dẫn tới cái chết của Vũ Nương?

**GỢI Ý:**

1- Trong tác phẩm, lời thoại trên là độc thoại, vì đó là lời than của Vũ Nương và cũng là lời nguyền của nàng nói với lòng mình để giãi bày tấm lòng trong trắng của mình trước khi tự vẫn.:

2-Lời thoại này được Vũ Nương nói đến trong hoàn cảnh khi bị chồng mình là Trương Sinh nghi ngờ là người vợ không thủy chung. Vũ Nương đã phân trần, khẳng định tấm lòng thủy chung, khát khao cuộc sống gia đình, tình nghĩa vợ chồng, cầu xin chồng đừng nghi oan, tìm mọi cách hàn gắn cuộc sống hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ, song nàng vẫn bị chồng mắng nhiếc, đánh đập, đuổi nàng đi không cho nàng thanh minh, không cho họ hàng, hàng xóm bênh vực và biện bạch cho. Cuộc hôn nhân của nàng và Trương Sinh đã đến độ không thể hàn gắn nổi. Vũ Nương đã đau đớn, thất vọng đến tột cùng, ra bến Hoàng Giang mượn dòng nước con sông quê hương để giãy bày nỗi oan khuất và tấm lòng thủy chung, trong sáng của mình trước khi tự vẫn.

\* Qua lời thề nguyền, Vũ Nương muốn khẳng định

- Khao khát được sống hạnh phúc trong cuộc sống gia đình.

- Tấm lòng thủy chung, trong sáng của mình với chồng.

- Lòng tự trọng của một người vợ khi bị chồng đánh đập, hắt hủi.

\* Học sinh viết tiếp (khoảng 6 câu) bày tỏ sự chia sẻ, cảm thông với tâm sự đau đớn, tuyệt vọng của Vũ Nương, nhưng cũng thấy:

- Nàng hiểu được thân phận của mình, tự nhận mình là “kẻ bạc mệnh” có “duyên phận hẩm hiu”, song vẫn khát khao được sống hạnh phúc với chồng con và mong thần sông minh oan cho tấm lòng thủy chung, trong trắng của mình. Lời than, lời thề nguyền của Vũ Nương thật thống thiết, ai oán.

- Hành động tự trẫm mình của Vũ Nương là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự. có nỗi tuyệt vọng đắng cay, nhưng người đọc cũng thấy được lòng tự trọng, sự chỉ đạo của lý trí, chứ không như hành động bột phát trong cơn nóng giận như truyện cổ tích miêu tả “Nàng chạy một mạch ra sông, đâm đầu xuống nước tự vẫn”.

- Phẩm chất cao đẹp của Vũ Nương thể hiện qua lời thề nguyền cũng là phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ lao động xưa: Dù cuộc sống của họ có khổ đau bất hạnh, song họ vẫn luôn giữ tròn phẩm chất thủy chung, sắt son, nghĩa tình của mình.

3.Học sinh có thể đưa các chi tiết kỳ ảo sau:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa, sau chạy giặc Minh, chết đuối, lạc vào động rùa của Linh Phi được Linh Phi cứu, đãi yến tiệc rồi trò chuyện với Vũ Nương dưới thủy cung.

- Vũ Nương hiện về giữa dòng sông sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang trong cảnh võng lọng, cờ tán rực rỡ, nói vài lời từ biệt với chồng rồi trở lại sống với Linh Phi.

4. Nguyên nhân dẫn tới cái chết của Vũ Nương

    - Nguyên nhân trực tiếp: lời nói ngây thơ của đứa con (bé Đản), bé Đản không chịu nhận Trương Sinh là cha.

    - Nguyên nhân gián tiếp:

       + Do người chồng tính tình đa nghi, hay ghen, gia trưởng.

       + Cách cư xử nóng nảy, hồ đồ, phũ phàng của Trương Sinh.

       + Chiến tranh phi nghĩa nổ ra, gây ra sinh li từ biệt.

       + Do xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, lời nói của người phụ nữ không được coi trọng.

**ĐỀ 6: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau đó đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.*

*Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:*

*- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.*

*Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt rồi dần biến mất.*

**Câu 1:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể số mấy, nêu tác dụng của ngôi kể đó?

**Câu 2:** Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 3:** Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích trên và nêu tác dụng?

**Câu 4: T**ừ phần kết phía trên, em thấy truyện này kết thúc có hậu hay không có hậu, vì sao?

**Câu 5:** Hãy nêu tên một số tác phẩm đã học trong chương trình THCS có nói về thân phận người phụ nữ chịu nhiều bất hạnh, khổ cực trong xã hội phong kiến xưa.

**Câu 6:** So với truyện cổ tích Chuyện chàng Trương, Nguyễn Dữ đã sáng tạo thêm đoạn kết kì ảo (cuộc đời gặp gỡ giữa Phan Lang và Vũ Nương chốn thủy cung; lần gặp mặt ngắn ngủi của hai vợ chồng, sau đó là chia ly vĩnh viễn). Những chi tiết có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm?

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Đoạn trích trên sử dụng ngôi kể thứ ba. Ngôi kể này người kể giấu mình, ngôi kể này giúp người kể linh hoạt và kể chuyện khách quan hơn.

**Câu 2:** Nội dung đoạn trích: Nói về việc Trương Sinh lập đàn giải oan cho Vũ Nương bên bến sông Hoàng Giang. Vũ Nương hiện về giữa dòng rồi biến mất.

**Câu 3:** Chi tiết kì ảo trong truyện:

Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa đứng giữa dòng rồi sau đó biến mất.

    - Chi tiết này nhấn mạnh nỗi oan khiên mà Vũ Nương cũng như tư tưởng của nhà văn Nguyễn Dữ.

    - Vũ Nương hiện về chỉ là ảo ảnh, là một chút an ủi cho người phận bạc, bởi hạnh phúc lứa đôi đã tan vỡ.

    - Chi tiết này thể hiện khát vọng về công bằng, hạnh phúc của dân gian, người trong sạch cuối cùng được minh oan.

    - Nhưng chi tiết này vẫn gợi lên nỗi đau xót, nỗi ám ảnh với người đọc khi Vũ Nương vẫn nặng tình dương thế.

**Câu 4:** Cái kết của truyện không là cái kết có hậu bởi lẽ Vũ Nương không được sống cuộc đời hạnh phúc dù nàng là người tiết hạnh, đoan chính. Chi tiết Vũ Nương trở về khi Trương Sinh lập đàn giải oan là sự an ủi phần nào đối với người mệnh bạc như nàng.

**Câu 5:** Những tác phẩm nói lên thân phận bất hạnh, khổ cực của người phụ nữ trong xã hội xưa.

    - Bánh trôi nước – Hồ Xuân Hương.

    - Truyện Kiều - Nguyễn Du.

    - Vở chèo cổ Quan Âm Thị Kính (truyện dân gian).

**Câu 6:** Phần cuối là sự sáng tạo của tác giả

    + Vũ Nương trở thành tiên nữ dưới thủy cung, đây là sự sáng tạo riêng của Nguyễn Dữ.

    + Yếu tố kì ảo tạo ra màu sắc lung linh, nhưng cái ảo không tách rời hiện thực.

    + Cái kết có hậu chính là sự sáng tạo kết thúc có hậu, hoàn trả những điều xứng với giá trị, phẩm chất của Vũ Nương, qua đó thể hiện sự công bẳng, nỗi oan của nhân vật có cơ hội được hóa giải.

    + Cái kết có hậu cho nhân vật tiết hạnh được xây dựng bằng các chi tiết kì ảo để an ủi linh hồn của Vũ Nương, điều này phần nào khỏa lấp sự mất mát.

    + Nguyễn Dữ đồng thời cũng khiến cho bi kịch được đề cập tới trở nên sâu sắc và ám ảnh hơn: con người bị chia cắt vĩnh viễn với cuộc sống trần thế.

**5. HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**ĐỀ** **1:** **Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên uỷ quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:*

*- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam phương Bắc (chỉ đất Trung Quốc) chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng nữ vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ; các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ đời nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy, đều là chuyện cũ rành rành của các triều đại trước. Nay người người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn.*(Ngữ văn 9, Tập một)

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Nêu ngắn gọn nội dung chính trong lời dụ của vua Quang Trung trong đoạn trích trên.

**Câu 2:** Trong câu *“Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”.* Nhắc em nhớ tới tác phẩm nào đã học trong chương trình Ngữ văn THCS. Vua Quang Trung muốn khẳng định điều gì qua câu nói trên.

**Câu 3:** Em hãy giải thích nghĩa của từ “*lương tri, lương năng*”.

**Câu 4:** Trong đoạn “ *Đời Hán có Trưng Nữ Vương… các vua truyền ngôi lâu dài”* giống với những câu thơ nào của Nguyễn Trãi. Từ đó, em hãy chỉ ra nét tương đồng về tư tưởng, thái độ của Nguyễn Trãi và vua Quang Trung.

**Câu 5:** Từ đoạn trích trên, em hãy viết đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu có sử dụng thành phần phụ chú và phép nối nêu về suy nghĩ của em về vấn đề: Tuổi trẻ Việt Nam hiện nay cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước?

**Câu 6:** Qua đoạn trích em thấy vua Quang Trung hiện lên là người như thế nào?

**GỢI Ý**

**Câu 1:** Lời hiệu dụ của vua Quang Trung:

    - Vua Quang Trung nêu hoàn cảnh lâm nguy của đất nước “quân Thanh sang xâm lấn nước ta”.

    - Khẳng định chủ quyền dân tộc, nền độc lập tự cường của quốc gia.

    - Nhắc lại cho nghĩa quân, tướng sĩ nhớ tới lịch sử đau thương của quốc gia dân tộc khi bị giặc đô hộ, xâm chiếm.

    - Nêu tấm gương những người anh hùng đấu tranh bảo vệ nền độc lập của dân tộc, để khơi dậy niềm tự hào, ý chí chiến đấu chống kẻ thù.

    - Nêu rõ dã tâm của bọn giặc Thanh muốn mưu đồ cướp nước ta, và khẳng định kết cục thảm hại mà chúng phải nhận lấy.

    - Quyết tâm giữ bờ cõi, khẳng định tướng lĩnh, nghĩa quân là người có lương tri, lương năng.

**Câu 2:** Trong câu “ Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị” gợi nhắc tới hai câu thơ trong bài Sông núi nước Nam tương truyền của Lý Thường Kiệt.

“Sông núi nước Nam vua Nam ở

Rành rành định phận ở sách trời”

    - Câu nói của vua Quang Trung có ý nghĩa khẳng định nền độc lập, tự cường của nước ta, đất nước có ranh giới lãnh thổ rõ ràng, có vua cai trị. Đồng thời đây cũng là câu nói nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.

**Câu 3:** Nghĩa của từ “lương tri” và “lương năng”.

Lương tri: Người có lương tấm, biết nhận thức đúng đắn, soi xét đúng sai.

Lương năng: người có tài năng, phẩm cách tốt.

Ý của vua Quang Trung: tất cả các tướng lĩnh, quân sĩ đều là những người biết phải trái, đúng sai, đều là những người có lương tâm, biết yêu nước thương dân.

Vua Quang Trung dùng cách nói này để khích lệ lòng tự tôn dân tộc của quân sĩ.

**Câu 4:** Trong bài Bình Ngô đại cáo, tác giả Nguyễn Trãi có viết.

“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau.

Xong hào kiệt đời nào cũng có”

    - Điểm tương đồng trong tư tưởng của Nguyễn Trãi với Quang Trung:

       + Khẳng định sự tồn tại độc lập, bình đẳng của nước Nam với phương Bắc.

       + Nước ta đời nào cũng có anh hùng hào kiệt.

       + Tác giả nêu tấm gương sáng, ngợi ca anh hùng hào kiệt trong lịch sử và lên án hành động cướp nước, xâm lược của phương Bắc.

**Câu 5:**

    - Tuổi trẻ Việt Nam khi thể hiện lòng yêu nước.

Tuổi trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc kiến tạo vận mệnh, tương lai non sông đất nước vì vậy tuổi trẻ cần hiểu được vị trí quan trọng của mình.

       + Vốn tri thức, đạo đức được rèn luyện từ nhà trường là nền tảng cơ bản để thực hành trong đời sống.

       + Tuổi trẻ phải nỗ lực không ngừng học hỏi, phát triển về khoa học, kĩ thuật để bắt kịp với sự phát triển của thế giới.

       + Tuổi trẻ cần nuôi dưỡng trong mình tình yêu gia đình, quê hương, đất nước, niềm tự tôn dân tộc.

       + Cần ý thức việc trau dồi tri thức và đạo đức ngay khi còn trẻ.

**Câu 6:** Vua Quang Trung trong đoạn trích trên:

Trước hết, vua Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán:

    + Nghe tin giặc tới Thăng Long ông vội vã đốc xuất đại binh ra Bắc.

    + Là người sáng suốt, nhạy bén:

Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, ông đã lên ngôi hoàng đế để chính danh ra dẹp giặc.

- Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch, ta.

    + Quang Trung khích lệ tướng lính bằng những những lời nói chân thành, những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập.

- Tầm nhìn chiến lược, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập của vua Quang Trung đã góp phần làm nên chiến thắng thần tốc đại phá quân Thanh.

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau:**

*Nửa đêm ngày mồng 3 tháng giêng, năm Kỷ Dậu (1789), vua Quang Trung tới làng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy, rồi bắc loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ran để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.*

*Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức. Đoạn kén hạng lính khoẻ mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn; hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành trận chữ "nhất"; vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi (theo Dã sử, thì lúc này vua Quang Trung sai đốt hết lương thực và tự mình quấn khăn vàng vào cổ để tỏ ý quyết chiến quyết thắng, không chịu lùi). Quân Thanh nổ súng bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió bắc, quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam rối loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình.*

*Vua Quang Trung liền gấp rút sai đội khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa; những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh.*

*Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái thú Điền Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết (Cương mục ghi Sầm Nghi Đống thắt cổ chết ở Loa Sơn (tục gọi gò Đống Đa). Theo Bang giao lục, trong chiến dịch mùa xuân Kỷ Dậu, số quân Thanh bị chết là 27 vạn). Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung,* ***thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối****, quân Thanh đại bại.* (Ngữ văn 9, Tập một)

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Các sự việc trong đoạn trích trên được kể theo trình tự như thế nào?

**Câu 2:** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “*Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại”.*

**Câu 3:** Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật vua Quang Trung trong đoạn trích trên.

**Câu 4:** Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

**Câu 5:** Nhận xét về bút pháp tái hiện sự thực lịch sử của các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí qua đoạn trích hồi thứ mười bốn.

**ĐÁP ÁN**

**Câu 1:** Các sự việc trên được kể theo trình tự tuyến tính, trình tự thời gian (3/1 - 5/1 tết Kỉ Dậu).

**Câu 2:** Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *“Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.”*

Biện pháp nói quá trong chi tiết “thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối” nhằm nhấn mạnh tới sự thất bại thảm hại của quân giặc.

**Câu 3:** Cảm nghĩ về nhân vật vua Quang Trung.

    - Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người.

       + Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn làm chúng ta kinh ngạc, chiến thắng thần tốc.

       + Vừa hành quân vừa đánh giặc mà vua Quang Trung lên kế hoạch từ trước đã chiến thắng sớm hơn dự định 2 ngày.

    - Hình ảnh vua Quang Trung oai phong lẫm liệt:

       + Vua Quang Trung thân chinh cầm quân, dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy khiến nghĩa quân Tây Sơn đánh thắng kẻ thù.

       + Hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với áo bào đỏ sạm đen khói súng.

    - Hình ảnh người anh hùng được khắc họa đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần, là người có tổ chức và linh hồn của chiến công vĩ đại.

**Câu 4:** Thái độ của tác giả

    - Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lẫm liệt trong trận chiến…

    - Tỏ thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.

**Câu 5:** Khi các tác giả Ngô Thì, các tác giả chủ ý viết lại lịch sử, không phải sự sáng tạo văn học. Tâm lý này xuất phát từ việc người trung đại xem tiểu thuyết là thứ thấp kém, không có ý nghĩa với việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

    - Nhưng Hoàng Lê nhất thống chí là một tác phẩm văn chương đích thực, chính điều này làm nên sự trường tồn của tác phẩm.

    - Sự kết hợp giữa sáng tạo, gia công kết hợp giữa ngòi bút chân thực , nghiêm ngặt với bút pháp viết linh hoạt đã giúp người viết tái hiện một thời kì lịch sử dữ dội TK XVIII:

       + Sự kiện lịch sử được ghi chép cụ thể, chính xác với các mốc thời gian, địa điểm, không gian rõ ràng, tạo sự tin cậy cho người đọc.

       + Nhóm tác giả không chỉ dựa trên sự kiện đơn thuần mà còn chỉ ra bản chất của hiện thực, vẫn giữ nguyên lịch sử nhưng lại xây dựng hình tượng chân dung con người đại diện cho cả hai phía.

       + Lời văn miêu tả có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giọng kể khách quan, đơn sắc của người viết sử với giọng kể đầy xúc cảm của người sáng tạo văn học.

**6. CHỊ EM THÚY KIỀU**

**ĐỀ 1: Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*  
*So bề tài sắc lại là phần hơn*  
*Làn thu thủy nét xuân sơn*  
*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*  
*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*  
*Sắc đành đòi một tài đành họa hai.*

*Thông minh vốn sẵn tính trời*  
*Pha mùi thi họa đủ mùi ca ngâm*  
*Cung Thương làu bậc ngũ âm*  
*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.*

*Khúc nhà tay lựa nên chương,*

*Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.”*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Em hiểu thế nào về hình tượng *“thu thủy”, “xuân sơn”.* Cách nói *“làn thu thủy, nét xuân sơn”* là cách nói ẩn dụ hay hoán dụ? Vì sao?

**Câu 2:** Dụng ý của tác giả trong câu “*Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh*”? Theo em có nên thay thế từ “*hờn*” bằng từ “*buồn*” được không?

**Câu 3:** Sử dụng câu chủ đề sau để viết đoạn văn:

*“Khác với Thúy Vân, Thúy Kiều mang vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả về tài lẫn sắc”.*

**Câu 4:** Qua cung đàn của Thúy Kiều (ở câu thơ cuối đoạn trích) em hiểu thêm gì về nhân vật này?

**Câu 5:** Qua đoạn trích, tác giả Nguyễn Du bày tỏ tình cảm gì với nàng Kiều?

**Câu 6:** Chép chính xác một câu thơ trong bài thơ em đã học trong chương trình ngữ văn THCS nói về vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**Câu 7:** Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

**Câu 8:** Hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều có những điểm nào giống và khác nhau?

**GỢI Ý**

**Câu 1:**

    - Thu thủy: làn nước mùa thu.

    - Xuân sơn: nét núi mùa xuân.

Cả câu thơ sử dụng hình ảnh mang tính ước lệ và biện pháp ẩn dụ gợi lên đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân.

**Câu 2:**

    - Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp khiến “hoa ghen”, “liễu hờn”.

    - Nguyễn Du không miêu tả nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê vẻ đẹp đó.

    - Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp có sức hút, chiều sâu đến lạ lùng.

    - Không thể thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” bởi từ “buồn” không làm nổi bật được tính chất hờn ghen hiểm họa của tự nhiên trước vẻ đẹp của Thúy Kiều.

**Câu 3:**

    - Tác giả rất tinh tế khi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều: tác giả miêu tả chân dung Thúy Vân trước để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều.

    - Với thủ pháp đòn bẩy, tác giả làm nổi bật vẻ của Kiều cả về nhan sắc lẫn tài năng.

       + Ngay trong câu thơ: “Kiều càng sắc sảo mặn mà” tác giả gợi lên sự sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.

       + Với bút pháp ước lệ tượng trưng, bức họa về nàng Kiều với đôi mắt trong sáng, long lanh thể hiện tâm hồn trong trắng, trí tuệ sắc sảo của nàng.

       + Vẻ đẹp của Kiều khiến hoa ghen, liễu hờn dự báo trước cuộc đời đầy sóng gió của Kiều.

       + Thúy Vân tác giả tập trung tả về nhan sắc, với Thúy Kiều, tác giả một phần tả sắc và hai phần để tả về cái tài của nàng.

**Câu 4:**

Cung đàn của nàng Kiều là “cung thương lầu bậc ngũ âm” - cung đàn bạc mệnh của Kiều là tiếng của trái tim đa cảm.

    - Tâm hồn Kiều đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi số phận nghiệt ngã, éo le, gian khổ của bởi “chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” và trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

**Câu 5:**

    - Tác giả ngợi ca vẻ đẹp của Thúy Kiều - một trang tuyệt thế giai nhân có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành.

    - Tác giả cũng bày tỏ sự thương xót, lo lắng trước vận mệnh của Thúy Kiều.

    - Một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo ấy là đoạn trích ca ngợi đề cao những giá trị, phẩm chất con người như nhan sắc, tài hoa, nhân phẩm, khát vọng, ý thức về nhân phẩm, thân phận.

**Câu 6:**

Câu thơ nói về vẻ đẹp của người phụ nữ xã hội phong kiến:

*“Thân em vừa trắng lại vừa tròn”*

(Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)

**Câu 7:**

Đoạn trích Chị em Thúy Kiều thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du, khắc họa nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

    - Tác giả sử dụng bút pháp tượng trưng để gợi tả vẻ đẹp nhan sắc, tài năng, tâm hồn, qua mỗi bức chân dung đều gửi gắm những dự báo về cuộc đời và số phận.

    - Qua hai bức chân dung về Thúy Vân và Thúy Kiều đều thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca nhưng ông ưu ái dành nhiều câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật cả về nhan sắc và tài năng.

    - Cái tài của tác giả là từ việc miêu tả ngoại hình nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp về tính cách và tâm hồn đằng sau những tín hiệu ngôn ngữ là dự báo về số phận con người.

       + Thúy Vân: vẻ đẹp khiến tự nhiên nhường nhịn nên nàng chắc chắn cuộc đời nàng êm đềm.

       + Thúy Kiều: vẻ đẹp khiến tự nhiên danh ghét, ghen tị, chắc chắn cuộc đời gặp nhiều sóng gió, gập ghềnh.

    - Tác giả sử dụng những hình ảnh tươi đẹp nhất, ngôn từ hoa mĩ để xây dựng, miêu tả vẻ đẹp của con người đạt tới mức lý tưởng.

Đó cũng chính là cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ tấm lòng đồng cảm với mọi người.

**Câu 8:**

    - Giống nhau: *Mai cốt cách, tuyết tinh thần, Phong lưu rất mực hồng quần/ Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê, Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

    - Khác nhau:

       + Thúy Vân: *trang trọng khác vời, Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang, Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da…*

       + Thúy Kiều: *sắc sảo mặn mà/ So bề tài sắc lại là phần hơn - Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

    - Quan niệm của tác giả Nguyễn Du về mối quan hệ giữa nhan sắc, tài năng và số phận.

       + Vẻ đẹp sắc sảo, lôi cuốn, tài năng hơn người → bị đố kị, ghen ghét, số phận long đong.

    - Quan niệm này xuất phát từ cơ sở tâm lí - xã hội cụ thể.

**ĐỀ 2**: *“Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”  
“Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”*

**Câu hỏi**

a. Hai câu sau, mỗi câu nói về nhân vật nào?  
b. Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của mỗi nhân vật?

c. Từ câu chủ đề sau: “Khác với Thúy Vân, Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc”. Hãy viết tiếp khoảng 10 câu văn để hoàn thành một đoạn văn theo cách Tổng hợp – Phân tích - Tổng hợp.  
**Gợi ý**a- Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thuý Kiều.  
b- Giống nhau: Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển – dùng để tả nhân vật chính diện – lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thuý Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, đến liễu phải hờn.  
- Khác nhau:  
Tả Thúy Vân Tả Thúy Kiều  
Tác giả miêu tả Thúy Vân cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói Þ để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu. Nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của Thuý Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thuý Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ Þ tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.  
Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thuý Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thuý Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.  
c. Dùng câu chủ đề trên làm câu mở đoạn.  
Viết nối tiếp bằng những gợi ý sau:  
- Gợi tả vẻ đẹp của Kiều, tác giả vẫn dùng những hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thuỷ” (nước mùa thu), “xuân sơn” (núi mùa xuân), hoa, liễu. Nét vẽ của thi nhân thiên về gợi, tạo một ấn tượng chung về vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế.  
- Vẻ đẹp ấy được gợi tả qua đôi mắt Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ. Đó là một đôi mắt biết nói và có sức rung cảm lòng người.  
- Hình ảnh ước lệ “làn thu thuỷ” – làn nước mùa thu gợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt. Còn hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn” – nét núi mùa xuân lại gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung.  
- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh” – Vẻ đẹp quá hoàn mĩ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kỵ, ghen ghét ð báo hiệu lành ít, dữ nhiều.  
- Không chỉ mang một vẻ đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa:  
“Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm  
Cung thương làu bậc ngũ âm  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”  
- Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kỳ (cờ), thi (thơ), hoạ (vẽ). Đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đã là sở trường, năng khiếu (nghề riêng), vượt lên trên mọi người (ăn đứt).  
- Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết buồn thương, ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm.  
- Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc – tài – tình. Tác giả dùng thành ngữ “nghiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân, đồng thời là lời ngợi ca nhân vật.  
- Chân dung của Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kị “hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.  
Như vậy, chỉ bằng mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du đã không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được trước số phận của nhân vật; không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà còn truyền cả nỗi lo âu phấp phỏng về tương lai số phận nhân vật.

**Đề 3: Cho câu thơ:**

“Vân xem trang trọng khác vời”

**Câu hỏi:**

a. Hãy chép tiếp 3 câu thơ tiếp theo.

b. Phân tích biện pháp nghệ thuật sử dụng trong câu thơ: “*Hoa cười ngọc thốt đoan trang”.*

c. Viết đoạn văn theo phương thức quy nạp (10 câu) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của Thúy Vân trong đoạn trích vừa chép thơ. Trong bài viết có sử dụng lời dẫn trực tiếp và phép nối.

**GỢI Ý: a.**

Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

b. Biện pháp ước lệ tượng trưng trong câu thơ “Hoa cười ngọc thốt đoan trang”. Vẻ đẹp của Vân được so sánh với những điều đẹp đẽ nhất của tự nhiên: hoa, ngọc. Thúy Vân hiện lên với vẻ đẹp nền nã, hiền dịu, quý phái.

c. Đoạn văn: Miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân

- Câu thơ mở đầu đoạn khái quát vẻ đẹp của nhân vật, hai chữ “sang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái.

- Nghệ thuật ước lệ tượng trưng, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc.

   + Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt tới làn da, mái tóc, nụ cười, giọng nói.

- Tác giả sử dụng những từ ngữ trau chuốt, chọn lọc: khuôn mặt phúc hậu, đầy đặn, tươi sáng như trăng tròn.

- Chân dung Thúy Vân là chân dung mang tính cách số phận. Vân đẹp hơn những vẻ đẹp trong tự nhiên. Vẻ đẹp của nàng khiến tự nhiên “thua”, “nhường” dự báo cuộc đời êm đềm, không sóng gió.

1. **CẢNH NGÀY XUÂN**

**ĐỀ 1:**

*Ngày xuân con én đưa thoi   
    Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi   
           Cỏ non xanh tận chân trời   
    Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Đoạn thơ trên sử dụng kết hợp những phương thức biểu đạt nào, em hãy nêu tác dụng của cách kết hợp đó.

**Câu 2:** Hình ảnh “con én đưa thoi” gợi cho em điều gì? Chép chính xác câu thơ có sử dụng hình ảnh “thoi” ghi rõ tên bài thơ và tên tác giả.

**Câu 3:** Qua câu thơ **“Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”** gợi lên thời điểm nào của mùa xuân? Qua đó tác giả muốn thể hiện cảm xúc gì?

**Câu 4:** Câu thơ “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa”ngắt nhịp như thế nào? Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ gì? Chỉ ra tác dụng của biện pháp ấy tới việc thể hiện nội dung.

**Câu 5:** Nếu thay thế từ “tận” bằng từ “rợn” thì ý nghĩa của câu thơ thay đổi không? Vì sao?

**Câu 6:** Hai câu thơ cổ Trung Quốc: “Phương thảo liên thiên bích/ Lê chi sổ điểm hoa". Hãy so sánh với hai câu thơ của Nguyễn Du khi miêu tả về vẻ đẹp của mùa xuân.

**Đáp án**

**1:**- Đoạn thơ trên sử dụng phương thức miêu tả và tự sự.

       + Miêu tả: không gian, màu sắc, ánh sáng tươi đẹp, đặc trưng của mùa xuân.

       + Tự sự: Kể về sự việc, sự vật trong những ngày tháng 3 - tiết Thanh Minh, thời gian trôi nhanh, sắp kết thúc mùa xuân.

**2:**   - Hình ảnh “con én đưa thoi” ý nói: thời gian trôi nhanh, chín mươi ngày mà nay đã qua sáu mươi ngày.

    - Câu thơ có sử dụng hình ảnh thoi:

*Cá thu biển Đông như đoàn thoi*

(Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)

**3:**Qua câu thơ: Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi, gợi lên thời gian Tiết Thanh minh trong mùa xuân.

Tác giả cảm thấy nuối tiếc, ngỡ ngàng trước sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian.

**4:**Câu thơ “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa” ngắt nhịp 3/5, sử dụng bút pháp gợi tả và biện pháp nhân hóa. Trên nền trời xanh lam trong sáng của chiều xuân được điểm xuyết những đốm trắng của hoa lê.

    + Chữ “trắng”được đảo lên trước tạo sự mới mẻ tinh khôi, thanh khiết, kết tinh những tinh hoa của trời đất.

    + Chữ “điểm” nhấn mạnh, gợi hình ảnh bàn tay người họa sĩ tạo nên những điểm chấm phá cho bức tranh cảnh mùa xuân.

→ Câu thơ đắt giá, diễn tả vẻ đẹp tự nhiên bình dị, trong trẻo và giàu sức sống của mùa xuân.

**5:**Nếu thay từ “tận” bằng từ “rợn” thì ý nghĩa của câu thơ sẽ thay đổi hoàn toàn.

    + Từ tận mở ra không gian bao la ngút ngàn tới hút tầm mắt, tạo cảm giác mênh mông khoáng đạt.

    + Từ rợn sẽ khiến không gian bị thu hẹp có vẻ huyền bí, không tạo được vẻ khoáng đạt cho không gian.

**6:**Hai câu thơ cổ của Trung Quốc sử dụng hình ảnh cỏ thơm (phương thảo) trong khi câu thơ của Nguyễn Du lại thiên về việc tả màu sắc, gợi hình ảnh.

Bức tranh mùa xuân mà tác giả tạo ra mang màu sắc độc đáo, dung hòa giữa sắc độ lạnh trong sáng của nền trời buổi chiều xuân, làm thành gam nền cho bức tranh.

Sự phối màu giữa nền và khung cảnh chính của bức tranh mang lại cảm nhân mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, mùa xuân trở nên có hồn và sống động hơn.

**ĐỀ 2**

*Tà tà bóng ngả về tây   
                             Chị em thơ thẩn dan tay ra về   
                                  Bước dần theo ngọn tiểu khê   
                            Lần theo phong cảnh có bề thanh thanh   
                                   Nao nao dòng nước uốn quanh   
                             Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Câu thơ “*Tà tà bóng ngả về tây*” gợi đến khoảng thời gian nào trong ngày? Việc đó có tác dụng gì?

**Câu 2:** Các từ láy được sử dụng trong bài là những từ láy nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ láy đó.

**Câu 3:** Giải thích nghĩa của từ *Tiểu khê* trong câu “*Bước dần theo ngọn tiểu khê*”.

**Câu 4:** Trong câu thơ: “*Nao nao dòng nước uốn quanh*”. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

**Câu 5:** Theo em, bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du có gì đặc sắc?

**Câu 6:** Cảm nhận bức tranh phong cảnh được miêu tả trong 6 câu thơ cuối bài *Cảnh ngày xuân*.

**GỢI Ý.**

**1.** Câu thơ “Tà tà bóng ngả về tây” gợi tả thời gian chênh chếch xế chiều, đó là thời gian trong văn học gợi nỗi buồn.

    - Việc tả cảnh hoàng hôn khi cảnh vật đang đi vào hoạt động nghỉ ngơi, tĩnh lặng, dường như con người cũng đi vào trạng thái bâng khuâng, trống trải khó tả.

    - Tâm trạng con người cũng biến chuyển theo sự biến chuyển của thời gian.

    - Buổi chiều sẽ gợi lên trong lòng người tâm trạng buồn man mác.

**2.** Các từ láy được sử dụng trong bài: *thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ* để gợi tả sắc thái cảnh vật cũng như tâm trạng của con người.

Đặc biệt từ láy “nao nao” gợi nên nét buồn khó hiểu, không thể gọi tên.

    + *“Thơ thẩn”*: tâm trạng nuối tiếc khi tan hội trong sự bần thần, lắng buồn.

→ Cảm giác buồn, bâng khuâng xao xuyến một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn, thiếu nữ tha thiết với vẻ đẹp của tạo vật, niềm vui với cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

Những từ láy này đã nhuồm màu tâm trạng lên cảnh vật, thông qua bút pháp tả cảnh ngụ tình, cảnh tình càng trở nên tương hợp hơn.

**3.** Từ tiểu khê trong câu “Bước dần theo ngọn tiểu khê” có nghĩa là ngọn nước nhỏ, dòng suối nhỏ.

**4.** Trong câu thơ “Nao nao dòng nước uốn quanh” tác giả sử dụng biện pháp tả cảnh ngụ tình: tả cảnh gắn với tâm trạng con người, tình và cảnh tương hợp, cảnh thể hiện tâm trạng của con người, tâm trạng nhuốm màu lên cảnh vật.

Chị em Kiều khi trở về sau khi tan hội trong sự tiếc nuối, bần thần, bâng khuâng khó tả.

Cảm giác nao nao khó tả đã mở ra vẻ đẹp tâm hồn tha thiết với cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

**5.**    - Bút pháp tả cảnh của tác giả là bút pháp kết hợp giữa gợi và tả, tả cảnh ngụ tình gợi lên tâm trạng tiếc nuối, thơ thẩn, quyến luyến của chị em Thúy Kiều khi phải chia tay với hội xuân.

       + Tác giả sử dụng nhiều từ láy vừa gợi tả cảnh sắc vừa nêu bật được tình cảm, tâm trạng của chị em Thúy Kiều.

    - Trong đoạn trích có nhiều đoạn miêu tả thiên nhiên đặc sắc: cảnh ngày xuân, cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh thông qua bút pháp tả và gợi.

**6.**    - Hai câu thơ : Tà tà bóng ngả về tây/ Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

    Thời gian chiều tà thường xuất hiện trong văn học gợi lên nỗi buồn, những điều ảm đạm, hiu hắt.

       + Thời gian chiều tà cũng nhuốm màu tâm trạng bần thần, thẫn thờ của chị em Kiều khi phải chia tay với hội.

       + Cảnh vật và con người cùng chìm trong tâm trạng bâng khuâng khó tả, tâm hồn của con người cũng chuyển điệu cùng tâm hồn, cảnh vật.

    - Cảnh vật như lắng dần, mọi chuyển động đi vào nhẹ nhàng, mang dáng dấp nhỏ bé, phảng phất nỗi buồn.

    - Tác giả sử dụng nhiều từ láy: nao nao, tà tà, thanh thanh không những biểu đạt được sắc thái của cỏ cây, cảnh vật lúc hoàng hôn mà còn góp phần thể hiện được tâm trạng của nhân vật.

    - Hai câu thơ cuối, gợi lên nét buồn khó hiểu, mơ hồ, mông lung khi tác giả dùng từ láy “nao nao”.

       + Bút pháp tả cảnh ngụ tình càng nhấn mạnh thêm tâm trạng tiếc nuối, buồn bã khi tan hội.

    Cảnh vật mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân đã nhuốm màu tâm trạng tiếc nuối, thẫn thờ của chị em Kiều khi tan hội.

***8.* KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**ĐỀ 1**

*“Tưởng người dưới guyệt chén đồng*

*Tim sương luống những rày trông mai chờ*

*Bên trời góc bể bơ vơ,*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

*“Xót người tựa cửa hôm mai,*

*Quạt nồng ấp lạnh biết ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?

**Câu 2:** Cụm từ “tấm son” có nghĩa gì?

**Câu 3:** Trong đoạn trích, khi nói đến nỗi nhớ của Kiều hướng tới Kim Trọng, Nguyễn Du đã sử dụng từ *tưởng*; còn khi nói tới nỗi nhớ của Kiều dành cho mẹ cha, tác giả lại dùng từ *xót*. Hãy phân tích ngắn gọn sự đặc sắc, tinh tế trong cách dùng từ ngữ đó.

**Câu 4:** Thành ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 5:** Em hãy nhận xét về trình tự thương nhớ của Thúy Kiều trong đoạn trích trên. Theo em thứ tự đó có hợp lý không?

**Câu 6:** “Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên là ai? Những suy nghĩ của nàng Kiều về người đó được thể hiện như thế nào?

**Câu 7:** Viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật Kiều trong đoạn thơ trên.

**GỢI Ý**

1. Đoạn trích diễn tả nỗi nhớ thương cha mẹ và người yêu của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

2. “Tấm son” là từ ngữ dùng để chỉ tấm lòng son sắt, thủy chung, khôn nguôi nhớ về Kim Trọng của Thúy Kiều.

Cũng có thể Kiều đang cảm thấy tủi hờn, nhục nhã khi tấm lòng son bị vùi dập, hoen ố, không biết gột rửa thế nào cho hết.

**3.**  Từ “tưởng” gợi lên được nỗi lòng khắc khoải, nhớ mong về người cũ tình xưa của Thúy Kiều. Trong lòng nàng luôn thường trực nỗi nhớ người yêu đau đớn, dày vò tâm can. Từ này bộc lộ chính xác nỗi nhớ Kim Trọng của Kiều. Nỗi nhớ của một tình yêu đắm say trong sáng gắn với những kỉ niệm ngọt ngào.

    - Từ “xót” nghĩa là yêu thương thấm thía, xót xa tái hiện chân thực nỗi đau đớn đến đứt ruột của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng không thể ở cạnh báo hiếu cho cha mẹ, nàng đau đớn tưởng tượng ở chốn quê nhà cha mẹ đang ngóng chờ tin tức của nàng. Từ này đã bộc lộ rõ lòng tình yêu thương, lòng hiếu thảo hết mực của nàng với cha mẹ trong hoàn cảnh phải cách xa, li biệt.

-> Cách sử dụng từ ngữ hết sức chuẩn xác và tinh tế.

4. Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” được sử dụng nhằm nhấn mạnh nỗi đau xót dày

xé tâm can của Kiều khi lo lắng nghĩ về cha mẹ. Nàng băn khoăn không biết cha mẹ có được phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo không.

**5.** Trình tự thương nhớ của Thúy Kiều: nhớ Kim Trọng trước, sau đó nhớ cha mẹ. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, thật ra lại là rất hợp lý.

    + Kiều bán mình chuộc cha mẹ và em là đã thể hiện sự hiếu đễ của bản thân với công lao cha mẹ, nên nàng phần nào đỡ day dứt.

    + Đối với Kim Trọng, Kiều nhận thấy mình như một kẻ phụ tình, không đền đáp được tình cảm và tấm lòng của người yêu.

**6.**  “Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên chính là cha mẹ Kiều.

    - Kiều cảm thấy đau đớn, xót xa khi tưởng tượng ở quê nhà, cha mẹ và nàng vẫn tựa cửa ngóng đợi tin tức về nàng.

    - Nàng xót thương, cảm thấy day dứt khi không thể “quạt nồng ấp lạnh” phụng dưỡng song thân.

**7. - Nội dung:** Đảm bảo các ý chính nêu cảm nhận về những phẩm chất của Kiều được thể hiện ở đoạn trích

Kiều một mình trơ trọi giữa một không gian mênh mông, hoang vắng thì nỗi cô đơn của Kiều càng lúc càng dâng cao, và tâm trạng thương nhớ người yêu và người thân khắc khoải, da diết.

    - Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng: Kiều luôn day dứt vì không thể đáp lại tình cảm và tấm lòng của Kim Trọng.

       + Nỗi nhớ về cảnh thề nguyền khiến Kiều thấy thương thân tủi phận, nàng thấy lại kỉ niệm thiêng liêng trong niềm nuối tiếc.

       + Thương xót, đau đớn nghĩ rằng Kim Trọng sẽ ngóng đợi khi không thấy Kiều.

       + Tấm lòng son sắt của nàng bị vùi dập, hoen ố không biết bao giờ gột rửa cho được.

→ Nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ da diết, đau đớn tới dày xé tâm can.

    - Nỗi nhớ cha mẹ: thấy “xót” khi tưởng tượng cha mẹ vẫn ngóng đợi nàng.

       + Kiều tưởng tượng cha mẹ nơi quê nhà già yếu đi, không biết có ai chăm sóc chu đáo.

       + Mỗi khi nhớ về cha mẹ nàng luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ.

→ Nỗi nhớ thương của Kiều nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Hoàn cảnh của nàng thật xót xa, đau đớn. Nàng đã quên đi nỗi khổ, thực trạng của bản thân để hướng về người thân. Trái tim của nàng giàu tình yêu thương và đức hi sinh.

Kiều là người chung thủy, người con hiếu thảo, một người giàu đức hi sinh, lòng vị tha cao cả, đáng trân trọng.

**ĐỀ 2**

*“Buồn trông của bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

*Buồn trông ngon nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo những trình tự nào?

**Câu 2:** Trong đoạn trích trên điệp từ “buồn trông” có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Em hãy nêu tác dụng của hai câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

**Câu 4:** Ghi lại các từ láy có trong đoạn thơ trên và cho biết dụng ý nghệ thuật của chúng.

**Câu 5:** Em hãy so sánh hai câu thơ của Nguyễn Du: *Cỏ non xanh tận chân trời.*

Hãy chỉ ra nội dung của câu thơ đó với câu: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu.*

**Câu 6:** Phân tích hình ảnh ẩn dụ:

*"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi"*

**Câu 7:** Cảm nhận về nàng Kiều trong đoạn văn trên (khoảng 7 - 10 câu).

**Câu 8:** Nhận xét tình cảm của tác giả đối với Thúy Kiều.

**Câu 9:** Kể tên một tác phẩm cùng thể loại với tác phẩm có những câu thơ trên. Nêu tên tác giả?

**Câu 10:** Phân tích biện pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của tác giả Nguyễn Du trong đoạn trích trên bằng đoạn văn tổng phân hợp có sử dụng phép thế và phép lặp (gạch chân phía dưới các phép liên kết đó).

**GỢI Ý**

1. Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo trình tự từ xa tới gần.

Từ “cửa bể chiều hôm” tới “ghế ngồi”, bốn khung cảnh khác nhau:

    + Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển.

    + Những cánh hoa lụi tàn trôi man mác trên ngọn nước mới.

    + Nơi cỏ héo úa, rầu rầu.

    + Cảnh tưởng tượng sóng quanh ghế ngồi.

→ Diễn đạt nỗi buồn dâng lên đầy ắp, càng ngày như muốn nhấn chìm Kiều trước cuộc bể dâu.

2. Điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu, khắc họa nỗi buồn trông ra bốn phía, ngóng đợi những thứ xa xôi, mơ hồ làm thay đổi hiện tại bế tắc.

    - Buồn trông cái thảng thốt, lo âu, mỗi sợ hãi của người con gái non nớt khi lạc vào cuộc đời ngang trái.

    - Cụm từ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với những sắc thái cao độ khác nhau.

    - Điệp ngữ lại kết hợp với các từ láy chủ yếu là từ láy tượng hình, dồn dập, tạo nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều.

    - Điệp ngữ tạo nỗi buồn trầm hùng, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

3. Câu hỏi tu từ: “Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

    - Hình ảnh cánh buồm nhỏ, đơn độc giữa mênh mông sóng nước, cũng giống như tâm trạng của Kiều trong không gian thanh vắng ở hiện tại nghĩ tới tương lai mịt mù của bản thân.

       + Nàng cảm thấy lênh đênh giữa dòng đời, không biết ngày nào mới được trở về với gia đình, đoàn tụ với người thân yêu.

Câu hỏi tu từ: “Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Những cánh hoa trôi vô định trên mặt nước càng khiến Kiều buồn hơn, nàng nhìn thấy trong đó số phận lênh đênh, chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời ngang trái.

Kiều lo sợ không biết số phận của mình sẽ trôi dạt, bị vùi lấp ra sao.

4. Các từ láy được sử dụng trong bài: man mác, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

    - *“thấp thoáng”*: gợi tả sự nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của ánh mặt trời sắp tắt.

    - *“man mác”*: sự chia ly, chia cách biệt, khi Kiều càng ngày càng thấy bản thân lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi ba chìm sóng nước.

    - *“xanh xanh”, “ầm ầm”*: chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đang đổ dồn tới đè nặng lấy tâm trạng và kiếp người nhỏ bé của Kiều.

 5.   - Câu thơ: *Cỏ non xanh tận chân trời* là câu thơ trong đoạn trích Cảnh ngày xuân, diễn tả hình ảnh đẹp đẽ về sức sống của mùa xuân. Màu xanh của cỏ non ngút ngàn tới chân trời, mở ra không gian khoáng đạt, giàu sức sống.

    - Câu thơ: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu.*

Nội cỏ “rầu rầu” là hình ảnh “sắc xanh héo úa” mù mịt, nhạt nhòa trải dài từ chân mây tới mặt đất, không còn cái “xanh tận chân trời” như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đầm ấm.

Màu xanh của sự héo tàn gợi cho Kiều một nỗi nhàm chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô đơn, quạnh quẽ vô vọng vì sống cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày sống vô vị tẻ nhạt không biết kéo tới bao giờ.

 6.   - Nỗi buồn càng lúc càng tăng, càng dồn dập. Một cơn “gió cuốn mặt duềnh” là sự tưởng tượng của Kiều trước thực tại mù mịt, chênh vênh của Kiều.

    - Âm thanh *“ầm ầm tiếng sóng”* ấy chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đã, đang ập xuống cuộc đời nàng và còn tiếp tục đè lên kiếp người đè nặng lên trong xã hội phong kiến cổ hủ, bất công.

    - Tất cả những đợt sóng đang gầm thét trực chờ nhấn chìm Kiều, nàng không chỉ buồn mà là sợ, kinh hãi trước khi rơi vào vực thẳm một cách bất lực.

Nỗi buồn đã lên tới đỉnh điểm khiến Kiều thực sự tuyệt vọng.

→ Cảnh vật được nhìn thông qua lăng kính tâm trạng của Kiều “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”.

**7.**    Chỉ với 8 câu thơ tả thực cảnh nhưng thực chất là tâm cảnh đã nói lên sự vô định, buồn bã, nỗi lo âu kinh hãi dồn tới đỉnh điểm trong cảm xúc của Kiều. Hình ảnh cánh buồm xa xa nơi cửa biển là hình ảnh rất đắt khi thể hiện được nội tâm nhân vật Kiều. Cánh buồm nhỏ nhoi vô định cũng chính là hình ảnh Kiều vẫn lênh đênh giữa dòng đời không biết khi nào mới về đoàn tụ với gia đình. Tiếp nối là hình ảnh những cánh hoa tàn lụi trôi man mác trên mặt nước mới xa thì Kiều lại càng buồn hơn bởi nàng nhìn thấy thân phận vô định giữa dòng đời của mình. Hình ảnh nội cỏ rầu rầu như khắc họa sâu thêm nỗi buồn không lối thoát của Kiều. Nàng vô vọng vì những chuỗi ngày vô định xung quanh tẻ nhạt, không biết kéo tới bao giờ. Dường như nỗi buồn ngày càng tăng lên tới vô định, dồn dập. Nỗi buồn và sợ hãi dâng lên tột đỉnh, khiến Kiều rơi vào tuyệt vọng. Tất cả như muốn nhấn chìm, à dìm Kiều xuống tận đáy của sự đau khổ cùng cực.

**8.** Tác giả xót thương trước thân phận và hoàn cảnh của Kiều. Tác giả tái hiện chân thực nỗi đau, nỗi buồn và sự tuyệt vọng của Kiều trong những ngày tháng vô định, mù mịt, không có tương lai.

Tác giả thấu hiểu cặn kẽ nỗi cô đơn, buồn tủi mà Kiều đang phải đối mặt, vì thế mà ông có thể diễn tả thông qua hình ảnh của ngoại cảnh nhưng chạm tới được dụng ý nghệ thuật của mình.

Cảnh thiên nhiên trong bài cũng chính là cái cớ để tác giả bộc lộ cảm xúc chân thật của mình.

**9.** Truyện thơ Nôm “Truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu

**10.** Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc trong đoạn thơ cuối bài (8 câu cuối) chính là kiểu mẫu của lối thơ tả cảnh ngụ tình trong văn chương cổ điển.

Để diễn tả tâm trạng của Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình trong văn chương cổ điển để khắc họa tâm trạng của Kiều trong lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

Mỗi biểu hiện của cảnh chính là ẩn dụ về tâm trạng con người, mỗi một cảnh khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau trong khi nỗi buồn ấy lại ẩn chứa tâm trạng.

Thông qua điệp từ *“buồn trông”* kết hợp cùng với hình ảnh đứng sau và hệ thống các từ láy tượng hình, gợi sự dồn dập, chỉ có một từ tượng thanh ở cuối câu tạo nên nhịp điệu diễn tả nỗi buồn ngày càng tăng lên, lớp lớp nỗi buồn vô vọng, vô tận.

**ĐỀ 3: Cho đoạn thơ sau:**

*“Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

(*Kiều ở lầu Ngưng Bích* – trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du,

SGK Ngữ văn 9)

**Câu hỏi**

1. Chỉ ra một thành ngữ trong đoạn trích và giải nghĩa thành ngữ đó.
2. Thời gian thực tế mà Kiều xa cha mẹ mình chưa nhiều, nhưng tại sao tác giả lại viết: “*Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm”.*Hãy lí giải về cảm nhân này của Kiều.
3. Dựa vào đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn theo phương pháp lập luận diễn dịch khoảng 8 – 10 câu để làm rõ tấm lòng hiếu thảo của Thúy Kiều. Trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán và thành phần trạng ngữ. (Gạch chân và chú thích)
4. Chép lại một bài ca dao em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS cũng thể hiện tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ.

**GỢI Ý:**

1. Thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích là: “Quạt nồng ấp lạnh”

Ý nghĩa của thành ngữ “Quạt nồng ấp lạnh”: chỉ sự chăm sóc, phụng dượng của con cái đối với cha mẹ: Vào mùa hè, tiết trời nóng nực thì quạt cho cha mẹ ngủ, còn vào mùa đông khi trời giá lạnh thì vào nằm trước trong giường (ấp chiếu chăn) để khi cha mẹ ngủ, chỗ nằm đã ấm sẵn. Do đó, câu thơ thể hiện sự lo lắng không biết ai sẽ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc về già.

1. Thời gian thực tế mà Kiều xa cha mẹ mình chưa nhiều, nhưng tác giả lại viết: “*Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*để thể hiện sự lo lắng, quan tâm của Thúy Kiều đối với cha mẹ. Thời gian trôi đi thì cha mẹ sẽ thêm một già yếu mà nàng thì không thể ở bên cạnh chăm sóc, phụng dưỡng. Cụm từ “cách máy nắng mưa” đã nhấn mạnh quãng thời gian xa cách bây giờ chưa lâu nhưng đồng thời cũng gợi lên một tương lai cách trở, xa vời
2. Các yêu cầu cần đạt:

#### **Yêu cầu về hình thức:**

– Viết đúng hình thức đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn)

– Trình bày rõ ràng, mạch lạc.

– Đoạn văn có sử dụng câu cảm thán và thành phần khởi ngữ.

#### **Yêu cầu về nội dung:**

Làm rõ được lòng hiếu thảo của Thúy Kiều đối với cha mẹ thông qua các yếu tố:

– Mặc dù bán mình chuộc cha nhưng Kiều vẫn xót xa khi nghĩ tới cảnh cha mẹ ngày một già yếu.

– Hiểu rõ sự đau đớn, nhớ nhung con của cha mẹ, vì thế mà càng xót xa hơn khi nghĩ đến cảnh cha mẹ vì mình mà vò võ ngóng trông.

– Nàng lo lắng, xót xa vì mình không thể ở gần để ngày đêm phụng dưỡng song thân”

– Tác giả đã sử dụng những điển cố, điển tích “Sân Lai”, “gốc tử” để bộc lộ tấm lòng hiếu thảo của Kiều đối với cha mẹ. Đồng thời thể hiện lòng hiếu thảo đó xứng tầm với các tấm gương chí hiếu xưa.

1. Bài ca dao thể hiện tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ trong chương trình THCS:

*“Công cha như núi ngất trời*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông*

*Núi cao, biển rộng mênh mông*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”*

**9. LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

**ĐỀ 1: Cho đoạn thơ sau:**

*“Trước xe quân tử tạm ngồi,*

*Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.…*

*Gẫm câu báo đức thù công,*

*Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi”.*

*Vân Tiên nghe nói liền cười:*

*“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.  
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,  
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.  
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,  
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.*

(Ngữ văn 9, tập I, NXB Giáo dục, 2010)

**Câu hỏi:**

1. Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào? Của ai? Đoạn hội thoại trên diễn ra trong hoàn cảnh nào?

2. Giải thích ý nghĩa các cụm từ “*báo đức thù công*” và “*kiến nghĩa bất vi*”?

3. Những từ *tạm ngồi, xin cho, tiện thiếp, lạy, thưa* trong lời nói của Kiều Nguyệt Nga đã thể hiện phương châm hội thoại nào? Tìm một câu thành ngữ hoặc tục ngữ nói về phương châm hội thoại đó?

4/ Qua đoạn thơ, em rút ra cho mình bài học về đạo lí nào?

5/ Viết một đoạn văn khoảng 15 câu theo phép lập luận tổng – phân – hợp nêu cảm nhận của em về những phẩm chất của nhân vật Vân Tiên trong đoạn trích trên. Trong đoạn văn có sử dụng hình ảnh so sánh và thành phần phụ chú (gạch dưới hình ảnh so sánh)

**Đáp án**

1. Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm “Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu

- Đoạn hội thoại diễn ra trong hoàn cảnh: Sau khi Lục Vân Tiên đánh tan bọn cướp Phong Lai, cứu Kiều Nguyệt Nga, đã ghé lại hỏi han nàng. Kiều Nguyệt Nga tâm sự về hoàn cảnh của mình và tỏ ý muốn đền ơn Lục Vân Tiên, nhưng chàng đã từ chối. 2 - Giải thích ý nghĩa các cụm từ “báo đức thù công” và “kiến nghĩa bất vi”?

+ *Báo đức thù công*: báo trả ơn đức, đền đáp công lao

+ *Kiến nghĩa bất vi*: thấy việc nghĩa mà không làm (Cả hai câu thơ ý nói: thấy việc nghĩa mà bỏ qua không làm thì không phải là người anh hùng)

3. Những từ *tạm ngồi, xin cho, tiện thiếp, lạy, thưa* trong lời nói của Kiều Nguyệt Nga đã thể hiện phương châm lịch sự.

- Tìm đúng câu thành ngữ hoặc tục ngữ nói về phương châm lịch sự (VD: Lời chào cao hơn mâm cỗ; Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau…)

4. Những câu nói của LVT chứa đựng nhiều BH về đaọ lí: BH về việc làm ơn nhưng không đòi hỏi người mình giúp phải trả ơn, không tính thiệt so hơn khi giúp đỡ người khác, thấy việc nghĩa thì phải làm.

5.- Đoạn văn đảm bảo các ý chính nêu cảm nhận về những phẩm chất của Lục Vân Tiên được thể hiện trong tác phẩm:

+ Tinh thần nghĩa hiệp, anh hùng

+ Tinh thần quả cảm, võ nghệ cao cường

+ Biết quan tâm và cảm thông

+ Biết trọng lễ nghĩa

+ Trọng nghĩa khinh tài

**ĐỀ 2: Cho hai câu thơ sau :**

*“Nhớ câu kiến ngãi bất vi*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng “.*

Câu 1: Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về tác giả và cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?

Câu 2: Từ nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích Lục Vân tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, em hãy viết bài văn ngắn (15 đến 20 dòng) bàn về lẽ sống đẹp của con người trong cuộc sống.

**GỢI Ý:**

Câu 1: A. Mở đoạn: giới thiệu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu, và hai câu thơ.

B. Thân đoạn:

\* Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn cuả dân tộc, mãi mãi xứng đáng là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam thế kỷ XI X , để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị, nhất là truyện Lục Vân Tiên ...

- Lục Vân Tiên là người anh hùng lý tưởng của nhà thơ mù yêu nước. Chiến công đánh cướp của chàng mãi là bài ca hùng tráng của người anh hùng trong xã hội loạn lạc .Vân Tiên đã thể hiện một cách ứng xử vô cùng cao thượng và hào hiệp. Người đẹp băn khoăn về chuyện” báo đức thù công “ thì Vân Tiên ‘liền cười “ rồi đĩnh đạc nói :

“Nhớ câu kiến ngãi bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng “.

\* Ý nghĩa của hai câu thơ :

Hai câu thơ tác giả thể hiện một quan niệm đạo lý người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán .

B. Kết đoạn: Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao tinh thần nhân nghĩa , ca ngợi lý tưởng anh hùng vị nghĩa cao đẹp. Quan niệm đó gắn với đạo lý làm người, hướng về nhân dân. Đó là bài học sâu sắc nhất mà ta cảm nhận được...

**Câu 2:**

**A. Yêu cầu về kĩ năng:**

Biết tạo lập một bài văn nghị luận ngắn, diễn đạt rõ ràng, lưu loát, đúng chính tả, ngữ pháp.

**B. Yêu cầu về kiến thức:**

-Khái quát về lẽ sống của nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích: Nghĩa khí, hào hiệp, sẵn sàng cứu khốn phò nguy, coi trọng nhân nghĩa, lễ giáo -> đây là quan điểm, là lẽ sống đẹp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm qua nhân vật.

-Trình bày lập luận về lẽ sống đẹp của con người trong cuộc sống:

* + Lẽ sống đẹp?
  + Biểu hiện của lẽ sống đẹp?
  + Ý nghĩa của sống đẹp ?
  + Hướng hành động và liên hệ thực tế

**10. ĐỒNG CHÍ**

**ĐỀ 1:** Cho đoạn thơ sau:

*"Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.”*

(Theo SGK Ngữ Văn 9, tập I, NXB Giáo dục Việt Nam)

**Câu hỏi**

**Câu 1**. Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

**Câu** 2. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản ấy.

**Câu 3.** Trong câu thơ *“Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”*, vì sao tác giả lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi”?

**Câu 4.** Hình ảnh *“đầu súng trăng treo”* cho thấy cảm xúc gì được thể hiện trong bài thơ? Qua đó em hiểu thêm gì về tâm hồn của những người lính trong kháng chiến chống Pháp?

**Câu 5:** Hãy ghi lại tên một tác phẩm đã học (ghi rõ tên tác giả) sáng tác cùng năm với bài thơ Đồng chí.  
**Câu 6:** Về câu thơ cuối của bài thơ, tác giả kể rằng lúc đầu ông viết là “Đầu súng mảnh trăng treo”, sau đó bớt đi một chữ. Chữ nào trong câu thơ đã được bớt đi? Theo em, vì sao tác giả lại bớt đi như vậy?

**Câu 7.** Nêu ngắn gọn vẻ đẹp của người lính trong đoạn thơ trên bằng một đoạn văn ( từ 8-10 câu).

**GỢI Ý:**

1. Đoạn thơ trên trích trong bài thơ "Đồng chí" của tác giả Chính Hữu.

2. Hoàn cảnh ra đời: Bài thơ Đồng chí được nhà thơ Chính Hữu sáng tác năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, in trong tập thơ Đầu súng trăng treo.

3. - Đối diện cảnh núi rừng lạnh lẽo và hoang vu và hoàn cảnh chiến đấu nguy hiểm, những người lính cùng sát cánh bên cạnh nhau.

       + Nhiệm vụ canh gác, đối mặt với hiểm nguy trong gang tấc cũng chính nơi đó sự sống cái chết cách nhau trong gang tấc.

       + Trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm tình đồng đội thực sự thiêng liêng, cao đẹp

    - Tâm thế chủ động, sẵn sàng “chờ giặc tới” thật hào hùng:

       + Những người lính sát cánh bên nhau vững chãi làm mờ đi khó khăn, nguy hiểm trực chờ phía trước của cuộc kháng chiến gian khổ.

→ Ca ngợi tình đồng chí, sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên khắc nghiệt về thời tiết và nỗi nguy hiểm trên trận tuyến.

**4.** Hình ảnh “đầu súng trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ, cũng chính là điểm nhấn của toàn bài thơ.

       + Hình ảnh thực và lãng mạn.

       + Súng là hình ảnh đại diện cho chiến tranh, khói lửa.

       + Trăng là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, thanh bình.

    - Sự hòa hợp giữa trăng với súng tạo nên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và đồng đội , nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.

→ Câu thơ như nhãn tự của toàn bài thơ, vừa mang tính hiện thực, vừa mang sắc thái lãng mạn, là một biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.

5. - Tác phẩm: "Làng"

- Tác giả: Kim Lân

6. - Chữ được bớt: “mảnh”  
- Tác giả bớt chữ “mảnh” bởi câu thơ “Đầu súng trăng treo” vẫn gợi được hình ảnh vầng trăng treo trên đầu mũi súng. Hơn nữa, khi bớt đi một chữ, câu thơ trở nên gọn, chắc, giàu nhịp điệu. Bốn chữ này có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng, chông chênh, góp phần diễn tả sinh động hình ảnh vầng trăng như treo lơ lửng trên đầu mũi súng.  
7. **- Yêu cầu về nội dung**: Đảm bảo nội dung sau:

+ Bức tranh đẹp về tình đồng chí

+ Biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ

Ba câu thơ trên được trích trong văn bản “ Đồng chí” của tác giả Chính Hữu đã rất thành công trong việc miêu tả biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ, về tình đồng chí. Hai người lính luôn kề vai sát cánh bên nhau, sưởi ấm lòng nhau, xua đi cái rét ở chiến tranh Việt Bắc. dù thời tiết có khắc nghiệt đến đâu họ luôn trong tư thế sẵn sàng chờ giặc tới. Trong đêm phục kích, vầng trăng trên đầu trở thành người làm chứng cho tình đồng chí trong các anh. Trong lúc chờ giặc tới, trong không khí căng thẳng của giờ phút xuất kích sắp đến họ vẫn tràn đầy một tâm hồn lãng mạn, họ đã nhận ra “ đầu súng trăng treo”. Câu thơ vừa có nghĩa tả thực, vừa giàu nghĩa tượng trưng: súng và trăng vốn là hai sự vật rất xa nhau nhưng trong con mắt người chiến sĩ chúng lại rất gần nhau. Súng và trăng là gần và xa, là thực và mộng, là chiến tranh và hòa bình là chiến sĩ và thi sĩ. Hình ảnh thơ khép laị đã trở thành một biểu tượng đẹp của người chiến sĩ cách mạng với sự đan cài: cuộc sống chiến đấu của họ dù khó khăn, gian khổ nhưng trong họ tràn đầy sự lãng mạn. Hình tượng đó trở thành nền thơ ca cách mạng Việt Nam- cảm hứng hiện thực- lãng mạn. Ôi, yêu biết mấy những người lính cụ Hồ!

**ĐỀ 2:**

“*Quê hương anh nước mặn đồng chua   
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá   
Anh với tôi đôi người xa lạ   
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.   
Súng bên súng, đầu sát bên đầu   
Đên rét chung chăn thành đôi tri kỷ   
Đồng chí!”*

(Chính Hữu*, Đồng chí)*

**Câu hỏi**

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ và hoàn cảnh sáng tác bài thơ?
2. Ghi lại một câu thành ngữ có trong đoạn thơ trên? Giải thích câu thành ngữ đó?
3. Câu thơ *Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ này?
4. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng ở câu thơ *Súng bên súng, đầu sát bên đầu.* Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?
5. Giải thích cụm từ *“đôi tri kỉ”.* Chép chính xác một câu thơ trong một bài thơ đã học có từ “tri kỉ”. Ghi rõ tên tác giả và tên văn bản. Chỉ ra điểm giống và khác nhau của từ “tri kỉ” trong hai câu thơ đó.
6. Chỉ ra cấu trúc song đôi được sử dụng trong đoạn thơ và nêu tác dụng của cấu trúc câu đó đến việc thể hiện nội dung của đoạn?
7. Xét theo cấu tạo ngữ pháp, câu thơ cuối đoạn thuộc kiểu câu gì? Nêu ngắn gọn tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó trong văn cảnh.
8. Viết một đoạn văn diễn dịch (10 câu) nêu cảm nhận của em về tình đồng chí của những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp được thể hiện trong đoạn thơ.

**GỢI Ý**

1. Đoạn thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết sâu nặng của người lính cách mạng. Bài thơ được sáng tác vào năm 1948 là năm cuộc kháng chiến hết sức gay go, quyết liệt.

2. “*nước mặn, đồng chua*” là câu thành ngữ để nói về những vùng đồng quê gần biển, nghèo nàn nước mặn, đồng chua như chẳng hoa màu gì có thể lên được.

*“Đất cày lên sỏi đá”:* nơi đồi núi, trung du, đất đá bị ong hóa, khó canh tác.

→ Hai thành ngữ này để nhằm chỉ ra sự tương đồng về cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó là cơ sở hình thành tình đồng chí.

3. Biện pháp ẩn dụ được thể hiện qua hình ảnh “ đất cày lên sỏi đá”. Tác dụng: nhấn mạnh sự nghèo khó của “làng tôi”.

4. Biện pháp điệp ngữ và hoán dụ ở hai từ “súng, đầu”

Biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng đầu sát bên đầu” nhằm tạo nên sự đối ứng trong một câu thơ:

    + Gợi lên sự khắc nghiệt, nguy hiểm của chiến tranh (hình ảnh súng sẵn sàng chiến đấu).

    + Thể hiện sự chung sức, cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.

5. *Tri kỉ*: Biết mình, *đôi tri kỉ*: đôi bạn thân thiết (hiểu bạn như hiểu mình)

Câu thơ trong bài “Ánh trăng: của Nguyễn Duy cũng có từ “tri kỉ”:  
*“hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỉ”*  
- Từ “tri kỉ” trong hai câu thơ cùng có nghĩa chỉ đôi bạn thân thiết, hiểu nhau. Nhưng trong mỗi trường hợp cụ thể, nét nghĩa có khác: ở câu thơ của Chính Hữu, “tri kỉ” chỉ tình bạn giữa người với người. Còn ở câu thơ của Nguyễn Duy, “tri kỉ” lại chỉ tình bạn giữa trăng với người.

7. Xét về cấu tạo, câu thơ cuối có cấu tạo câu đặc biệt

\* tác dụng:

- về NT: tạo nhịp điệu, là bản lề khép, nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Và dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chất chứa bao trìu mến yêu thương.

- về ND: giúp thể hiện ý đồ NT của nt nó vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một lời định nghĩa về đồng chí. Thể hiện cảm xúc bị dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiết tha của tình đồng chí đồng đội.

- gợi sự thiêng liêng, sâu lắng của tình đồng chí.

8. - mở đoạn: đạt yêu cầu hình thức và nội dung: câu chủ đề nằm đầu đv.

- thân đoạn: Biết bám vào ngữ liệu khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật có dẫn chứng lý lẽ làm rõ cơ sở hình thành tình đồng chí keo sơn của những người lính cách mạng trong đoạn thơ.

+ Các anh cùng chung nguồn gốc xuất thân từ tầng lớp nông dân nghèo khổ.

+ Họ cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lí tưởng chiến đấu.

+ Cùng chia ngọt, sẻ bùi trong c/s đầy gian nan của người lính cách mạng.

- kết đoạn: khái quát lại vấn đề.

**ĐỀ 3:**  *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày   
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay   
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.   
Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh,   
Sốt run người, vừng trán ướt mồ hôi.   
  
Áo anh rách vai   
Quần tôi có vài mảnh vá   
Miệng cười buốt giá   
Chân không giày   
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!*

***CÂU HỎI***1. Từ “mặc kệ” trong câu thơ *Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*có nghĩa là gì? Qua đó em hiểu gì về những người lính?

2. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ *Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

3. Thông qua hình ảnh “*miệng cười buốt giá”, “ sốt run người”, “áo rách vai*” và cho em hiểu điều gì về cuộc sống của những người lính?

4. Trong đoạn thơ trên, Chính Hữu viết: *Áo anh rách vai ……….Chân không giày.* Ở bài thơ “Nhớ” (sáng tác cùng thời kì với bài Đồng chí), Hồng Nguyên viết: *Áo vải chân không – Đi lùng giặc đánh”*. Hãy cho biết những câu thơ ấy phản ánh hiện thực nào của cuộc chiến?

5. Nêu cảm nhận của em về câu thơ “*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!”*?

6. Đoạn thơ trên cho thấy vẻ đẹp nào của những người lính trong thời kì đầu kháng chiến chống Pháp?

7. Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

8. Viết đoạn văn ngắn theo phương pháp diễn dịch phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối bài.

**GỢI Ý**

1. Từ “mặc kệ” được đặt giữa câu thơ có những hình ảnh của làng quê quen thuộc không phải để nói về sự thờ ơ, vô tình của những người lính trước gia đình, quê hương.

Đối với những người lính thì ruộng nương, căn nhà là cơ nghiệp, ước muốn, nguyện vọng gắn bó cả đời của họ.

Nhưng vì nhiệm vụ, vì nền hòa bình độc lập của đất nước họ phải gác lại tình riêng lên đường vào mặt trận.

Câu thơ chứa từ “mặc kệ”: “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” giàu sức biểu cảm và gợi hình:

    - Để lại cả cơ nghiệp hoang trống ra đi, người thân ở lại đó là sự hi sinh lớn lao hạnh phúc cá nhân vì mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

    - Những người lính phải nén lại nỗi nhớ mong quê hương để tiếp tục chiến đấu.2. câu thơ sử dụng biện pháp tu từ hoán dụ (giếng nước gốc đa – chỉ quê hương và những người thân nơi hậu phương của người lính) và nhân hóa qua từ “nhớ”. Từ đó kđ hai bp đó cho thấy nỗi nhớ của qh và của những người than yêu với người lính đồng thời người lính cũng nhớ về qh với t/c sâu nặng.

3- Những người lính không chỉ chia sẻ nỗi nhớ nhà nói chung, nỗi nhớ quê hương mà còn là sự chia sẻ những thiếu thốn của cuộc đời người lính.

       + Họ thấu hiểu, chia sẻ cùng đối mặt, cùng chịu bệnh tật, những cơn sốt rét ghê gớm, cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc mà hầu như người lính nào cũng phải trải qua.

       + Những người lính phải vượt qua cả sự khó khăn, thiếu thốn về vật chất thông qua cặp câu sóng đôi, đối ứng nhau trong từng cặp câu và từng cặp câu.

    - Người lính bao giờ cũng nhìn và nói về bạn trước khi nói về mình, cách nói ấy thể hiện nét đẹp trong tình cảm thương người như thể thương thân, trọng người hơn trọng mình.

→ Chính tình đồng đội, đồng chí làm ấm lòng những người lính để họ vẫn cười trong buốt giá nhưng vượt lên trên buốt giá, thiếu thốn.

4.Những câu thơ của Chính Hữu và Hồng Nguyên p/a hiện thực gian khổ, thiếu thốn của cuộc k/c trong những ngày đầu.

5. Câu thơ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.

       + Cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.

       + Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.

    - Phản ánh tình đồng chí sâu đậm, có chiều sâu, để đi tới chiều cao cùng sống chết cho lí tưởng.

→ Tình thương, sự đoàn kết, chia sẻ thông qua “tay nắm bàn tay”.

6. Hình ảnh người lính cụ Hồ trong thời kì kháng chiến chống Pháp:

    - Xuất thân từ người nông dân nghèo, tự nguyện đến với cuộc kháng chiến chống Pháp.

    - Cuộc sống gian nan, vất vả và gian khổ, thiếu thốn.

    - Có sự gắn kết bền chặt tình cảm đồng chí, đồng đội, tinh thần chiến đấu.

    - Trong khó khăn vẫn hiện hữu vẻ đẹp của sự sẻ chia, đoàn kết trên những gian khổ, hi sinh.

7. Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới. *8.* Nếu những câu thơ đầu tiên của Chính Hữu thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí tới những biểu hiện cảm động nghĩa tình của những người lính dành cho nhau thì ba câu thơ cuối chính là nhãn tự của cả bài, có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn thể hiện biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí. Giữa khung cảnh lạnh lẽ, hoang vu của núi rừng Tây Bắc, những người lính đứng kề cạnh bên nhau xua đi cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc. Chính nơi đó, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh, thì những người lính càng trở nên mạnh mẽ, đoàn kết. Họ sát cánh bên nhau chủ động chờ giặc tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù. Hình ảnh cuối bài tỏa sáng với sự hòa kết hình ảnh súng - hình ảnh của khói lửa chiến tranh kết hợp với hình ảnh ánh trăng trong mát, thanh bình nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc. Chỉ với ba câu thơ xúc động, chân thực nhưng cũng giàu sự lãng mạn, bức tranh về tình đồng chí của người lính là biểu tượng giàu chất thơ nhất hiện lên thật cao đẹp, ngời sáng.

***ĐỀ 4:* Cho đoạn thơ:***Quê hương anh nước mặn, đồng chua  
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.  
Anh với tôi hai người xa lạ  
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,  
Súng bên súng, đầu sát bên đầu  
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.  
Đồng chí!  
 (“Đồng chí”, Chính Hữu)***Câu hỏi**

a, Trong những câu thơ trên có một từ bị chép sai. Đó là từ nào? Hãy chép lại chính xác câu thơ đó. Việc chép sai từ như vậy ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như thế nào?

b. Câu thứ sáu trong đoạn thơ trên có từ *tri kỉ.* Một bài thơ đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có câu thơ dùng từ *tri kỉ.* Đó là câu thơ nào ? Thuộc bài thơ nào ? Về ý nghĩa và cách dùng từ *tri kỉ* trong hai câu thơ đó có điểm gì giống nhau, khác nhau

c.Xét về cấu tạo và mục đích nói, câu thơ "Đồng chí!" lần lượt thuộc các kiểu câu gì? câu thơ này có gì đặc biệt? Nêu ngắn gọn tác dụng của việc sử dụng kiểu câu đó trong văn cảnh?

**d.** **chọn 1 trong 2 ý sau:**

1. Câu thơ thứ bảy trong đoạn thơ trên là một câu đặc biệt. Hãy viết đoạn văn khoảng 8 câu phân tích nét đặc sắc của câu thơ đó.

2. Viết đoạn văn khoảng 12 dòng theo cách diễn dịch. Phân tích đoạn thơ trên để thấy được cơ sở bền chặt hình thành tình đồng chí (trong đó có sử dụng câu ghép).

Chép lại và phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu ghép.

**GỢI Ý**

a.- Trong đoạn thơ có từ bị chép sai là “hai”, phải chép lại là “đôi” : “Anh với tôi đôi người xa lạ”.  
- Chép sai như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như sau: “Hai” là từ chỉ số lượng còn “đôi” là danh từ chỉ đơn vị. Từ “hai”chỉ sự riêng biệt, từ “đôi” chỉ sự không tách rời. Như vậy, phải chăng trong xa lạ đã có cơ sở của sự thân quen? Điều đó tạo nền móng cho chuyển biến tình cảm của họ.

b. Câu thơ trong bài *Ánh trăng* của Nguyễn Du có từ *tri kỉ* :

*hồi chiến tranh ở rừng*

*vầng trăng thành tri kỉ*

Từ *tri kỉ* trong hai câu thơ cùng có nghĩa chỉ đôi bạn thân thiết, hiểu nhau.

Nhưng trong mỗi trường hợp cụ thể, nét nghĩa có khác : ở câu thơ của Chính Hữu, *tri kỉ* chỉ tình bạn giữa người với người. Còn ở câu thơ của Nguyễn Duy, *tri kỉ* lại chỉ tình bạn giữa trăng với người.

c.Tác dụng:

- Về nghệ thuật: Tạo nhịp điệu, là bản lề khép mở ý thơ…

- Về nội dung: Giúp thể hiện ý đồ nghệ thuật của nhà thơ: biểu hiện sự cô đặc, dồn thụ sức nặng tư tưởng, cảm xúc của tác giả…)

**d.** **(1) Viết đoạn văn:**  
\*Về nội dung, chỉ cần chỉ ra được:  
- Từ “đồng chí” đứng thành một câu thơ đặc biệt với dấu chấm than,vừa ngân vang như một tiếng gọi tha thiết; vừa tạo thành một nốt nhấn, lắng lại, như khẳng định về một tình cảm rất đỗi thiêng liêng.  
- Từ “đồng chí” như một bản lề gắn kết hai đoạn của bài thơ, tổng kết phần trên và mở ra hướng cảm xúc cho phần sau: cơ sở hình thành tình đồng chí và những biểu hiện, sức mạnh của tình đồng chí.  
- Hai tiếng “đồng chí” giản dị, đẹp đẽ, là điểm hội tụ, là nơi kết tinh của bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn, tình người trong chiến tranh.  
\*Về hình thức: không quy định cụ thể, nên có thể tự lựa chọn cấu trúc đoạn cho phù hợp, giới hạn 8 câu.

ĐV tham khảo: Bài thơ ” Đồng chí” của Chính Hữuca ngợi tình cảm cao đẹp của những người lính anh bộ đội cụ Hồ trong đó tính hàm xúc của bài thơ được đặc biệt thể hiện ở dòng thơ thứ 7 trong bài thơ ” Đồng chí**”,** dòng thơ chỉ có một từ kết hợp với dấu chấm than, đứng riêng thành một dòng thơ và có ý nghĩa biểu cảm lớn, nhấn mạnh tình cảm mới mẻ thiêng liêng – tình đồng chí. Đây là tình cảm kết tinh từ mọi cảm xúc, là cao độ của tình bạn, tình người, có nghĩa được bắt nguồn từ những tình cảm mang tính truyền thống, đồng thời là sự gắn kết của bài thơ, nó là bản lề khẳng định khép lại cơ sở hình thành tình đồng chí của sáu câu thơ trước, còn với những câu thơ phía sau là sự mở rộng, sự triển khai biểu hiện cụ thể của tình đồng chí, với ý nghĩa đặc biệt như vậy nên dòng thơ thứ 7 đã được lấy làm nhan đề cho bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

**(2) Yêu cầu về hình thức**: Đoạn văn có độ dài khoảng 12 dòng theo lối diễn dịch, qui nạp, hay tổng phân hợp, có một câu ghép

**Yêu cầu về nội dung:** Cần làm nổi bật nội dụng sau:

- Sự gắn bó của những con người từ những vùng quê nghèo khổ khác nhau: xa lạ- tri kỉ

- Họ cùng chung lí tưởng, mục đích chiến đấu

- Chú ý vào các từ ngữ hình ảnh giàu sức gợi: chung chăn, tri kỉ, súng bên súng, đầu sát bên đầu.

**Đoạn văn tham khảo:**

Đoạn thơ trên trích trong văn bản “Đồng chí” – Chính Hữu sáng tác năm 1946 đã rất thành công trong việc thể hiện được cơ sở bền chặt hình thành tình đồng chí. Mở đầu là hai câu thơ:“Quê hương anh nước mặn đồng chua, Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”. Nghệ thuật đối xứng “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá” giúp ta hình dung ra những người lính đều là con em của những người nông dân từ các miền quê nghèo khó, hội tụ về đây trong đội ngũ chiến đấu. “Anh với tôi đôi người xa lạ, Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”. Từ “đôi” chỉ hai người, hai đối tượng chẳng thể tách rời nhau, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó keo sơn kết hợp với từ “xa lạ” làm cho ý xa lạ được nhấn mạnh hơn. Từ phương trời tuy chẳng hẹn quen nhau nhưng họ là những người cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ, trong trái tim của họ nảy nở lên những ý chí quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tình đồng chí – tình cảm ấy không chỉ là cùng cảnh ngộ mà còn là sự gắn kết trọn vẹn cả về lí trí lẫn lí tưởng và mục đích cao cả: chiến đấu giành độc lập tự do cho Tổ quốc. “Súng bên súng đầu sát bên đầu, Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. Chính Hữu sử dụng biện pháp nghệ thuật điệp từ qua từ “súng”, “đầu”, “bên” và nghệ thuật hoán dụ “súng, đầu” đã thể hiện điều đó.Từ “chung” ở đây bao hàm nhiều nghĩa: chung cảnh ngộ, chung giai cấp, chung chí hướng, chung một khát vọng, …“Tri kỉ” cho thấy họ là những đôi bạn thân thiết, luôn sát cánh bên nhau không thể tách rời. Tóm lại, những người lính / tuy xuất thân từ những vùng quê nghèo khó nhưng

CN VN

họ / vẫn chung mục đích, chung một lí tưởng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

CN VN

**ĐỀ 5:**

1. Chép chính xác khổ cuối bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, cho biết hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

2. Giải nghĩa từ “sương muối”.

3. Về hình ảnh “ Đầu súng trăng treo” cuối bài thơ, nhà thơ Chính Hữu viết: Trong chiến dịch nhiều đêm có trăng. Đi phục kích giặc trong đêm, trước mắt tôi chỉ có 3 nhân vật : khẩu súng, vầng trăng và người bạn chiến đấu. Ba nhân vật hòa quyện với nhau tạo ra hình ảnh “Đầu súng trăng treo”. Em có suy nghĩ và cảm nhận như thế nào về hình ảnh thơ độc đáo này? Hãy trình bày trong một đoạn văn khoảng 8 câu theo cách lập luận qui nạp, trong đoạn có sử dụng phép liên kết nối (gạch chân).

4. Một bài thơ khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có một hình ảnh lãng mạn được xây dựng trên cơ sở quan sát như hình ảnh “Đầu súng trăng treo”. Hãy chép lại câu thơ đó và cho biết tên tác giả, tác phẩm.

5. Hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp với chủ đề: *Ba câu kết thúc bài thơ là bức tranh đẹp về tình đồng chí, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ.* Trong đoạn có sử dụng câu cảm thán và phép nối để liên kết  (gạch dưới câu cảm thán và từ ngữ dùng làm phép nối).

**GỢI Ý:**

1.- HS chép chính xác khổ thơ:

*"Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.”*

- Hoàn cảnh sáng tác: 1948, sau khi tác giả đó cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công qui mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc.

2. Giải nghĩa từ “ sương muối: sương giá đọng thành những hạt nhỏ trắng xóa như muối trên cây cỏ hay mặt đất.

3. Viết đoạn : Đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hình thức : Đúng kiểu đoạn, đủ số câu đủ các yêu cầu của đoạn

- Nội dung cần có các ý:

+ Hình ảnh “Đầu súng trăng treo” là có thật trong cảm giác, được nhận ra từ những đêm hành quân, phục kích chờ giặc...

+ Đây là hình ảnh đẹp gợi bao liên tưởng phong phú...

+ Câu thơ như nhãn tự của cả bài, vùa mang tính hiện thực, vừa mang tính lãng mạn, là một biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí thân thiết.

Liên kết chặt chẽ

4. Một bài thơ khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9 cũng có một hình ảnh lãng mạn được xây dựng trên cơ sở quan sát như hình ảnh “Đầu súng trăng treo”:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng* ( Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)

5. \* Đoạn văn tổng-phân-hợp

- Phần mở đoạn: giới thiệu tên bài thơ, tác giả và vị trí đoan trích, nd khái quá của khổ thơ.

- Phần thân đoạn gồm khoảng 12 câu với đầy đủ dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ:  
+ Bức tranh đẹp về tình đồng chí: người lính đứng cạnh bên nhau, truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh để chiến thắng cái khắc nghiệt của thiên nhiên, chiến thắng kẻ thù.  
+ Biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ: sự hòa hợp giữa súng và trăng toát lên vẻ đẹp trong tâm hồn, trong cuộc đời người chiến sĩ cách mạng. Súng và trăng là chiến sĩ và thi sĩ, là hiện thực và lãng mạn…  
- Phần kết đoạn: khái quát lại nd và nghệ thuật của đoạn thơ.

**ĐV mẫu**: Nếu những câu thơ đầu tiên của Chính Hữu thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí tới những biểu hiện cảm động nghĩa tình của những người lính dành cho nhau thì ba câu thơ cuối chính là nhãn tự của cả bài, có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn thể hiện biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí. Giữa khung cảnh lạnh lẽ, hoang vu của núi rừng Tây Bắc, những người lính đứng kề cạnh bên nhau xua đi cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc. Chính nơi đó, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh, thì những người lính càng trở nên mạnh mẽ, đoàn kết. Họ sát cánh bên nhau chủ động chờ giặc tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù. Hình ảnh cuối bài tỏa sáng với sự hòa kết hình ảnh súng - hình ảnh của khói lửa chiến tranh kết hợp với hình ảnh ánh trăng trong mát, thanh bình nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc. Chỉ với ba câu thơ xúc động, chân thực nhưng cũng giàu sự lãng mạn, bức tranh về tình đồng chí của người lính là biểu tượng giàu chất thơ nhất hiện lên thật cao đẹp, ngời sáng.

**11. BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

**ĐỀ 1: Cho đoạn thơ:**

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.  
  
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  
Như sa, như ùa vào buồng lái.*

***CÂU HỎI***

1. Hãy cho biết những câu thơ trên trích trong bài thơ nào, do ai sáng tác. Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

2. Có ý kiến cho rằng bài thơ hấp dẫn ngày từ nhan đề độc đáo. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

3 .Cách diễn đạt của nhà thơ ở câu thơ đầu tiên có gì đặc biệt?

4. Hình ảnh “*gió vào xoa mắt đắng”* trong khổ thơ thứ hai sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện tu từ đó?

1. Em hiểu *con đường chạy thẳng vào tim* có nghĩa ntn?
2. So sánh hình ảnh người lính trong đoạn với hình ảnh người lính trong bài “ Đồng chí” của Chính Hữu.

7. Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức diễn dịch để làm rõ tư thế, cảm giác của người lính lái xe trên chiếc xe không kính?

**GỢI Ý**

1.Những câu thơ trên trích trong bài thơ Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.

    - Bài thơ được sáng tác năm 1969 trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt trên tuyến đường chiến lược.

    - Bài thơ đạt giải nhất cuộc thi báo Văn nghệ 1969 và được đưa vào tập “Vầng trăng quầng lửa” của tác giả.

**2.** Bài thơ độc đáo ngay từ nhan đề tác phẩm.Nhan đề tưởng dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng thu hút người đọc bởi vẻ độc đáo, lạ lẫm của nó.

Bài thơ làm nổi bật hình ảnh độc đáo: Những chiếc xe không kính.

    - Hai chữ bài thơ thêm vào cho thấy lăng kính nhìn hiện thực khốc liệt của chiến tranh, chất thơ của tuổi trẻ, hiên ngang, bất khuất, dũng cảm vượt qua thiếu thốn, gian khổ nguy hiểm của thời chiến.

**3**: Từ ngôn từ, phong cách, nội dung đến nhịp điệu thơ đều rất tự nhiên, mộc mạc, có sức gợi tả, gợi cảm, giọng điệu thản nhiên gây sự chú ý về vẻ khác lạ của chiếc xe. Câu thơ làm hiện lên trước mắt người đọc một hình ảnh lạ lùng: những chiếc xe không kính đã đi qua bom đạn của thử thách.

4. Hình ảnh “*gió vào xoa mắt đắng”* trong khổ thơ thứ hai sử dụng biện pháp tu từ AD chuyển đổi cảm giác. Thể hiện tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn của người lính lái xe.

5. *con đường chạy thẳng vào tim:* Gợi liên tưởng đến những chiếc xe phóng với tốc độ nhanh như bay. Lúc đó giữa các anh với con đường dường như k còn khoảng cách khiến các a có cảm giác con đường như chạy thẳng vào tim. Đồng thời cho ta thấy tinh thần khẩn trương của các anh đối với sự nghiệp GPMN.

6. nét chung: Lòng yêu nước, dũng cảm sẵn sàng hi sinh vì độc lập tự do của TQ, bất chấp mọi khó khăn, gian khổ, hiểm nguy, sống lạc quan, gắn bó với nhau trong tình đồng chí đồng đội.

- Nét riêng: + Người lính trong BT *đồng chí* - thời kì chống Pháp, hầu hết xuất thân từ nông dân, từ thân phận nô lệ, nghèo khổ mà đi vào kháng chiến với vô vàn gian khổ, thiếu thốn. Cách mạng là sự giải thoát cho số phận đau khổ, tối tăm của họ. Người lính trong bài thơ này được khai thác chủ yếu ở đ/s tâm tư tình cảm.

+ Người lính trong *BT về…* - thời kì chống Mĩ, đi vào cuộc chiến đấu với ý thức giác ngộ về lý tưởng độc lập, tự do gắn với chủ nghĩa xã hội, ý thức sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ mình. Họ sống sôi nổi trẻ chung, yêu đời lạc quan tự tin. Hình ảnh họ thể hiện trong một thời điểm quyết liệt khẩn trương hơn. Đó là một thế hệ anh hung hiên ngang, mạnh mẽ.

 7. Trong bom đạn chiến tranh hình ảnh những chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn. Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu không làm khuất phục được ý chí chiến đấu lại khiến người lính lái xe bộc lộ được những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh tế lớn lao của họ đặc biệt là lòng dũng cảm, vượt qua mọi khó khăn. Họ chính là chủ nhân của những chiếc xe không kính nên khi miêu tả, tác giả đã khắc họa những ấn tượng sinh động khi đang ngồi trên những chiếc xe không kính trong tư thế “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” qua khung cửa xe đã bị bom đạn làm mất kính. Những câu thơ tả thực tới từng điểm diễn tả cảm giác về tốc độ của những chiếc xe đang lao nhanh ra đường:

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa như ùa vào buồng lái*

Những hình ảnh thực như gió, con đường, sao trời, cánh chim vừa thực vừa thơ, lại cái thi vị nảy sinh trên những con đường bom rơi đạn nổ. Dù trải qua hiện thực chiến tranh khốc liệt những người lính vẫn hướng về phía trước, xem thường mọi hiểm nguy với tinh thần thể hiện cái hiên ngang, trẻ trung của tuổi trẻ.

**ĐỀ 2: Đọc và trả lời câu hỏi**

*Không có kính, rồi xe không có đèn  
Không có mui xe, thùng xe có xước  
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:  
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

**Câu hỏi:**

1. Hai câu đầu tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?

2. Qua hình ảnh chiếc xe trong khổ thơ, em hình dung như thế nào về hiện thực của cuộc kháng chiến chống Mỹ?

3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng ở câu thơ cuối của khổ thơ? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

4. Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức quy nạp nêu cảm nhận về khổ thơ cuối bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính".

**GỢI Ý**

Câu 1: Trong hai câu thơ đầu, tg sử dụng NT liệt kê, điệp ngữ *không có: không có kính, không có đèn, không có mui xe*.

- Tác dụng: + gợi lên một chiếc xe không vẹn toàn, thiếu thốn đủ thứ. Những cái quan trọng cần có lại không có, những cái không cần có lại có thừa.

+ Nhấn mạnh sự biến dạng, hư hỏng nặng nề của những chiếc xe do bom đạn kẻ thù tàn phá. Càng đi sâu vào chiến trường, những chiếc xe càng bị hư hỏng: từ không có kính trở thành không có đèn, không có mui xe và thùng xe *có xước*.+ Đặt trong đoạn thơ, điệp ngữ *không có* còn tạo nên sự đối sánh đầy hiệu quả giữa cái ***không có*** (kính, đèn, mui xe,...) và cái ***có*** (một trái tim), giữa sự thiếu thốn khó khăn về điều kiện, phương tiện chiến đấu với tinh thần, ý chí của con người.

+ Bằng việc sử dụng NT liệt kê, điệp ngữ, tác giả ca ngợi tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, lí tưởng sống cao đẹp và trái tim yêu nước cháy bỏng của người lính Trường Sơn.

2. Phản ánh sự khốc liệt và dữ dội của chiến trường, bom đạn có thể làm cho những chiếc xe trở nên trần trụi biến dạng hoàn toàn. Người lính lái xe lại chất chồng khó khăn. Sự gian khổ nơi chiến trường ngày càng nâng lên gấp bội lần nhưng không thể làm chùn bước những đoàn xe nối đuôi nhau ngày đêm tiến về phía trước.

**3.** câu cuối sử dụng biện pháp hoán dụ: Từ “trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển.

    - Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thốn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, hợp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.

    - Xe được chạy bằng chính trái tim, xương máu của chiến sĩ, trái tim ấy là niềm tin, niềm lạc quan và sức mạnh chiến thắng. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe do ý chí, niềm tin sắt đá cầm lái.

    Hình ảnh trái tim được hiểu theo nghĩa ẩn dụ và hoán dụ: trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.

    - Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp của tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

**4.** Khổ thơ cuối thể hiện ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Bài thơ khép lại bằng hình ảnh thể hiện ý chí kiên cường vì Tổ quốc, đó là sức mạnh sâu sắc, phi thường của người lính để vượt lên tất cả, bất chấp mọi nguy nan, mọi sự hủy diệt, tàn phá.

       + Biện pháp liệt kê, điệp ngữ được sử dụng nhằm nhấn mạnh sự ác liệt của chiến tranh ngày càng tăng, và sự thiếu thốn, mất mát ngày càng lớn.

    - Điều kì diệu và đặc biệt là không gì có thể cản trở, tàn phá được chuyển động của chiếc xe vì “xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”.

    - Mọi thứ trên xe không còn nguyên vẹn nhưng vẫn nguyên vẹn trái tim, ý chí của người lính. Đó chính là sự ngoan cường, dũng cảm, vượt lên trên mọi gian khổ ác liệt mà còn là sức mạnh của tinh thần yêu nước.

    - Đối lập với những cái “không có” ở trên là một cái “có”, sức mạnh từ trái tim có thể chiến thắng bom đạn kẻ thù. Những chiếc xe chạy bằng sức mạnh của trái tim.

    - Trái tim là hình ảnh hoán dụ, kết tinh cho vẻ đẹp về tâm hồn và phẩm chất của người lính lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp: vì miền Nam, vì sự thống nhất đất nước.

    Hình ảnh những người lính chiến đấu với lý tưởng độc lập tự do gắn với chủ nghĩa xã hội, họ ý thức về trách nhiệm của thế hệ mình. Hình ảnh của họ đã thể hiện thế hệ anh hùng, mạnh mẽ, hiên ngang.

**ĐỀ 3: *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật được mở đầu bằng một đoạn thơ rất độc đáo:***Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng…”*  
(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam)  
**Câu hỏi**

1. Em hãy cho biết bài thơ ra đời trong hoàn cảnh nào?  
2. Nhan đề bài thơ có gì khác lạ và có ý nghĩa như thế nào?

3.Tại sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật.  
4. Xác định biệp pháp tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ và nêu tác dụng?  
5. Từ bài thơ trên và những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vai trò của thế hệ trẻ ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  
**GỢI Ý:**

Câu 1: Bài thơ được sáng tác năm 1969, thời kì cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt. Khi đó, nhà thơ Phạm Tiến Duật cũng đang là một người lính chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn.   
Câu 2: - Điểm khác biệt: Nhan đề bài thơ khá dài, thêm chữ “bài thơ”tưởng như không cần thiết.  
- Ý nghĩa:  
+ Làm nổi bật hình ảnh của toàn bài : những chiếc xe không kính  
+Cho thấy rõ cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả: không chỉ viết về hiện thực chiến tranh mà chủ yếu muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy , chất thơ của tuổi trẻ, chất thơ trong tâm hồn người lính.  
+ Góp phần làm sáng rõ chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  
Câu 3: Hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật bởi xưa nay hình ảnh tàu xe đi vào thơ ca đều được lãng mạn hóa, mỹ lệ hóa nhưng Phạm Tiến Duật lại không ngần ngại đưa vào thơ của mình hình ảnh trần trụi, thực tế “những chiếc xe không kính”.

Hình ảnh những chiếc xe không kính là nhân chứng hùng hồn, chân thực cho hiện thực chiến tranh khốc liệt lúc bấy giờ. Với tâm hồn lãng mạn, nhạy cảm cùng với nét tinh nghịch, ngang tàng hình tượng những chiếc xe không kính xuất hiện trong thơ như để thử thách con người, cũng như để khẳng định chất thép, tinh thần dũng cảm, lạc quan coi thường hiểm nguy của những người lính lái xe Trường Sơn.

Câu 4.  
- Điệp ngữ “không” được lặp lại ba lần trong câu thơ đầu tiên.  
Tác dụng: Nhấn mạnh hiện thực thiếu thốn, gian khổ của điều kiện, phương tiện chiến đấu; nhấn mạnh nét ngang tàng, hồn nhiên qua giọng điệu tinh nghịch của người lính trẻ.  
- Điệp ngữ “bom” lặp lại hai lần trong câu thơ thứ hai.  
Tác dụng: Nhấn mạnh hiện thực khốc liệt của tuyến đường Trường Sơn cũng như những năm tháng kháng chiến chống Mỹ cứu nước.   
- Điệp ngữ “nhìn” lặp lại ba lần trong câu thơ thứ tư.  
Tác dụng: Nhấn mạnh tư thế hiên ngang, chủ động, ung dung, tinh thần lạc quan, dũng cảm bất chấp mọi khó khăn hiểm nguy của người lính lái xe.  
- Các điệp ngữ góp phần tạo nhạc điệu cho lời thơ.  
Câu 5.  
- Giải thích : làm rõ cách hiểu về “thế hệ trẻ ngày nay”, “sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.  
- Phân tích:  
+ Khẳng định được vai trò quan trọng, những đóng góp to lớn của thế hệ trẻ ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  
+ Chỉ rõ được lí do vì sao thế hệ trẻ ngày nay có vai trò quan trọng như vậy.  
- Nêu biểu hiện:  
+ Nêu bật được vai trò của thế hệ trẻ ngày nay trong sự nghiệp xây dựng Tổ quốc trên nhiều lĩnh vực khác nhau.  
+ Làm rõ được vai trò của thế hệ trẻ ngày nay tron sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là trong tình hình thế giới đang diễn ra phức tạp.  
- Bàn luận, mở rộng vấn đề.  
+ Với vai trò, sứ mệnh như vậy, thế hệ trẻ cần làm gì?  
+Phê phán những biểu hiện sống thiếu trách nhiệm.  
+ Liên hệ bản thân.

**ĐỀ 4: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:**

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

*Không có kính, rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe, thùng xe có xước,*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB. Giáo dục, 2014).

**Câu hỏi:**

1. Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào? Giới thiệu ngắn gọn về tác giả và hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm ấy.
2. Tìm một hình ảnh ẩn dụ trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ đó.
3. Tại sao nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của tác giả?
4. Từ việc cảm nhận phẩm chất của những người lính trong bài thơ trên và những hiểu biết xã hội của bản thân, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về lòng dũng cảm.

**GỢI Ý:**

**Câu 1.**

– Bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”

– Tác giả: Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, năm 1964 gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

– Sáng tác năm 1969 lúc cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt

**Câu 2.**

– Hình ảnh ẩn dụ: trời xanh hoặc trái tim

– Nêu được tác dụng của hình ảnh ẩn dụ: làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho điều tác giả muốn thể hiện

**Câu 3**Hình ảnh những chiếc xe không kính rất độc đáo vì:

– Đó là những chiếc xe có thực trên tuyến đường Trường Sơn trong thời kì chống Mĩ và đã đi vào thơ Phạm Tiến Duật cũng rất thực, không một chút thi vị hóa.

– Hình ảnh ấy vừa nói lên cái khốc liệt của chiến tranh vừa làm nổi bật chân dung tinh thần của người lính; thể hiện phong cách thơ của Phạm Tiến Duật: nhạy cảm với nét ngang tàng, tinh nghịch, yêu thích cái lạ

**Câu 4**Học sinh phải đảm bảo những yêu cầu về:

– Nội dung: Từ việc cảm nhận lòng dũng cảm của những người lính lái xe trong bài thơ, bày tỏ được những suy nghĩ về lòng dũng cảm: Thế nào là dũng cảm? Những biểu hiện của lòng dũng cảm trong cuộc sống? Vì sao có thể khẳng định đây là phẩm chất cao quý của con người? Em sẽ rèn luyện như thế nào để trở thành người dũng cảm?

– Hình thức: văn nghị luận, có thể kết hợp với các phương thức biểu đạt khác, diễn đạt sinh động, độ dài theo quy định…

\* Lưu ý: khuyến khích học sinh có suy nghĩ riêng, tuy nhiên phải lí giải hợp lí, thuyết phục

**ĐỀ 5: Cho câu thơ:**

*“Những chiếc xe từ trong bom rơi”*

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Chép tiếp 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ tiếp theo.

**Câu 2:** Em hiểu thế nào về hình ảnh trong hai câu thơ:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

Câu 3: Cảm nhận của em khi đọc hai câu thơ:

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm*

**Câu 4:** Em viết đoạn văn 12 câu theo phương thức diễn dịch trình bày cảm nhận của em về tình đồng đội của những người lính lái xe trong những khổ thơ vừa chép.

**GỢI Ý:**

**1.**

*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi lại đi trời xanh thêm.*

2. Bếp Hoàng Cầm ra đời trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là bếp dã chiến, có công dụng làm tan loãng khói bếp tỏa ra, khi nấu ăn tránh máy bay phát hiện.

Hình ảnh bếp Hoàng Cầm trong thơ Phạm Tiến Duật gợi lên tình cảm thắm thiết như ruột thịt của những người lính.

Tác giả đưa ra cách định nghĩa thật thú vị về gia đình, vừa hài hước, tếu táo lại tình cảm sâu lắng, thiêng liêng giúp con người xích lại gần nhau hơn trong những cái chung: chung bát, chung đũa, chung nắm cơm, bếp lửa, chung hoàn cảnh, chung con đường với vô vàn thách thức nguy hiểm.

3. Những hình ảnh sinh hoạt, nghỉ ngơi ngắn ngủi nhưng tâm hồn người chiến sĩ không vì thế mà nhụt chí, ngược lại, họ còn rất mạnh mẽ và kiên định, không gì lung lay nổi.

Hai câu thơ gợi nên sự chông chênh trên con đường gập ghềnh mà những người lính phải vượt qua. Nhưng ý chí chiến đấu, khí phách, nghị lực kiên cường, định kiến vượt lên tất cả.

Nhịp thơ đều đều 2/2/3 gợi lên sự bền bỉ trên từng cung đường của những người lính. Hình ảnh trời xanh thêm yên bình cũng tô đậm thêm niềm tin về ngày chiến thắng, về công bằng của những người chiến sĩ chiến đấu cho độc lập, tự do của dân tộc.

4.  Tâm hồn tươi trẻ, sôi nổi của tình đồng đội, đồng chí trong bài thơ:

       + Những người chiến sĩ lái xe là những chàng trai trẻ vui vẻ, hài hước, tinh nghịch. Họ hồn nhiên tếu táo cũng thật cảm động trong không khí đoàn kết, trong đồng chí, đồng đội.

       + Sự khốc liệt của chiến tranh tạo nên những tiểu đội xe không kính. Con đường giải phóng miền Nam là con đường đi tới chính nghĩa, họ càng đi càng có thêm nhiều bạn: “Gặp bạn bè giữa dọc đường đi tới”.

       + Chỉ một cái bắt tay cũng ấm long, đủ động viên nhau, cảm thông với nhau. Cái bắt tay cũng ấm lòng, đủ động viên, cảm thông với nhau.

       + Tình cảm giữa những người lính ấm áp, thắm thiết như anh em trong gia đình “Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy” – Một cách định nghĩa về gia đình thật lạ, thật hài hước, sâu lắng giúp con người xích lại gần nhau trong những cái chung bình dị, thân thuộc.

       + Cảnh những phút nghỉ ngơi sinh hoạt thật ngắn ngủi nhưng ý nghĩa, giản dị, tâm hồn người lính vẫn tươi vui, lạc quan.

       + Tình đồng đội đã gắn kết họ, tiếp cho họ sức mạnh để cùng nhau “lại đi, lại đi trời xanh thêm”.

       + Hình ảnh “trời xanh thêm” cũng là hình ảnh diễn tả được tinh thần lạc quan, yêu đời, đầy hi vọng của người lính lái xe Trường Sơn.

**12. ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

**ĐỀ 1:** Bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” là một khúc tráng ca về lao động và về thiên nhiên đất nước.

**1.** Cho biết tên tác giả và năm sáng tác của bài thơ ấy.

**2.** Xác định các từ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên ở những câu thơ sau:

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng".*

Biện pháp tu từ nói quá cùng những hình ảnh giàu sức liên tưởng được sử dụng trong hai câu thơ này có tác dụng gì?

**3.** Ghi lại chính xác câu thơ trong một bài thơ mà em đã được học ở chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở cũng có hình ảnh con thuyền trong đêm trăng.

**4.** Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* có sử dụng nhiều từ “*hát*” cả bài thơ cũng giống như một khúc tráng ca. Hãy chép thuộc những câu thơ có từ “*hát*” đó và nêu ý nghĩa của từ đó.

**5.** Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ hình ảnh người lao động ở khổ thơ dưới đây, trong đó sử dụng phép lặp để liên kết và câu có thành phần phụ chủ (gạch dưới những từ ngữ dùng làm phép lặp và thành phần phụ chủ)

*"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

*Lưới xếp buồm lên đón* *nắng hồng."*  
(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2017)

**GỢI Ý:**

1. Tác giả của bài Đoàn thuyền đánh cá là Huy Cận (1919-2005).

Bài thơ được sáng tác năm 1958.

2. Các từ thuộc trường từ vựng chỉ thiên nhiên:

lái gió, buồm chăng, mây cao, biển bằng.

- Biện pháp: “Lướt giữa mây cao với biển bằng” có tác dụng miêu tả con thuyền bỗng mang sức mạnh và vẻ đẹp của vũ trụ. Con người trong tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển trời quê hương.

3. Trích đoạn bài thơ Nguyên tiêu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngữ văn lớp 7.

*- "Giữa dòng bàn bạc việc quân*

*Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền."*

*- "Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,*

*Xuân giang, xuân thuỷ tiếp xuân thiên.*

*Yên ba thâm xứ đàm quân sự,*

*Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.:*

4. Trong bài Đoàn thuyền đánh cá có sử dụng nhiều từ “hát” cả bài thơ giống như một khúc tráng ca. Những câu thơ có từ “hát” trong bài:

- Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

- Ta hát bài ca gọi cá vào → gợi sự thân thiết, niềm vui, phấn chấn yêu lao động.

- Câu hát căng buồm với gió khơi.

    + Những câu hát đã theo suốt hành trình của người dân chài, câu hát mở đầu lúc ra khơi và khi trở về đoàn thuyền vẫn với khí thế vui tươi đó, khúc ca trở về với thành quả là khúc khải hoàn ca.

    + Âm điệu bài thơ như khúc hát say mê hào hứng với chữ “hát” lặp đi lặp lại 4 lần khiến bài thơ tựa như khúc ca lao động khỏe khoắn, vui nhộn.

5. **Yêu cầu về hình thức**: Đoạn văn có độ dài khoảng 12 dòng theo lối diễn dịch, qui nạp làm rõ hình ảnh người lao động…

**Yêu cầu về nội dung:** Cần làm nổi bật nội dụng sau:

*-* Mở đoạn: Giới thiệu tên văn bản tác giả và nội dung của đoạn thơ.

- Thân đoạn: phân tích câu thơ làm rõ hình ảnh người lđ.

+ Lúc sao mờ là lúc đêm sắp tàn, trời sắp sáng. Các bạn chài nhìn sao rồi hối hả giục nhau: “Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng”. Chữ “kịp” nói lên sự hối hả, khẩn trương. Phải kéo lưới để trở về bến đem cá bán phiên chợ mai, cho cá được tươi ngon, được giá.

+ Câu thơ thứ hai có hai hình ảnh rất gợi cảm. Hình ảnh thứ nhất: "Ta kéo xoăn tay". Chữ “xoăn tay” gợi tả những cánh tay rắn chắc, dẻo dai của những chàng trai làng chài như xoắn lại, như căng lên lúc kéo lưới. Một vẻ đẹp trẻ tráng trong lao động rất đáng yêu. Hình ảnh thứ hai: “chùm cá nặng” là một hình ảnh so sánh rất sáng tạo. Cá mắc vào lưới rất nhiều, treo lủng lẳng như những chùm trái cây trĩu cành, phải kéo rất “nặng” tay. Câu thơ "Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng” nói lên một chuyến ra khơi may mắn, đánh bắt được nhiều cá. Lao động thực sự là nguồn sống đem lại hạnh phúc cuộc đời.

+ Câu thơ thứ ba là một bức tranh cá có đường nét, màu sắc tráng lệ. Cá chất đầy khoang thuyền, cá tươi roi rói. “Váy bạc đuôi vàng" của cá “lóe” lên dưới ánh hồng rạng đông. Nghệ thuật phối sắc của Huy Cận thật tài ba thần tình. Ông đã viết nên câu thơ có hình ảnh đẹp đầy ánh sáng.

+ Câu thơ cuối: Cánh buồm, con thuyền tràn ngập ánh hồng bình minh. Con thuyền và cánh buồm chớ đầy niềm vui sau một chuyến ra khơi đánh cá gặp nhiều may mắn.

Kết đoạn: Có thể nói khổ thơ này đã thể hiện khá hay một nét đẹp về cuộc sống và sinh hoạt của bà con dân chài trên vùng biển quê hương. Cảnh kéo lưới là một nét vui của bài ca lao dộng, bài ca cuộc đời. Cảm hứng lãng mạn thấm đẫm vần thơ “Đoàn thuyền đánh cá"

**ĐỀ 2: Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:**

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa.*

*Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi*.

(Trích Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr.139)

**Câu hỏi**

1) Đoạn thơ trên được trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

2) Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ.

3) Chỉ ra và nêu tác dụng của các phép tu từ trong hai câu thơ sau:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa,*

*Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*

4) Vũ trụ được tác giả hình dung như thế nào trong câu thơ *Sóng đã cài then, đêm sập cửa?*

5) Câu thơ *Câu hát căng buồm cùng gió khơi* sử dụng biện pháp tu từ nào? Câu thơ cho ta thấy vẻ đẹp nào của người lao động?

6) Từ nội dung đoạn thơ trên, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về biển đảo quê hương.

7) Bằng một đoạn thơ khoảng 12 câu theo phương thức Diễn dịch, em hãy trình bày cảm nhận của mình về khổ thơ vừa chép. Đoạn văn có sử dụng câu cảm thán và lời dẫn trực tiếp.

**ĐÁP ÁN:**

1) Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận

2) Phương thức biểu đạt: Miêu tả

3) Phép tu từ: So sánh nhân hóa

Cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lử khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa.

Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khi mặt trời lặn.

4) Vũ trụ như ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm của khổng lồ, những lượn sóng hiền hòa gối đầu nhau chạy ngang trên biển như những chiếc then cài cửa.

5) Là hình ảnh ẩn dụ mang tính chất khoa trương. Tiếng hát khỏe khoắn tiếp sức cho gió làm căng cánh buồm. Tiếng hát ấy, làm nổi bật khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân chinh phục biển cả…

6) Các em viết đoạn văn về: Hình ảnh mặt trời xuống biển và cảnh hoàng hôn

7) Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá.

Cảnh ra khơi trong buổi chiều hoàng hôn huy hoàng, tráng lệ và giàu sức sống.

Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then đêm sập cửa

    + Điểm nhìn của nhà thơ: giữa biển khơi bao la.

    + Tác giả cảm nhận độc đáo về hình ảnh mặt trời qua biện pháp nhân hóa, so sánh đặc sắc khiến cảnh biển vào đêm đẹp, kì vĩ, tráng lệ như thần thoại, nhưng gần gũi, thân quen.

    + Câu thơ khiến ta hình dung cả đoàn thuyền chứ không phải con thuyền đơn độc ra khơi.

    + Từ “lại” diễn tả công việc lao động thường ngày, nhịp lao động trở nên tuần hoàn.

    + “Câu hát căng buồm với gió khơi”: khí thế lao động phơi phới, mạnh mẽ của đoàn thuyền cũng như sức mạnh lao động làm chủ cuộc đời và biển khơi.

**Đề 3**: **Mở đầu một sáng tác nhà thơ Huy Cận viết:**

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

Và tác giả khép lại bài thơ bằng bốn câu thơ:

*Câu hát căng buồm….muôn dặm phơi”*

(Trích ngữ văn 9-tập 1 NXBGD 2014)

**Câu hỏi**

1. Ghi tên bài thơ có những câu trên. Những câu thơ ấy kết hợp với hiểu biết về tác phẩm, em hãy cho biết mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai theo trình tự nào?
2. Nêu hiệu quả NT của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: *Mặt trời xuống biển như hòn lửa*.
3. chép lại chính xác hai câu thơ tiếp trong bài thơ em vừa xác định thể hiện rõ lòng biết ơn của con người với biển cả quê hương.
4. viết đoạn văn khoảng 12 câu theo cách diễn dịch có sử dụng pháp thế để liên kết và một câu cảm thán, làm nổi bật cảnh đoàn thuyền trở về trong buổi bình minh ở khổ thơ trên (gạch dưới phép thế và câu cảm thán)

**Gợi ý:**

**Câu 1**

- Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

- Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai theo trình tự chuyến đánh cá ra khơi của đoàn thuyền (theo đó là trình tự thời gian từ chiều xuống đến lúc bình minh)

**Câu 2.**

- Hình ảnh so sánh trong câu thơ giúp người đọc hình dung rõ bức tranh hoàng hôn trên biển vừa tráng lệ, huy hoàng vừa sống động, kì thú.

- Hoàng hôn buông xuống nhưng không gian không chìm vào bóng tối mà rực lên ánh sáng, trên mặt nước lại cháy bùng ngọn lửa.

- Hình ảnh thiên nhiên cũng gợi lên sức sống, không khí hào hứng, náo nức của những người ngư dân trong buổi ra khơi đánh cá.

**Câu 3.**

Hai câu thơ thể hiện lòng biết ơn của những ngư dân với biển cả quê hương trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá là:

Biển cho ta cá như lòng mẹ  
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào

**Câu 4.** Yêu cầu:

• Về mặt hình thức:

- Đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch khoảng 12 câu.

- Gạch chân dưới từ ngữ dùng làm phép thế và câu cảm thán.

• Nội dung:Vẻ đẹp của cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong buổi bình minh:

- Đoàn thuyền trở về trong khúc ca khải hoàn Câu hát căng buồm với gió khơi.

- Đoàn thuyền trở về trong tư thế hào hùng, chạy đua với thiên nhiên Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

- Đoàn thuyền trở về với đầy ắp cá tôm trong cảnh bình minh rạng ngời Mặt trời đội biển nhô màu mới/Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Từ đó, vẻ đẹp của con người lao động làm chủ vũ trụ, làm chủ cuộc đời đã hòa với vẻ đẹp của thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ.

Chú ý: Học sinh cần làm rõ các biện pháp nghệ thuật: kết cấu vòng tròn, ẩn dụ, nhân hóa, điệp ngữ.

**ĐỀ 4: Cho đoạn thơ:**

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

*( Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận)*

**Câu hỏi:**

1. Hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai theo trình tự nào? Nêu hiệu quả nghệ thuật của nó?

2. Trong đoạn thơ trên có những hình ảnh nào được lặp lại so với khổ thơ đầu? Điều đó có ý nghĩa gì?

3. Nhận xét sự lặp lại và biến đổi về những hình ảnh giữa khổ thơ đầu và khổ thơ cuối.

4. Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức tổng – phân – hợp cảm nhận khổ cuối bài thơ. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép và phép thế.

**GỢI Ý:**

**1.** - Hoàn cảnh sáng tác: giữa năm 1958, Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ của Huy Cận mới thực sự nảy nở và dồi dào trở lại khi có nguồn cảm hứng về thiên nhiên đất nước, lao động cũng như cuộc sống mới.

    - Mạch cảm xúc của bài thơ được trình bày theo trình tự thời gian, không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền cho tới khi đoàn thuyền trở về, tất cả đều mang âm hưởng của niềm vui, niềm hạnh phúc trong lao động, đổi mới.

2.Trong đoạn thơ trên hình ảnh được lặp lại so với khổ thơ đầu hình ảnh “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”.

- Đây là hình ảnh hoành tráng, lãng mạn và đặc biệt.

Đoàn thuyền lớn lao, sánh ngang với hình ảnh mặt trời vĩ đại.

    + Huy Cận lấy một vật nhỏ bé, bình dị để đi ngầm so sánh với hình ảnh vĩ đại của thiên nhiên.

    + Cách nói nhân hóa, nói phóng đại diễn tả nguồn năng lượng, sức sống, sức lao động của vẫn hăng say, mạnh mẽ sau một đêm lao động của người dân chài lưới.

    + Qua đó, tác giả làm nổi bật hình ảnh những người lao động, thực chất là người dân chài lưới.

→ Những người lao động miệt mài với biển khơi nay trở về trong tư thế sóng ngang với vũ trụ, thậm chí trong cuộc chạy đua với thiên nhiên họ đã chiến thắng, họ làm chủ được thiên nhiên và là chủ của cuộc đời mình.

3. Hình ảnh được lặp lại và những chi tiết có trong có thay đổi trong ai khổ thơ. Việc lặp lại và thay đổi đã tạo nên sự đối ứng đầu cuối, thể hiện trọn vẹn hành trình ra khơi và trở về.

- Sự khác biệt là ở hướng của đoàn thuyền (ra khơi và trở về); ở thời gian (hoàng hôn và bình minh); hình ảnh bao trùm (mặt trời lặn và mặt trời mọc); ở khí thế con người (hăng hái khi ra đi, phấn chấn trước thành quả lao động khi trở về).

**4.** Những câu thơ cuối bài “Đoàn thuyền đánh cá” có cảnh mặt trời “đội biển” trái ngược với hình ảnh mặt trời lặn ở khổ thơ đầu.

- Khổ thơ cuối là cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh, rực rỡ, tráng lệ.

    + Mở đầu khổ thơ là hình ảnh câu hát theo suốt hành trình chinh phục tự nhiên. Nếu mở đầu câu hát tạo động lực thì nay câu hát ấy là khúc khải hoàn ca về chiến thắng, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.

    + Mở đầu là hình ảnh mặt trời đi vào tĩnh lặng của buổi hoàng hôn thì nay hình ảnh mặt trời mới rực rỡ xuất hiện báo hiệu sự sống sinh sôi nảy nở, sự khởi đầu của niềm vui, niềm hạnh phúc sau chuyến hành trình vất vả, cực nhọc.

    + Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá chạy đua cùng mặt trời làm nổi tư thế của những con người lao động, bởi đoàn thuyền thực chất nói tới người dân chài, đoàn thuyền là hình ảnh hoán dụ chỉ con người.

    + Hai câu thơ cuối, lại là hình ảnh một mặt trời mới, không phải mặt trời tự nhiên mà là hình ảnh mặt trời từ mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh, là niềm vui hạnh phúc của những người lao động.

→ Đó là niềm vui chiến thắng, niềm vui của thành quả lao động, niềm vinh quang của người lao động, rất bình dị, nhỏ bé. Nó làm nổi bật tư thế làm chủ vũ trụ của con người lao động.

**ĐỀ 5: Cho câu thơ:**

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

1. Viết chính xác 7 dòng thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ?
2. Cho biết tác giả, tác phẩm của hai khổ thơ vừa viết? Trong hai khổ thơ đó tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào?
3. Bằng một câu văn: Cho biết vẻ đẹp của con người lao động trong tác phẩm có hai khổ thơ trên.
4. Cho câu chủ đề sau: “Đoàn thuyền đánh cá không chỉ là bức tranh sơn mài lộng lẫy về vẻ đẹp thiên nhiên mà còn là một bài ca ca ngợi vẻ đẹp con người lao động”

a. Đề tài đoạn văn chứa câu chủ đề là gì? Đề tài của đoạn văn trước câu chủ đề là gì?

b. Hãy viết tiếp 10 đến 12 câu tạo thành đoạn văn tổng - phân - hợp hoàn chỉnh (có sử dụng phép thế từ đồng nghĩa)

5. Từ bài thơ và thực tế hiện nay, em có suy nghĩ như thế nào về tình cảm và trách nhiệm của mỗi công dân với biển đảo tổ quốc.

**GỢI Ý:**

**Câu 1:** Viết chính xác 7 dòng thơ hoàn thiện hai khổ thơ

**Câu 2:** Tác giả: Huy cận

Tác phẩm: Đoàn thuyền đánh giá

Các phép tu từ: Sử dụng động từ mạnh, nhân hóa, liệt kê, ẩn dụ

**Câu 3**: Vẻ đẹp của con người lao động: Con người làm chủ cuộc đời, làm chủ biển trời quê hương miệt mài hăng say hào hứng và chan chứa niềm tin tưởng lạc quan trong lao động.

**Câu 4**:

a. Đề tài đoạn văn chứa câu chủ đề: Bài ca ca ngợi vẻ đẹp con người lao động.

Đề tài của đoạn văn trước câu chủ đề là: Đoàn thuyền đánh cá bức tranh sơn mài lộng lẫy về thiên nhiên

b. -Hình thức: Đúng đoạn văn tổng phân hợp

-Phép thế - từ đồng nghĩa

-Nội dung:

+Âm hưởng lao động ngân vang cảnh đoàn thuyền ra khơi.

+Khí thế lao động mạnh mẽ phơi phới tràn ngập niềm vui của người lao động- cảnh đánh cá trên biển giữa trời sao. Âm hưởng của các câu hát

+Hình ảnh của con thuyền - đoàn tuyền trên biển lớn lao ngang tầm vũ trụ.

+Hình ảnh người dân chài khỏe khoắn trên nền trời đang sáng dần, ửng hồng “Sao mờ kéo lưới”

-Hình ảnh đoàn thuyền lao vun vút ở cuối bài, bài ca ngân vang hào hứng thành quả lao động to lớn.

**Câu 5:** Trình bày đoạn văn

-Tình cảm gắn bó, yêu mếm, tự hào về lãnh thổ hải phận của tổ quốc

-Thực tế việ trung quốc đặt giàn khoan HD 981- Biển Đông dậy sóng

-Trách nhiệm:

+Hướng về biển Đông bằng tấm lòng của người dân VN.

+Tuyên truyền với bạn bè trong nước và quốc tế về chủ quyền biển đảo.

+Biểu hiện tình yêu tổ quốc đúng pháp luật

+Sẵn sàng lên đường khi tổ quốc cần.

**13. BẾP LỬA**

**ĐỀ 1:**Ở bài thơ “Bếp lửa” (Bằng Việt) trong dòng hồi tưởng người cháu nhớ lại:

*“Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi....”*

Rồi trở về thực tại:

*“ Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tầu*

*Có lửa trăm nhà niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:*

*- sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?...*

***Câu hỏi:***

a) Nêu ý nghĩa văn bản và hoàn cảnh ra đời của bài thơ?

b) *“Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi"* được nhắc tới trong bài thơ gợi nhớ về thời điểm nào của đất nước? Việc nhà thơ tách từ “mòn mỏi” để ghép thành “đói mòn đói mỏi” có tác dụng gì?

c) Viết một đoạn văn theo cách diễn dịch (khoảng 12 câu) làm rõ t/c sâu nặng của cháu đối với bà ở khổ thơ trên trong đó có sử dụng phép nối để liên kết và một câu bị động ( gạch dưới TN dùng làm phép nối và câu bị động).

d) Hãy nêu tên một tác phẩm khác trong chương trình môn Ngữ văn cấp THCS cũng viết về tình cảm bà cháu ghi rõ tên tác giả.

### ĐÁP ÁN

a) Đoạn thơ trên được trích trong tác phẩm [***Bếp lửa***](https://vndoc.com/soan-van-9-bep-lua/download) của tác giả Bằng Việt.

\*Ý nghĩa của văn bản: Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại nhưng kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu đối vs bà cũng như đối với gia đình, quê hương, đất nước.

\*Hoàn cảnh ra đời bài thơ Bếp lửa: Bài thơ được sáng tác năm 1963 khi đất nước vẫn còn nhiều khó khăn: miền Bắc đã được hòa bình, đang xây dựng chủ nghĩa xã hội và chi viện cho tiền tuyến; miền Nam đang đấu tranh giải phóng, thống nhất đất nước. – Nhà thơ Bằng Việt đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài. Nhớ về quê hương, về người bà thân yêu, về những kỉ niệm tuổi thơ gian khổ mà ấm áp nghĩa tình, nhà thơ đã viết nên bài thơ này.

b) Câu thơ *“Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi"* nhắc nhớ đến kỉ niệm khi nhà thơ lên bốn tuổi, năm 1945, miền Bắc lâm vào nạn đói khủng khiếp khiến 2 triệu đồng bào chết đói tập trung từ Quảng Trị đến Bắc Kì.

– Việc tách từ “mòn mỏi” tạo thành tổ hợp “đói mòn đói mỏi” có tác dụng nhấn mạnh sự dai dẳng, khủng khiếp của cơn đói cũng như nỗi cơ cực, nhọc nhằn của mỗi người dân trong nạn đói.

- Về mặt ngữ âm, nó tạo sự nhịp nhàng cho câu thơ

- Về mặt cấu trúc, nó tạo nên sự cân xứng cho từ ngữ;

- Về mặt nội dung ý nghĩa, nó tạo nên sự nhấn mạnh, gây ấn tượng cho người đọc về cảm giác nặng nề, u ám và lê thê của nạn đói đối với nhân vật trữ tình khi hồi tưởng về thời điểm ấy của lịch sử, của kỉ niệm với người bà.

c. Viết đoạn văn: Học sinh trình bày cảm nhận, suy nghĩ của bản thân về đoạn thơ theo những cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản:

– Về nội dung: Tình bà cháu sâu nặng vượt trên cả khoảng cách không gian (“cháu đã đi xa”, đến những phương trời mới, đất nước xa xôi), khoảng cách thời gian (người cháu đã khôn lớn, trưởng thành), vượt lên cả sự khác biệt về hoàn cảnh sống (cuộc sống đủ đầy về vật chất, tiện nghi). Nỗi nhớ về bà, về những kỉ niệm tuổi thơ luôn luôn thường trực trong tâm thức, trong trái tim người cháu.

– Về hình thức: + Học sinh viết đoạn văn theo cách lập luận diễn dịch, với dung lượng phù hợp với yêu cầu đề bài (khoảng 12 câu). Diễn đạt lưu loát, mạch lạc, logic.

+ Trong đoạn văn có sử dụng câu bị động và phép nối để liên kết câu (gạch chân)

d. Liên hệ bài thơ khác cùng chủ đề tình bà cháu. Bài thơ viết về tình bà cháu trong chương trình Ngữ văn THCS: *Tiếng gà trưa* của nhà thơ Xuân Quỳnh.

**ĐỀ 2:** **Cho đoạn thơ:**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

*Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh*

*“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.*

*(Bếp lửa – Bằng Việt)*

***CÂU HỎI***

**Câu 1:** Đoạn thơ trên nhắc tới mấy hình ảnh ngọn lửa? Sự khác nhau giữa những ngọn lửa đó là gì?

**Câu 2:** Hình ảnh người bà hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào?

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*

**Câu 3:** Tại sao trong đoạn thơ, tác giả dùng hình ảnh “ngọn lửa” mà không phải “bếp lửa”? Hình ảnh “ngọn lửa” ở đây có ý nghĩa gì?

**Câu 4:** So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy một PCHT đã bị vi phạm. Đó là phương châm nào? Sự không tuân thủ PCHT như vậy có ý nghĩa gì?

**Câu 5:** Theo em, trong bài thơ ngoài tình cảm bà cháu còn tình cảm nào khác?

**Câu 6:** Cho câu thơ “Bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa”. Coi câu văn trên là câu mở đoạn, em hãy viết tiếp 12 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phương thức tổng - phân - hợp nêu cảm nhận về người bà trong bài thơ. Đoạn văn có sử dụng thành phần cảm thán và câu đơn mở rộng thành phần.

**GỢI Ý:**

1. Trong đoạn thơ trên có nhắc tới hai hình ảnh ngọn lửa:

    - Ngọn lửa từ bếp lửa của bà ân cần, ấm cúng, nhẫn nại, ngọn lửa tượng trưng cho những phẩm chất đáng quý của bà.

       + Những năm tháng kháng chiến khó khăn, ác liệt nhưng bà vẫn “vững lòng” là chỗ dựa cho con cháu.

       + Bà kiên cường trước mọi thử thách, tai họa khốc liệt của chiến tranh để trở thành hậu phương vững chắc cho con cái đi công tác.

       + Lời dặn của người bà đối với đứa cháu giúp ta hình dung ra được tình cảm, suy nghĩ cũng như làm sáng lên những phẩm chất của người mẹ Việt Nam anh hùng.

    - Ngọn lửa của kẻ thù thiêu rụi sự sống, tàn phá cuộc sống thanh bình “năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”.

→ Ngọn lửa của bọn giặc hủy diệt sức sống thì niềm tin và tình yêu thương của người bà được nhen nhóm mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

**2.** Những phẩm chất đáng quý của bà tỏa sáng cả bài thơ, trong ba câu thơ trên:

Bà kiên trì, kiên nhẫn nhen nhóm, xây dựng lại những thứ mất mát trong chiến tranh.

    - Trong lòng bà vẫn luôn chứa ngọn lửa của niềm tin, hy vọng và tình yêu thương. Ngọn lửa của tình yêu thương, đức tính can trường, vững vàng là ngọn lửa không thể dập tắt.

3. Ở hai câu sau của khổ thơ được trích dẫn tác giả dùng từ “ngọn lửa” mà không dùng “bếp lửa” vì theo trình tự vận động của mạch hình ảnh trong thơ “bếp lửa” đã được chuyển hóa thành “ngọn lửa” trong lòng người. Nghĩa là thành sức mạnh tình cảm của tâm hồn người bà. Tác giả sử dụng từ “ngọn lửa” chỉ tấm lòng, niềm tin chất chứa bên trong của con người.

- “Ngọn lửa” mang ý nghĩa biểu tượng chỉ tình yêu thương và sự ấm nóng, có sức tỏa sáng mạnh mẽ và lâu bền. Đây chính là sự tỏa sáng của tình thương mà “lòng bà luôn ủ sẵn”, sự tỏa sáng của niềm tin bền bỉ, mãnh liệt mà bà đã truyền cho cháu, nâng đỡ người cháu trong suốt hành trình của cuộc đời.

**4.**- PCHT đã bị vi phạm là PCVC.

- Sự k tuân thủ PCHT như vậy là để thực hiện mđ khác: Bà k muốn cháu thông báo cho bố mẹ biết những k/k ở nhà để bố mẹ cháu yên tâm công tác. Qua đó thấy được sự hi sinh của bà vì con cháu và t/c của bà đối với kháng chiến, đv đất nước.

**5.** Qua dòng hồi tưởng, suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ "Bếp lửa" gợi lại những kỉ niệm xúc động về tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

6. Bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa. Bà vẫn tiếp tục nhóm lên ngọn lửa của yêu thương, của sẻ chia ấm áp, của bầu trời tuổi thơ đẹp đẽ trong cháu,... Bếp lửa nhóm lên hay tay bà gây dựng? Tất cả đều là những miền kì lạ và thiêng liêng không ai gọi tên được bao giờ. Nhà thơ chỉ có thể thốt lên một tiếng “Ôi!” đầy cảm động. Ngọn lửa bà trao cho cháu được cháu giữ vẹn nguyên để trở thành ngọn lửa trường tồn, bất diệt. Nội dung tư tưởng của “Bếp lửa” được thể hiện sâu sắc hơn nhờ những hình ảnh thơ sinh động, giàu sức liên tưởng: “bếp lửa chờn vờn sương sớm”, “bếp lửa ấp iu nồng đượm”,…cùng với đó là điệp từ “nhóm” đặc biệt được sử dụng ở cuối bài thơ. Song quan trọng hơn tất thảy là cảm xúc chân thành và lòng yêu mến vô bờ của nhà thơ đối với người bà kính yêu của mình. Đọc và cảm nhận tình yêu thương chan chứa trong bài thơ “Bếp lửa”, người đọc thấy yêu hơn, trân trọng hơn những ngọn lửa tỏa trong căn nhà mình cùng những người thân yêu ta có được trên đời.

**ĐỀ 3: Cho câu thơ sau:**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

**Câu hỏi**

**Câu 1:** Chép tiếp 7 câu thơ để hoàn thành bài thơ.

**Câu 2:** Em hiểu từ “lận đận” trong câu thơ trên như thế nào? Trong bài thơ, hai lần tác giả dùng cụm từ “biết mấy nắng mưa” để nói về cuộc đời của bà. Điều đó có ý nghĩa như thế nào? Hãy tìm một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ em vừa tìm được.

**Câu 3:** Điệp từ “nhóm” trong đoạn thơ vừa chép là kiểu điệp từ gì? Các từ “nhóm” trong đoạn thơ có ý nghĩa như thế nào?

**Câu 4:** Cho câu mở đoạn *“Đoạn thơ những suy ngẫm sâu sắc và tình cảm chân thành của nhà thơ với người bà vô cùng yêu thương và kính trọng”*, viết tiếp thân đoạn khoảng 10 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phương thức diễn dịch.

**Câu 5:** Hình ảnh bếp lửa xuyên suốt cả bài thơ. Hãy phân tích ý nghĩa của hình tượng đó.

**Câu 6:** Tìm những từ cùng trường từ vựng với từ “bếp lửa” trong đoạn thơ vừa chép.

**Câu 7:** Xét về mục đích nói, câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép thuộc kiểu câu gì? Chỉ ra và gọi tên các thành phần biệt lập được dùng trong câu thơ đó.

**Câu 8**. Hãy kể tên bài thơ khác viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

**GỢI Ý:**

**1.** *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi tới tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*

**2.** Từ “lận đận” là từ láy tượng hình, cuộc đời bà là cuộc đời đầy truân chuyên, vất vả, nhiều gian khổ, chênh vênh.

    + Bà đối mặt và vượt qua mọi “mưa nắng” cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cái. → Hình ảnh bà chính là hình ảnh người phụ nữ Việt Nam tần tảo, giàu đức hi sinh dù gian truân nhưng vẫn sáng lên tình yêu thương.

Ví dụ: “Giãi nắng dầm mưa” hay “Năm nắng mười mưa”: Chỉ những khó khăn, vất vả…( Chấp nhận mọi phương án đúng mà HS đưa ra )

**3.** Từ “nhóm” là động từ được lặp lại bốn lần trong khổ thơ thứ sáu và mang nhiều ý nghĩa khác nhau.

    + Từ “nhóm” trong “nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm” được sử dụng với nghĩa gốc thể hiện hành động làm cho lửa bén tạo ra nhiệt, để đun nấu, đây là bếp lửa thực tế, có thể cảm nhận bằng thị giác, xúc giác.

    + Ba từ “nhóm” còn lại mang ý nghĩa ẩn dụ.

Người bà khơi dậy trong lòng đứa cháu những yêu thương, kí ức đẹp có giá trị trong lòng bà đã nhóm lên, đã khơi dậy niềm yêu thương, những kí ức đẹp, có giá trị trong cuộc đời mỗi người.

    + Bà là người truyền hơi ấm, tình yêu thương, khơi dậy trong lòng đứa cháu những điều tốt đẹp về tình cảm gia đình, niềm lạc quan với cuộc sống.

    + Hình ảnh bếp lửa cũng từ đó in đậm, làm sống dậy những kỉ niệm tuổi thơ trong lòng đứa cháu, nhắc nhở đứa cháu nhớ về nguồn cội, về quê hương.

**4.**  Đọc đoạn thơ những suy ngẫm và tình cảm chân thành của nhà thơ với người bà vô cùng yêu thương và kính trọng. Tác giả thấu hiểu nỗi vất vả và sự “lận đận” của bà, cuộc đời bà trải qua nhiều gian truân, vất vả, nhiều khó khăn tưởng không bao giờ dứt. Nhưng bà luôn là hình ảnh mẫu mực về người phụ nữ Việt Nam can trường, giàu đức hi sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương. Tất cả được thể hiện qua động từ “nhóm” được lặp đi lặp lại tới bốn lần với những ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Nó dần bồi lên những nét kì lạ và thiêng liêng của bếp lửa chính là sự yêu thương, bền bỉ của bà. Bà trong tâm trí tác giả vừa là người thắp lửa lại là người giữ lửa tới thế hệ mai sau. Bà khơi dậy trong tâm hồn người cháu tình những tình cảm tốt đẹp, giúp cháu có tuổi thơ ấm áp tình người và nhiều kí ức đẹp. Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà vì vậy dù có đi xa tới đâu người cháu luôn nhớ về bà, nhớ về nguồn cội từ những điều bình dị nhỏ bé nhất - bếp lửa.

**5.** Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ là hình ảnh đa nghĩa:

    - Bếp lửa gắn chặt với hình ảnh người bà, vì vậy khi người cháu bắt gặp hình ảnh “bếp lửa chờn vờn sương sớm” ở xứ người thì tuổi thơ sống dậy.

    - Bếp lửa tượng trưng cho sự tần tảo, đức hi sinh cảu người bà. Bàn tay bà nhóm lên tình yêu thương, sự hiểu biết cho đứa cháu.

    - Bếp lửa còn là biểu tượng của gia đình, của quê hương.

    - Bếp lửa là minh chứng cho tình bà cháu ấm áp, tha thiết.

    - Hình ảnh ngọn lửa góp phần bổ sung ý nghĩa cho hình ảnh bếp lửa:

       + Ngọn lửa là niềm tin thiêng liêng, cao đẹp nâng đỡ người cháu trên hành trình cuộc đời.

       + Ngọn lửa là tấm lòng, sự vững vàng, tình yêu thương của người bà luôn dạt dào, bất tận.

**6.**    - Từ cùng trường từ vựng với từ “bếp lửa” là từ: nhóm.

      + Từ nhóm là động từ gợi lên hành động làm bén lửa hình ảnh bếp lửa có thật.

       + Nhóm mang ý nghĩa người bà thắp lên, khơi dậy lên những tình cảm trong sáng, tốt đẹp, thiện lương trong lòng người cháu.

       + Cũng chính từ hình ảnh bếp lửa người bà khơi dậy cả những kí ức, kỉ niệm tuổi thơ trong cháu, giúp người cháu biết ơn nguồn cội, quê hương.

**7.** Câu thơ: “Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa!” là câu cảm thán thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi khám phá ra điều kì diệu giữa cuộc đời bình dị.

       + Từ ngọn lửa bà nhen nhóm mỗi ngày, cháu nhận ra niềm tin, tình yêu thương, ngọn nguồn của tình nghĩa.

    - Trong câu có sử dụng thành phần biệt lập: thành phần phụ chú, nhằm giải thích, nhấn mạnh về điều kì lạ và thiêng liêng với người cháu - bếp lửa - tình bà cháu.

**8.** Kể tên hai bài thơ viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9:  
- “Nói với con” – Y Phương và “Con cò” – Chế Lan Viên….

**ĐỀ 4: Dưới đây là đoạn thơ cuối trong bài thơ “ Bếp lửa” của Bằng Việt.**

“ … *Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu*

*Có lửa trăm nhà niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở*

*Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*…”

**CÂU HỎI:**

1. Đoạn thơ trên là lời của nhân vật nào, nói về ai và về điều gì?

2. Bài thơ được kết thúc bằng câu nghi vấn : “*sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa*?” Nêu tác dụng của câu nghi vấn?

**3.** Viết đoạn văn khoảng 12 câu làm rõ tình cảm của người cháu dành cho người bà trong khổ thơ cuối bài thơ.

**GỢI Ý**:

1. Lời của nhân vật người cháu.

- Nói về người bà

- Nói về tình cảm sâu nặng của cháu với bà, quê hương đất nước.

2. Tác dụng. gợi cho người đọc cảm nhận như có một nỗi nhơ khắc khoải, thưởng trực một nỗi nhớ đau đáu, khôn nguôi, luôn nhớ về bà cũng chính là nhớ về quê hương đất nước, cội nguồn của đứa cháu.

(câu nghi vấn được dùng để bộc lộ cảm xúc).

3. Khổ thơ cuối chất chứa nỗi niềm thương nhớ về người bà dù cháu có xa bà, ở nơi xứ người thì tình yêu thương, sự kính trọng và nỗi nhớ vẫn luôn hướng về bà. Lời tự bộc bạch chân thành của tác giả thể hiện nỗi niềm khắc khoải, trăn trở “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”. Với khoảng không gian cách trở, có niềm vui trăm ngả nhưng không làm cháu lãng quên đi ánh sáng ấp áp từ bếp lửa thân thuộc chốn quê nhà, cũng như hình ảnh bà hiền hậu, tảo tần. Bởi tất cả những điều thân thiết từ tuổi thơ, gia đình, quê hương đã nâng đỡ giúp cháu có sức mạnh trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tất cả sự biết ơn, thương kính bà cũng chính là biểu hiện cao đẹp cụ thể của tình yêu thương, sự gắn bó với gia đình, đất nước.

**ĐỀ 5: Cho đoạn thơ sau:**

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

**Câu 2:** Chỉ ra từ láy trong đoạn thơ trên. Những từ láy ấy giúp em hiểu hình dung gì về hình ảnh “bếp lửa” mà tác giả nhắc tới.

**Câu 3:** Ghi cảm nhận ngắn gọn cảm nhận của em về câu thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.

**Câu 4**: Tình cảm gia đình hòa quyện với tình yêu quê hương đất nước là một đề tài quen thuộc của thơ ca. Hãy kể tên 2 bài thơ trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài ấy và ghi rõ tên tác giả.

**GỢI Ý:**

**1.** Đoan thơ trên trích trong bài “Bếp lửa” của Bằng Việt.

- Hoàn cảnh sáng tác: “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi ông đang là sinh viên khoa pháp lí trường Đại học tổng hợp Ki – ép (Liên xô cũ).

2. Từ láy gợi lên hình ảnh về bếp lửa:

    + Chờn vờn: dòng hồi tưởng được bắt đầu bằng hình ảnh thân thương, ấm áp: bếp lửa “chờn vờn sương sớm”. Gợi tả hình ảnh bếp lửa có thật được cảm nhận bằng thị giác ẩn hiện trong sương sớm “chờn vờn”.

    + Ấp iu: gợi bàn tay dịu dàng, kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút, tỉ mỉ của người nhóm lửa.

→ Điệp ngữ “một bếp lửa” kết hợp với các từ láy “chờn vờn”, “ấp iu” gợi lên hình ảnh sống động, chân thực và lung linh của một bếp lửa gần gũi, thân thuộc trong gia đình người Việt.

Hình ảnh bếp lửa tự nhiên, đánh thức dòng hồi tưởng của cháu về bà, người nhóm lửa mỗi sớm mai. Hình ảnh bài thơ lúc nào cũng chập chờn, lay động.

3. Câu thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa gợi lên hình ảnh bếp lửa và tình bà cháu trào dâng một cảm xúc mãnh liệt, thương người bà lặng lẽ, âm thầm trong khung cảnh “biết mấy nắng mưa”.

    + Cụm từ “biết mấy nắng mưa” là những vất vả, trắc trở bà phải vượt qua để nuôi đứa cháu trưởng thành. Người bà âm thầm, chịu đựng những vất vả “mưa nắng ở đời để nuôi dạy cháu.

    + Động từ “thương” gợi lên tình cảm, sự thấu hiểu và biết ơn của cháu đối với những vất vả bà đã trải qua để nuôi mình.

4. Hai bài thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài tình cảm gia đình hòa quyện với tình yêu quê hương đất nước : “Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm và bài “Nói với con” của Y Phương.

**ĐỀ 6**: **Cho câu thơ:**

*“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*

**Câu 1:** Chép 15 câu tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ.

**Câu 2:** Trong những dòng hồi tưởng về tuổi thơ của người cháu những kỉ niệm nào về tình bà cháu được gợi lại?

**Câu 3:** Vì sao đã bao lâu rồi mùi khói của bếp lửa khiến người cháu có cảm giác *“Nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay”.*

**Câu 4:** Tìm biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ dưới đây:

**Câu 5:** Đoạn thơ có nhắc tới tiếng chim tu hú, trong chương trình ngữ văn THCS cũng có bài thơ nói tới tiếng chim tu hú, nêu tên bài thơ và tác giả. Âm thanh tiếng chim tu hú ở hai bài thơ có ý nghĩa khác nhau như thế?

**GỢI Ý**

**Câu 1:**

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

Câu 2. Những kỉ niệm về tuổi thơ được gợi lại trong tâm trí người cháu:

    - Tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằm từ năm lên bốn tuổi đó là những năm tháng chiến tranh gian khổ ác liệt: “đói mòn đói mỏi”.

       + Cái đói ám ảnh tâm trí đứa trẻ, nhà thơ đã cho ta thấy một quá khứ tang thương đầy những thảm cảnh của dân tộc gắn với thân phận người dân mất nước.

       + Những hình ảnh đau thương của dân tộc gây ấn tượng mạnh, sâu đậm với tâm hồn nhà thơ, ấn tượng về khói bếp “hun nhèm mắt”.

    - Tuổi thơ có gian khổ của những ngày giặc ngoại xâm gây tội ác.

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

    - Dòng hồi tưởng của đứa cháu gắn với âm thanh của tiếng chim tu hú, âm thanh quen thuộc nơi đồng quê mỗi dịp hè về cứ vang vọng, cuộn xoáy trong lòng người xa xứ.

       + Với 11 câu thơ, tiếng tu hú được nhắc tới 5 lần, khi thảng thốt, khi khắc khoải, lúc lại mơ hồ từ những cánh đồng xa.

       + Không gian mênh mông, bao la, buồn tới lạnh lùng. Trong từng cung bậc của tiếng tu hú, tình cảm, nỗi nhớ của người cháu càng trở nên da diết, mạnh mẽ hơn.

→ Tác giả lựa chọn những hình ảnh, âm thanh tiêu biểu nhắc lại những ấn tượng khó phai về tuổi thơ của chính mình.

    3- Đứa cháu sau bao năm xa cách với bếp lửa và mùi khói nhưng vẫn mang cảm giác “Nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay”:

       + Người cháu luôn xúc động, bồi hồi mỗi khi nghĩ về những năm tháng khốn khó của tuổi thơ.

       + Cháu cảm thấy kỉ niệm sống dậy, người cháu thương nhớ bà và tình bà cháu vẫn vẹn nguyên.

→ Đây là dòng cảm xúc chân thật và xúc động của đứa cháu về bà và về tuổi thơ của mình.

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.*

**4.** Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp liệt kê:

    + Các cụm từ: bà bảo, bà dạy, bà chăm diễn tả sâu sắc tấm lòng nhân hậu, tình yêu thương bao la và sự chăm sóc tận tình của bà dành cho người cháu.

    + Từ “bà” và “cháu” được lặp lại nhiều lần nhằm gợi tả tình bà cháu quấn quít, yêu thương.

    + Người bà thay thế cha mẹ là chỗ dựa vững chắc cho cháu.

→ Hình ảnh người bà tần tảo, khuya sớm, bà là sự kết hợp cao quý tình cha, nghĩa mẹ, công thầy.

Những hình ảnh về bà in đậm trong tâm trí người cháu và gây xúc động mỗi khi cháu nhớ về.

**5.** Bài thơ nhắc tới tiếng chim tu hú trong chương trình ngữ văn THCS: "Khi con tu hú" của Tố Hữu.

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*

Tiếng chim tu hú trong hai bài thơ:

    + Trong bài "Bếp lửa" của Bằng Việt: tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè, mở ra sự ấm áp, tha thiết của tình bà cháu, tiếng chim tu hú gợi nhớ về những ngày tháng tuổi thơ được bà chăm sóc, dạy dỗ.

    + Trong bài "Khi con tu hú" của Tố Hữu: tiếng chim tu hú quen thuộc, báo hiệu mùa hè. Tiếng tu hú gọi bầy như thôi thúc người chiến sĩ phá bỏ rào cản để đón nhận vẻ đẹp, sự tự do của sự sống tươi đẹp bên ngoài.

**14. ÁNH TRĂNG**

**ĐỀ 1**: **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình.*

a) Đoạn thơ trên được trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

b) Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên.

c) Từ nội dung của bài thơ trên, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 đến 12 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân về truyền thống “*uống nước nhớ nguồn*”.

**GỢI Ý:**

a) - Đoạn thơ trên thuộc văn bản “Ánh trăng”.

- Tác giả là Nguyễn Duy.

b) Các từ láy trong đoạn thơ: vành vạnh, phăng phắc.

c) **- Về hình thức**: Học sinh biết cách viết đoạn văn nghị luận xã hội có độ dài từ 10-12 câu, có liên kết, mạch lạc.

**- Về nội dung**: Học sinh có thể trình bày bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:+ Uống nước nhớ nguồn là: khi được hưởng thụ thành quả về vật chất và tinh thần, cần biết ơn những người đã tạo ra những thành quả đó.

+ Những biểu hiện của truyền thống “uống nước nhớ nguồn” trong cuộc sống: xây dựng các đền, miếu, chùa chiền phụng thờ, tôn vinh các bậc anh hùng có công với nước; thờ tổ tiên; phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với những thương binh, liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng và những gia đình có công với cách mạng…(d/c)

+ Liên hệ bản thân: phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan, trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội.

**ĐỀ 2** : **Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*Ngửa mặt lên nhìn mặt   
có cái gì rưng rưng   
như là đồng là bể   
như là sông là rừng...   
  
Trăng cứ tròn vành vạnh   
kể chi người vô tình   
ánh trăng im phăng phắc   
đủ cho ta giật mình.*

**Câu hỏi**

1. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ ?
2. Ghi lại các từ láy trong đoạn thơ ? Trong các từ láy đó từ nào nói đến cảm xúc của nhân vật trữ tình ? Đó là cảm xúc gì ?
3. Trong đoạn thơ «  ánh trăng » biểu tượng cho điều gì ?
4. Đoạn thơ trên tác giả sử dụng nghệ thuật gì ?
5. Hành động giật mình có thể hiểu như thế nào ? Ở dòng cuối nhân vật trữ tình « giật mình » về điều gì ?
6. Giải thích nghĩa của từ “mặt” trong đoạn thơ trên. Từ “mặt” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?
7. Có thể viết câu thơ đầu tiên trong khổ thơ thành “Ngửa mặt lên nhìn trăng” được không? Vì sao? Chép lại 2 câu thơ trong bài đã học ở chương trình THCS cũng gợi tả sự đối diện giữa con người với vầng trăng (ghi rõ tên tác giả, tác phẩm).

8. Nêu cảm xúc của tác giả trong khổ thơ trên bằng đoạn văn ngắn 5 câu.

**GỢI Ý :**

**1.** - Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Từ láy : rưng rưng, vành vạnh, phăng phắc.

- từ *rưng rưng* diễn tả nỗi xúc động đến nghẹn ngào, thổn thức trong cảm xúc của nv trữ tình.

3. Trong đoạn thơ « ánh trăng » là biểu tượng cho vẻ đẹp của nghĩa tình quá khứ, đầy đặn thủy chung, nhân hậu bao dung của thiên nhiên, của cđ con người.

4. Biện pháp tu từ : từ mặt thứ 2 được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ.

- hai câu sau dùng biện pháp so sánh kết hợp với liệt kê, điệp ngữ

- khổ cuối sd nghệ thuật đối lập, nhân hóa « ánh trăng im phăng phắc »

5. Ở dòng thơ cuối nhân vật trữ tình « giật mình » về sự vô tình bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình khi lãng quên vầng trăng lãng quên quá khứ ân tình, thủy chung.

6. Từ “mặt” trong câu thơ thứ hai được dùng với nghĩa chuyển, điều này tạo nên tính đa nghĩa về ý thơ.

Ý của cả câu là sự đối mặt với mặt trăng, người bạn tri kỉ đã bị lãng quên. Con người đối diện với vầng trăng cũng chính là sự đối mặt với quá khứ đã lãng quên.

Trực diện đối mặt với ánh trăng để thức tỉnh lương tâm, cũng có thể đó là sự đối mặt tự vấn với chính bản thân mình để nhận ra sự thay đổi.

**7.** Nếu viết ngửa mặt lên nhìn trăng thì câu thơ không có sự đăng đối trong câu, hơn nữa từ “mặt” thứ hai trong câu thơ là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa dạng cho chất thơ.

- Câu thơ cũng gợi tả sự đối diện giữa con người với vầng trăng:

*Người ngắm trăng soi ngoài khe cửa*

*Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ*

*(Vọng nguyệt – Hồ Chí Minh)*

8. Sự đối mặt thực sự diễn ra trong tĩnh lặng giữa nhân vật trữ tình với vầng trăng – quá khứ nghĩa tình. Cuộc gặp gỡ đối mặt này làm nhà thơ làm thức tỉnh lương tâm, tình cảm con người. Nhân vật trữ tình như tự soi chiếu vào chính mình, trong khoảnh khắc ấy “rưng rưng” nhớ về quá khứ vất vả, gian lao nhưng ngập tràn bình yên với thiên nhiên nay bỗng ùa về đầy trong trí nhớ. Tất cả những cảm xúc đó thực sự làm người đọc thấy cảm động và trân quý quá khứ nhiều hơn.

**ĐỀ 3:** **Trăng là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tác nghệ thuật. Mở đầu một khổ thơ trong một tác phẩm của mình, một nhà thơ viết:**

*“Trăng cứ trong vành vạnh”*

1.Em hãy chép những câu thơ tiếp theo để hoàn thành khổ thơ.

2.Hình ảnh bao trùm trong bài thơ ( có khổ thơ em vừa chép) là hình ảnh nào? Hãy nêu những tầng ý nghĩa của hình ảnh đó?

3. Chỉ ra biện pháp tu từ có trong hai câu thơ cuối khổ thơ. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

4. Hãy viết một đoạn văn trình bày theo cách Tổng hợp – phân tích- tổng hợp có độ dài khoảng 10-12 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán phân tích khổ thơ em vừa chép để làm rõ nội dung : Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm ( Gạch chân dưới câu cảm thán đó).

**GỢI Ý** :

1. Chép chính xác khổ thơ cuối trong bài thơ ánh trăng.

2. Hình ảnh bao trùm trong bài thơ là hình ảnh vầng trăng.

- Vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng:

+ Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ rồi đến thời chiến tranh ở rừng.

+ Vầng trăng là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, hơn thế, trăng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.

+ ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

3. Biện pháp nhân hóa: “ánh trăng im phăng phắc”, ánh trăng được nhân hóa “im phăng phắc” không một lời trách cứ, gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thủy chung nghĩa tình. Con người có thể lãng quên quá khứ, nhưng quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

4. Viết đoạn văn: Cần đảm bảo các yêu cầu sau :

+ Về hình thức

Trình bày đúng cách viết đoạn văn

Đoạn văn được viết theo cách tổng hợp- phân tích – tổng hợp

Sử dụng câu cảm thán và gạch chân dưới câu cảm thán

+ Về nội dung: Đảm bào các ý cơ bản sau :

- Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “ Trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thuỷ chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay " vô tình”

- ánh trăng còn được nhân hoá “ im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thuỷ chung nghĩa tình.

- Sự im lặng ấy làm nhà thơ “ giật mình” thức tình, cái “ giật mình của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng , nó thể hiện sự suy nghĩ trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.

- Dòng thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự, lời sám hối ăn năn dù không cất lên nhưng chính vì thế càng trở nên ám ành day dứt.

- Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa thuỷ chung.

***ĐỀ 4: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:***  
”*Hồi nhỏ sống với đồng  
với sông rồi với bể  
hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỉ*

*Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ  
ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa”***Câu hỏi**

Câu 1: Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu đoạn thơ 1. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.   
Câu 2: Câu thơ: “*vầng trăng thành tri kỉ*” tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ? nêu tác dụng?  
Câu 3: Giải nghĩa từ “tri kỉ “. Ghi lại câu thơ có sử dụng từ “tri kỉ “ trong chương trình Ngữ Văn 9 . Nêu sự khác nhau giữa hai từ tri kỉ đó?

Câu 4: Trong bài thơ các hình ảnh : *đồng, sông, bể, rừng* được nhắc lại ở một khổ thơ khác . Em hãy chép lại chính xác khổ thơ đó. Theo em, các hình ảnh : *đồng, sông, bể, rừng* ở hai khổ thơ khác nhau như thế nào ?

Câu 5: Ở khổ thơ thứ nhất mối quan hệ gắn bó giữa con người và vầng trăng được thể hiện qua từ nào ? Chép lại chính xác câu thơ chứa từ đó trong một bài thơ đã học trong chương trình Ngữ Văn 9. Ghi rõ tên tác giả, tác phẩm?

Câu 6: Từ *“ ngỡ”* trong câu thơ : “ *ngỡ không bao giờ quên*” thuộc từ loại gì? Có tác dụng gì trong việc thể hiện mạch cảm xúc của bài thơ ?

Câu 7: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai dòng thơ sau : *Trần trụi với thiên nhiên – hồn nhiên như cây cỏ.*

Câu 8 : Dòng thơ “cái vầng trăng tình nghĩa”sử dụng biện pháp tu từ nào ? Nêu tác dụng biện pháp tu từ đó ?

**GỢI Ý:**

CÂU 1+ điệp từ “ với “ và liệt kê : đồng , sông ,bể   
+ Gợi ra không gian mênh mông , êm đềm , trong sáng , đầy kỉ niệm tuổi thơ  
+ Trong những năm tháng ấy trăng và người là bạn , gắn bó mật thiết chia sẻ ngọt bùi .  
+ Tác giả : ta cảm nhận được niềm hạnh phúc của tuổi thơ tác giả khi gắn bó hòa hợp với thiên nhiên.  
Câu 2: - Sử dụng nghệ thuật nhân hóa qua từ “ tri kỉ”  
- Tác dụng: gợi lên sự gắn bó thân thiết giữa vầng trăng và con người.Trăng trở thành người bạn của con người, chia sẻ buồn vui, tiếp thêm niềm tin sức mạnh cho người lính trong những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ hiểm nguy ...  
- Tác giả : hiểu và trân trọng tình cảm của trăng,sống thủy chung, tình nghĩa..  
Câu 3: - Tri kỉ : hiểu bạn như hiểu mình .  
- Câu thơ “ Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ “  
- Khác nhau:   
+ Bài “ Ánh trăng “ từ “ tri kỉ “ dùng phép nhân hóa để khẳng định tình cảm cao đẹp giữa người và trăng.  
+ Bài “ Đồng chí” : ngợi ca tình bạn giữa những người lính chống Pháp.  
Câu 4: Trong bài thơ các hình ảnh : đồng , sông, bể , rừng được nhắc lại ở một khổ thơ khác . Em hãy chép lại chính xác khổ thơ đó. Theo em, các hình ảnh :đồng , sông, bể , rừng ở hai khổ thơ khác nhau như thế nào ?  
- Học sinh chép khổ thơ.  
- Khác nhau: Khổ 1 hình ảnh:đồng ,sông, bể , rừng là hình ảnh thiên nhiên ,gợi không gian mênh mông rộng lớn: không gian của thiên nhiên, vũ trụ. Là hình ảnh gắn liến với thực tế trong quá khứ êm đềm của tác giả.  
- Khổ 5 như là đồng là bể / như là sông là rừng là phép so sánh ,liệt kê được hiểu theo nghĩa khái quát. Đồng , sông, bể , rừng biểu tượng cho những kỉ niệm đẹp trong quá khứ, những kỉ niệm ấy cứ ùa về trong tâm trí của con người như một dòng chảy, gợi con người nhớ về quãng thời gian đẹp đẽ nhất của mình. Là hình ảnh chỉ xuất hiện trong tâm tưởng nhà thơ khi gặp lại trăng.  
Câu 5: Ở khổ thơ thứ nhất mối quan hệ gắn bó giữa con người và vầng trăng được thể hiện qua từ nào ? Chép lại chính xác câu thơ chưa từ đó trong một bài thơ đã học trong chương trình Ngữ Văn 9 . Ghi rõ tên tác giả, tác phẩm   
- Mối quan hệ giữa “người” và “trăng” được thể hiện qua từ “tri kỉ”.   
- "Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ “ ( Đồng chí – Chính Hữu ).

Câu 6: -> Động từ “ngỡ” báo trước sự thay đổi, chuyển biến trong tình cảm của con người dù tác giả đã từng tâm niệm mối tình tri kỉ, ân nghĩa giữa người và trăng không bao giờ phai nhạt.  
- Cách sử dụng từ tinh tế và khéo léo của tác giả  
Câu 7: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai dòng thơ sau : Trần trụi với thiên nhiên – hồn nhiên như cây cỏ.  
- Nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ  
- So sánh tâm hồn, suy nghĩ của con người với thiên nhiên, với cỏ cây, hoa lá.  
- Gợi hình dung rõ tình cảm, cách suy nghĩ, cách sống của con người trong cuộc sống tuy còn khó khăn thiếu thốn rất hồn nhiên, vô tư, trong sáng. Tình cảm của người với trăng trong sáng, vô tư, hồn nhiên .  
- Tác giả : là người sống giản dị, gắn bó với thiên nhiên, hiểu và trân trọng tình cảm của trăng, sống thủy chung, tình nghĩa...  
Câu 8 : Dòng thơ “cái vầng trăng tình nghĩa”sử dụng biện pháp tu từ nào ? Nêu tác dụng biện pháp tu từ đó ?  
- Vầng trăng được nhân hóa cao độ để trở thành người bạn tinh thần của nhà thơ , một người bạn tri âm tri kỉ ,chia sẻ mọi vui buồn , đồng cam cộng khổ ...  
- Tình cảm gắn bó bền chặt của con người và vầng trăng => vẻ đẹp tâm hồn của con người và trăng trong quá khứ.  
- Tác giả : hiểu và trân trọng tình cảm của trăng, sống thủy chung, tình nghĩa

**ĐỀ 5: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*”Từ hồi về thành phố   
quen ánh điện cửa gương   
vầng trăng đi qua ngõ   
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt   
phòng buynh-đinh tối om   
vội bật tung cửa sổ   
đột ngột vầng trăng tròn”*

**Câu hỏi**

Câu 1: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : Từ hồi về thành phố /quen ánh điện cửa gương.  
Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : "vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường"  
Câu 3: Viết về trăng, ở hai khổ thơ đầu Nguyễn Duy dùng từ “tri kỉ”, “tình nghĩa” đến khổ thơ thứ ba tác giả lại dùng từ “người dưng”. Hãy lí giải vì sao nhà thơ lại viết như thế?  
Câu 4:  
- Tình huống “Thình lình đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?  
- Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.  
Câu 5. Có ý kiến cho rằng khổ thứ tư của bài thơ là bước ngoăt của mạch cảm xúc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  
Câu 6 : Từ “thình lình” và “đột ngột” đặt ở đầu câu có tác dụng gì? Hai từ này có thể thay đổi vị trí cho nhau được không? Vì sao?  
**GỢI Ý:** Câu 1: - Nghệ thuật hoán dụ “ ánh điện cửa gương”  
- Gợi cuộc sống đầy đủ tiện nghi , khép kín trong những căn phòng hiện đại , xa rời thiên nhiên.  
- Hoàn cảnh sống thay đổi , con người thay đổi thói quen , quên đi cuộc sống tràn đầy ánh trăng ,quên đi người bạn nghĩa tình năm xưa...  
- Tác giả: tinh tế trong việc dẫn dắt, tạo tình huống cho câu chuyện  
Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : "vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường"  
- Nghệ thuật: nhân hóa , so sánh   
-Vầng trăng được nhân hóa như con người, vẫn dõi theo bước đường con người vẫn tròn đầy , vẫn thủy chung tình nghĩa .Nhưng đối lập với trăng, tình cảm của con , hờ hững , lạnh nhạt , dửng dưng đến vô tình.  
- Với người lính vầng trăng trở thành người xa lạ => Tình cảm thay đổi khi hoàn cảnh sống đổi thay của con người thật đáng sợ. Con người đã trở thành kẻ bạc bẽo, vô tình . Sự vô tâm của con người đã khiến họ trở thành kẻ quay lưng với quá khứ.  
=> Gợi nỗi xót xa , đau lòng...  
- Tác giả: tinh tế trong việc khắc họa tâm lí, tình cảm của nhân vật trữ tình.  
Câu 3: Viết về trăng, ở hai khổ thơ đầu Nguyễn Duy dùng từ “tri kỉ”, “tình nghĩa” đến khổ thơ thứ ba tác giả lại dùng từ “người dưng”. Hãy lí giải vì sao nhà thơ lại viết như thế?  
Tác giả viết như vậy bởi vì:  
+Trong quá khứ: người và trăng luôn đồng hành, có nhau trong mọi hoàn cảnh, con người gắn bó, gần gũi, hòa mình với trăng với thiên nhiên.  
+Còn hiện tại: con người sống tách biệt thiên nhiên, xa rời thiên nhiên, mà làm bạn với ánh điện cửa gương,quen với cuộc sống hiện đại, nên con người quên trăng.   
- Cách dùng từ của tác giả đã giúp ta cảm nhận được sự thay đổi trong tình cảm của người với trăng.  
Câu 4:  
- Tình huống “Thình lình đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?  
- Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.  
- Tình huống Thình lình đèn điện tắt có vai trò, ý nghĩa: tạo nên bước ngoặt trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ và từ đó làm nổi bật chủ đề tác phẩm.  
- Đoạn thơ trên gợi nhắc bài thơ “Đồng chí”, tác giả Chính Hữu.  
Câu 5. Có ý kiến cho rằng khổ thứ tư của bài thơ là bước ngoăt của mạch cảm xúc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  
- Là ý kiến đúng đắn.  
- Tác giả thay đổi mạch cảm xúc khi gặp tình huống bất ngờ trong cuộc sống.  
- Khổ thơ thứ 4 của bài thơ là bước ngoặt của mạch cảm xúc. Trong dòng diễn biến thời gian, sự việc bất thường ở khổ thơ thứ tư: “Thình lình đèn điện tắt”, chính là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, cũng chính là chủ đề bài thơ. Cuộc sống với bộn bề, lo toan vất vả đã cuốn con người theo dòng chảy, trăng tưởng đã mờ chìm đi trước một cuộc sống thị thành bộn bề, gấp gáp nhưng rồi vầng trăng xưa đã có dịp sáng lên trong một khoảnh khắc khi cuộc sống hiện đại biến mất để rồi tác giả đã gửi đến một triết lí: cuộc đời mỗi con người giống như một dòng chảy có những quanh co, uốn khúc nhưng phải qua những khúc quanh, qua những biến cố, con người mới nhận ra đâu là chân giá trị của cuộc sống.  
Câu 6 : Từ “thình lình” và “đột ngột” đặt ở đầu câu có tác dụng gì? Hai từ này có thể thay đổi vị trí cho nhau được không? Vì sao?  
- Hai từ : “thình lình và “đột ngột” đảo lên đầu câu tạo nên nhịp thơ nhanh và nhấn mạnh tính chất bất thường của tình huống.  
- Hai từ này không đổi vị trí cho nhau được vì:  
+Từ “ Thình lình”: chỉ diễn tả sự việc nhanh, bất ngờ của đèn điện tắt  
+ Từ “đột ngột” diễn tả cảm xúc thảng thốt , bất ngờ của con người khi nhận ra trăng vẫn tròn , vẫn tỏa sáng , vẫn đồng hành cùng con người...  
=> Đổi vị trí: không phù hợp với trình tự sự việc và cảm xúc( Sự việc xảy ra trước cảm xúc của con người)  
**ĐỀ 6: Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng...*

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình.*

**Câu hỏi**

Câu 1: Nghĩa của từ “ *mặt*” trong câu thơ “ *Ngửa mặt lên nhìn mặt*” được hiểu như thế nào? Đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt? Nêu hiệu quả nghệ thuật trong cách sử dụng từ?  
Câu 2: Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và cho biết tác dụng của các từ láy này trong việc thể hiện dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình?  
Câu 3:Tại sao có thể nói các câu thơ trên có hình thức độc thoại nội tâm? Cho biết vai trò của hình thức đó trong đoạn trích

Câu 4: Em hiểu “ giật mình" ở đây là gì ?Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến cái "giật mình” của nhân vật?  
Câu 5: Trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, trăng xuất hiện trong câu thơ: “Đầu súng trăng treo”. Hãy so sánh hình ảnh trăng trong câu thơ ấy với hình ảnh trăng trong câu thơ: “Trăng cứ tròn vành vạnh”.  
Câu 6: Từ láy “ rưng rưng” trong câu thơ thứ hai cho em hiểu gì về cảm xúc của nhà thơ?  
Câu 7 : Chép hai câu thơ trong bài thơ đã học trong chương trình THCS cũng gợi tả sự đối diện giữa con người và vầng trăng. Ghi rõ tên, tác phẩm?  
Câu 8 : Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu:  
*” ánh trăng im phăng phắc   
đủ cho ta giật mình”*Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó ?  
Câu 9 : Vì sao có thể nói đó là cái “ *giật mình* “ đầy ý nghĩa ?  
Câu 10 : Ở phần trên của bài thơ, khi nói đến sự xuất hiện của vầng trăng, tác giả viết “ *vầng trăng tròn*", trong đoạn thơ này một lần nữa nhà thơ lại viết “*Trăng cứ tròn vành vạnh*”. Theo em, việc lặp lại hình ảnh này có ý nghĩa gì?  
Câu 11: Hình ảnh trăng xuyên suốt bài thơ mang ý nghĩa như thế nào? Vì sao khổ cuối nhà thơ lại sử dụng *ánh trăng* chứ không phải *vầng trăng*? Cách thay đổi hình ảnh trong thơ như vậy em còn bắt gặp trong bài thơ nào? Của ai?   
Câu 12 : Bài thơ ra đời vào thời điểm nào? Thời điểm ấy có gì đặc biệt trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm?  
Câu 13: Hãy chỉ ra sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong bài thơ.  
Câu 14: Chỉ ra ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng trong bài.  
Câu 15: Bài thơ “ Ánh trăng “ gợi nhắc và củng cố thái độ sống nào ở người đọc ? Hãy tìm hai câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với chủ đề của bài thơ .  
Câu 16: Khổ cuối bài thơ “ Ánh trăng” thể hiện cảm xúc suy ngẫm sâu sắc mang tính triết lí nhân sinh của Nguyễn Duy. Trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có một bài thơ kết thúc như thế . Đó là bài thơ nào ? của ai ? Chép chính xác khổ thơ ?

**GỢI Ý:**

C1- Giải nghĩa từ “mặt”1: Khuôn mặt của con người, từ “mặt”2: mặt trăng.  
- Đây là từ nhiều nghĩa, và là hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong tiếng Việt.  
- Tác dụng: Tạo sự đa nghĩa cho ý thơ: con người đối diện với trăng, hay đối diện với người bạn mình trong quá khứ, đối diện với con người thực của mình trong quá khứ, bạc bẽo vô tình đối diện với thủy chung, nghĩa tình; hiện tại đối diện với quá khứ.   
- Liên hệ: Cách sử dụng từ tinh tế và khéo léo của tác giả  
Câu 2: - Các từ láy: *rưng rưng, vành vạnh, phăng phắc.*- Tác dụng:  
+ rưng rưng: gợi cảm xúc nghẹn ngào, muốn khóc mà không thể khóc → diễn tả tâm trạng con người khi đối diện với trăng.  
+ “Vành vạnh”: gợi tả dáng vẻ tròn đều và đầy đặn → biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ nghĩa tình.  
+ “Phăng phắc”: nhấn mạnh trạng thái im lặng đến mức không có một tiếng động dù là nhỏ nhất → gợi liên tưởng đến cái nhìn bao dung, độ lượng mà nghiêm khắc của trăng – người bạn thủy chung, quá khứ ân tình.  
=> Giàu sức gợi tả và biểu cảm, đem đến những liên tưởng sâu sắc, tinh tế về tình nghĩa vẹn đầy, thủy chung và lời nhắc nhở, tự vấn lương tâm.  
- Tác giả: nhìn nhận sự việc sâu sắc, từ câu chuyện riêng nâng lên thành triết lí trong cuộc sống: cần biết trân trọng quá khứ.  
Câu 3. Đoạn thơ thuộc hình thức độc thoại nội tâm vì: đây là những lời tâm sự trong lòng tác giả, không được phát ra thành lời

- Tác dụng: cho thấy những trăn trở, day dứt của người thi nhân khi đối mặt với vầng trăng. Nhận ra sự bội bạc của mình với quá khứ thủy chung tình nghĩa.  
Câu 4: - “Giật mình " : thức tỉnh , tự vấn lương tâm , tự hối lỗi , ăn năn...  
- Khách quan :   
+ Bất ngờ gặp lại vầng trăng ,nhận thấy trăng vẫn đồng hành cùng con người.   
+ Ánh trăng – ánh mắt người bạn soi rọi đến góc khuất của tâm hồn khiến nhà thơ nhận ra sự bội bạc của bản thân với người bạn thủy chung , tình nghĩa...  
- Chủ quan : nhận ra mình đã thay đổi , đã vô tình bạc nghĩa quay lưng lại với quá khứ , ân tình thủy chung => cần phải thay đổi ...  
Câu 5: \* So sánh hình ánh trăng trong câu thơ của Chính Hữu với hình ảnh trăng trong câu thơ của Nguyễn Duy:   
- Những nét giống nhau của hình ảnh trăng:   
+Đều là vẻ đẹp của thiên nhiên.  
+Gắn với hình tượng người lính trong kháng chiến; mang ý nghĩa biểu tượng ( ẩn dụ)  
- Những nét khác nhau:   
+ “trăng treo” gợi mối liên tưởng đến giây phút bình yên nơi chiến trường, tượng trưng cho hòa bình mà con người đang khao khát trong tương lai;   
+ “trăng cứ tròn vành vạnh” gợi mối liên tưởng quá khứ tròn đầy, thủy chung, ân nghĩa, không bao giờ đổi thay.  
Câu 6: - “ rưng rưng” từ láy gợi lên dòng nước mắt cứ chực trào ra , nghẹn ngào , thổn thức . Nó diễn tả sự xúc động mãnh liệt đến lặng người đi của con người trong giây phút đối diện với trăng . Từ giây phút ấy , những kỉ niệm trong quá khứ ùa về .  
Câu 7 : *Ngẩng đầu nhìn trăng sáng  
Cúi đầu nhớ cố hương*   
( Tĩnh dạ tứ - Lý Bạch )  
*Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ  
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*( Ngắm trăng – Hồ Chí Minh )  
Câu 8 : + Biện pháp tu từ : nhân hóa ánh trăng như một người cụ thể ( ánh trăng- im phăng phắc)  
+ Gợi cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung , độ lượng của người bạn thủy chung, tình nghĩa , nhắc nhở nhà thơ và mỗi chúng ta : con người có thể quên đi thiên nhiên còn nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy , bất diệt .   
=> Hình ảnh ánh trăng mang ý nghĩa biểu tượng , giàu ý nghĩa.  
+ Tác giả : rung lên hồi chuông cảnh tỉnh , nhắc nhở mỗi người về lối sống ân tình thủy chung..  
Câu 9 : - Tác giả đã nhận ra sự bạc bẽo vô tình của mình , bóng tối trong tâm hồn mình.. - Ăn năn , sám hối vì thái độ bội bạc ...  
- Nhắc nhở mọi người tới lối sống cao đẹp , đầy nhân văn, là bài học của mọi người, mọi thời đại, ..  
Câu 10 : Ở phần trên của bài thơ , khi nói đến sự xuất hiện của vần trăng, tác giả viết “ vầng trăng tròn" , trong đoạn thơ này , một lần nữa nhà thơ lại viết “Trăng cứ tròn vành vạnh” . Theo em , việc lặp lại hình ảnh này có ý nghĩa gì ?  
- Việc lặp lại hình ảnh “vầng trăng tròn” nhằm mục đích nhấn mạnh vào vẻ vẹn nguyên , tròn đầy , thủy chung của những ân tình của thiên nhiên , đồng đội, nhân dân, ...trong quá khứ. Từ đó càng làm nổi bật sự đổi thay bội bạc của con người.  
- Tác giả: Tinh tế trong cách sử dụng từ .  
Câu 11: \*Ý nghĩa của hình ảnh trăng xuyên suốt bài thơ mang ý nghĩa sâu sắc:  
-Là biểu tượng cho thiên nhiên quê hương đất nước hồn nhiên tươi mát...  
-Là người bạn ( đông đội , đồng bào ) luôn đồng hành chia sẻ  
-Là quá khứ nghĩa tình vẹn nguyên không thay đổi   
-Là nhân chứng lịch sử vừa nghiêm khắc vừa bao dung...  
-Khổ cuối sử dụng ánh trăng chứ không phải là vầng trăng để nhấn mạnh vào thứ ánh sáng tỏa ra từ vầng trăng có khả năng soi rọi vào tâm hồn người , khiến con người thức tỉnh...  
\* Cách thay đổi hình ảnh như vậy em còn bắt gặp: Bếp Lửa –Bằng Việt  
Câu 12 : - Thời điểm viết bài thơ là sau 3 năm đất nước hoàn toàn thống nhất, chiến tranh đã lùi xa. Khi được sống trong hòa bình giữa những tiện nghi hiện đại, nhiều người dễ quên đi quá khứ gian khổ nhưng nghĩa tình, những hy sinh lớn lao của nhân dân và đồng đội suốt những năm tháng đạn bom ác liệt.  
=> Bài thơ ra đời chính là 1 lần giật mình của tác giả trước sự lãng quên vô tình ấy. Đó cũng là lời tâm sự, nhắc nhở và thức tỉnh mọi người về thái độ sống ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ  
Câu 13: Hãy chỉ ra sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình trong bài thơ.  
- Tự sự: là câu chuyện nhỏ:  
+Có không gian, thời gian: đồng, sông, bể, rừng, hồi nhỏ, hồi về thành phố  
+ có nhân vật: tác giả và vầng trăng.  
+ có sự việc:   
. quá khứ, tác giả sống ở làng quê; chiến tranh: chiến đấu ở rừng; hiện tại, hòa bình: sống ở thành phố sắp xếp theo trình tự thời gian -> hợp lý, thể hiện được ý nghĩa của tác phẩm.  
+ đặc biệt có cốt truyện với tình huống bất ngờ: mất điện, con người vội đi tìm nguồn sáng mới, gặp lại vầng trăng -> tạo cao trào.  
=> Giúp chủ đề - lời nhắc nhở của tác giả đến người đọc nhẹ nhàng, tự nhiên, thấm thía.  
- Trữ tình:   
+ là một bài thơ thuộc thể loại trữ tình.  
+ bộc lộ cảm xúc men theo câu chuyện.  
Câu 14: \* Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng:  
- Vẻ đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên.  
- Trăng là đồng chí đồng đội, là lòng bao dung của nhân dân, là quá khứ gian lao nhưng tình nghiã; Trăng là cội nguồn, là quê hương, đất nước.  
Câu 15: Bài thơ “ Ánh trăng “ gợi nhắc và củng cố thái độ sống nào ở người đọc ? Hãy tìm hai câu tục ngữ có ý nghĩa tương tự với chủ đề của bài thơ .  
- Thái độ sống thủy chung, trọng ân nghĩa   
- Câu tục ngữ : Uống nước nhớ nguồn , ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  
Câu 16: - Khổ cuối bài thơ “ Sang thu “ ( Hữu Thỉnh )  
- Khổ cuối bài thơ “ Bếp lửa” (Bằng Việt )

**ĐỀ 7:** Trăng là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tác nghệ thuật. Mở đầu một khổ thơ trong một tác phẩm của mình, một nhà thơ viết:

*“Trăng cứ trong vành vạnh”*

**Câu hỏi**

**Câu 1:**Câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Ai là tác giả của bài thơ đó? Hãy chép những câu tiếp theo để hoàn thành khổ thơ có chứa câu thơ trên.

**Câu 2:**Nêu vài nét về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trên. Hoàn cảnh sáng tác ấy có mối liên hệ như thế nào với chủ đề của bài thơ.

**Câu 3**.Hình ảnh bao trùm trong bài thơ ( có khổ thơ em vừa chép) là hình ảnh nào? Hãy nêu những tầng ý nghĩa của hình ảnh đó?

**Câu 4:** Hãy viết một đoạn văn trình bày theo cách Tổng hợp – phân tích- tổng hợp có độ dài khoảng 10-12 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán phân tích khổ thơ em vừa chép để làm rõ nội dung : *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm ( Gạch chân dưới câu cảm thán đó).*

**Câu 5:**Em hãy chép một câu thơ có hình ảnh trăng trong chương trình Ngữ văn 9 và nêu rõ tên tác phẩm, tác giả.

**GỢI Ý**:

**Câu 1.**

- Tác phẩm: *Ánh trăng*, tác giả: Nguyễn Duy

- Chép thơ: kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giật mình.

**Câu 2.**

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mối liên hệ với chủ đề: Là 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam, kết thúc chiến tranh giải phóng đất nước. Những người chiến sĩ trở về với đồng bằng, miền xuôi và bị cuốn đi bởi những lo toan tất bật của đời sống thường nhật ⟶ không ít người trong số họ lãng quên, bội bạc quá khứ. Tác giả viết bài thơ này như một lời nhắc nhở, tự vấn.

Câu 3. Hình ảnh bao trùm trong bài thơ là hình ảnh vầng trăng

- Vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng

+ Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ rồi đến thời chiến tranh ở rừng.

+ Vầng trăng là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, hơn thế, trăng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.

+ ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

Câu 4. + Về nội dung: Đảm bào các ý cơ bản sau :

- Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “ Trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thuỷ chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay " vô tình”

- ánh trăng còn được nhân hoá “ im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thuỷ chung nghĩa tình.

- Sự im lặng ấy làm nhà thơ “ giật mình” thức tình, cái “ giật mình của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng , nó thể hiện sự suy nghĩ trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.

- Dòng thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự, lời sám hối ăn năn dù không cất lên nhưng chính vì thế càng trở nên ám ành day dứt.

- Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa thuỷ chung.

**Câu 5.** - Câu thơ: *Đầu súng trăng treo.*

- Tác giả: Chính Hữu - Tác phẩm: *Đồng chí*

**ĐỀ 8: Trong bài thơ “*Ánh Trăng*” của Nguyễn Duy có đoạn viết:**

*Thình lình đèn điện tắt               Ngửa mặt lên nhìn mặt              Trăng cứ tròn vành vạnh*

*phòng buyn-đinh tối om              có cái gì rưng rưng                    kể chi người vô tình*

*vội bật tung cửa sổ                     như là đồng là bể                     ánh trăng im phăng phắc*

*đột ngột vầng trăng tròn             như là sông là rừng                     đủ cho ta giật mình*.

*(****Ngữ văn 9****,*tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

a) Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

b)Tình huống **Thình lình đèn điện tắt** có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?

c) Các hình ảnh: **Đồng, bể, sông, rừng** trong đoạn trích trên đã từng xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ. Việc lặp lại các hình ảnh ấy ở đoạn trích này có ý nghĩa gì ?

d) Viết một đoạn văn theo cách lập luận qui nạp (khoảng 12 câu) phân tích khổ thơ cuối của bài thơ để làm rõ ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng, chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm. Trong đoạn văn có sử dụng phép thế và một câu cảm thán (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép thế và câu cảm thán).

e) Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.

**GỢI Ý:**

a) Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: 1978, sau 3 năm đất nước thống nhất tác giả công tác tại Tp. HCM.

b) Tình huống Thình lình đèn điện tắt có vai trò, ý nghĩa: Tạo nên bước ngoặt trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ và từ đó làm nổi bật chủ đề tác phẩm.

c) Các hình ảnh: Đồng, bể, sông, rừng trong đoạn trích trên đã từng xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ. Việc lặp lại các hình ảnh ấy ở đoạn trích này có ý nghĩa:

– Gợi nhớ về hình ảnh thiên nhiên đã gắn bó với nhân vật trữ tình trong quá khứ (hồi nhớ, hồi chiến tranh).

– Hình ảnh hoán dụ biểu tượng cho quá khứ tuổi thơ hồn nhiên (đồng, sông, bể) và quá khứ gian lao mà hào hùng thắm tình đồng chí đồng đội (rừng).

d) Phân tích khổ thơ cuối của bài thơ:

**\* Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm:**

– Trăng “tròn vành vạnh”:

Gợi hình ảnh thiên nhiên tươi mát.

– Biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của đời sống.

– Biểu tượng cho quá khứ tròn đầy, thủy chung, không thay đổi.

– 2 câu đầu các từ “cứ”, “kể chi” – > sự đối lập: Sự tròn đầy, vẫn nguyên, thủy chung của vầng trăng-quá khứ với sự thiếu sót, vô tình, sự đổi thay của con người.

– Hình ảnh nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc”: Trăng hiện lên như người bạn với cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung. Cái nhìn có sức soi rọi vào sâu bên trong tâm hồn con người để cho con người chợt giật mình thức tỉnh.

– Giật mình nhận ra sự vô tình đáng trách của mình, vì cuộc sống đầy đủ, vì hoàn cảnh ấm êm mà trở thành kẻ quay lưng với quá khứ. Đối diện với vầng trăng bao dung, một vầng trăng “tròn vành vạnh, im phăng phắc”, không lời buộc tội nhưng đủ để cho nhân vật trữ tình thấm thía với lỗi lầm. Lời thơ giản dị nhưng giàu ý nghĩa triết lí. Nó gợi cho con người đạo lý thủy chung, uống nước nhớ nguồn .

**ĐỀ 9: Trong bài thơ “Ánh trăng”, tác giả Nguyễn Duy có viết: “Hồi nhỏ sống với đồng”**

**a. Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo.**

**Trả lời:**

*Hồi nhỏ sống với đồng*

*với sông rồi với bể*

*hồi chiến tranh ở rừng*

*vầng trăng thành tri kỉ*

*Trần trụi với thiên nhiên*

*hồn nhiên như cây cỏ*

*ngỡ không bao giờ quên*

*cái vầng trăng tình nghĩa*

**Câu hỏi:**

1. Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Từ đó, hãy liên hệ với cuộc đời của Nguyễn Duy để phát biểu chủ đề của bài thơ.

2. Bài thơ “Ánh trăng” mang bóng dáng câu chuyện kể. Theo em yếu tố tự sự và trữ tình được kết hợp như thế nào trong bài thơ?

3. Tìm và phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ được viết trong đoạn thơ trên?

4. Hãy giải thích tại sao tác giả chỉ viết hoa từ những dòng đầu tiên của mỗi khổ thơ.

5. Bài thơ "Ánh trăng" muốn nói tới thái độ sống nào của người đọc. Tìm câu tục ngữ diễn đạt chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

6. Nêu cảm nhận của em về khổ thơ đầu bằng đoạn văn quy nạp hoặc diễn dịch.

**GỢI Ý:**

1. Bài thơ được ra đời những năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh (3 năm sau ngày kết thúc chiến tranh, thống nhất đất nước).

Tác giả Nguyễn Duy viết bài thơ “Ánh trăng” như một lời nhắn nhủ, tâm tình với bản thân không được quên quá khứ đau thương đã qua. Chủ đề bài thơ có ý nghĩa như lời nhắn nhủ tới thế hệ mai sau không được lãng quên quá khứ, gợi nhắc người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, trân trọng nguồn cội.

**2.** Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ tới hiện tại với các mốc sự kiện hiện tại trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng theo đó bộc lộ dựa trên mạch tự sự của văn bản.

Theo mạch tự sự đi từ việc hồi tưởng quá khứ, tới nhận ra lầm lỗi của bản thân trong hiện tại để lắng kết lại thành cái “giật mình” cuối bài thơ.

**3.** Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên: nhân hóa.

Nhân hóa vầng trăng trở thành “tri kỉ” người gần gũi, gắn bó, thấu hiểu mọi tâm tư, tình cảnh.

    + Trăng trở thành người bạn chia sẻ mọi vui buồn, trăng đồng cam cộng khổ, xoa dịu những nỗi đau của chiến tranh bằng ánh sáng tươi mát, hiền hòa.

    + Trăng là người bạn đồng hành, đồng cam cộng khổ với người chiến sĩ, trăng chính là hiện thân của quá khứ chan hòa tình nghĩa.

**4.** Trong bài thơ “Ánh trăng” tác giả chỉ sử dụng một dấu chấm duy nhất, nhằm tạo ra sự liền mạch về cảm xúc. Cảm xúc xuyên suốt toàn bộ bài thơ, không bị ngắt quãng, đứt đoạn.

Mỗi chữ cái đầu khổ thơ được viết hoa, tạo thành một câu kể dài trọn vẹn ý, điều đó cũng là sự sáng tạo, cách tân mới mẻ trong thơ.

5.Bài thơ gợi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo.

Bài thơ "Ánh trăng" gợi nhắc tới thái độ sống “Uống nước nhớ nguồn”, thủy chung ân nghĩa với quá khứ, nguồn cội, đây cũng chính là truyền thống tốt đẹp cảu dân tộc Việt Nam. Bài thơ nhắc nhở con người cần biết ơn, trân trọng nguồn cội.

6. Khổ thơ đầu tiên bài "Ánh trăng" nhắc nhở, tái hiện những năm tháng chiến đấu gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước. Những tháng ngày sống tự do, hồn hậu với tự nhiên, không có sự đổi thay:

*Hồi nhỏ sống với đồng*

*Với sông rồi với bể*

*Hồi chiến tranh ở rừng*

*Vầng trăng thành tri kỉ*

Từ đó, gợi nhắc thái độ “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung từ trong quá khứ. Với giọng điệu tâm tình, tự nhiên, tha thiết kết hợp với các yếu tố trữ tình, tự sự hình ảnh ánh trăng đầy biểu cảm hiện lên trong trẻo, hiền hòa. Như vậy ở quãng thời gian trong quá khứ “hồi nhỏ” và “hồi chiến tranh” cuộc sống gần gũi với tự nhiên, với trăng tưởng chừng không bao giờ quên được hình ảnh ánh trăng “tình nghĩa”. Những tháng năm sống hồn nhiên, trong sáng sẽ luôn là kỉ niệm đẹp, khó quên trong lòng người lính. Từ những lời nói này như những lời nói tâm tình kể theo trình tự thời gian, qua đó dòng cảm xúc của nhà thơ cũng men theo mạch tự sự đó để bộc lộ.

**ĐỀ 10**: Trong bài thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy có duy nhất một khổ thơ nhắc tới từ “*ánh trăng*”,

1. Em hãy chép chính xác khổ thơ đó.

**2.** Chỉ ra biện pháp tu từ có trong hai câu thơ cuối khổ thơ vừa chép. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

3. Cái “giật mình” trong khổ thơ vừa chép có ý nghĩa gì?

4.Viết một đoạn văn 12 câu, diễn tả cảm nhận của em về hình tượng “trăng” trong khổ thơ vừa chép. Đoạn thơ có sử dụng câu bị động và thành phần phụ chú.

**GỢI Ý:**

1. Khổ thơ duy nhất có từ "ánh trăng":

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình*

2.Biện pháp nhân hóa: “ánh trăng im phăng phắc”, ánh trăng được nhân hóa “im phăng phắc” không một lời trách cứ, gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thủy chung nghĩa tình. Con người có thể lãng quên quá khứ, nhưng quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

**3.** Sự im lặng của vầng trăng khiến nhân vật trữ tình “giật mình”, cái “giật mình” ở đây là sự “giật mình” thức tỉnh của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng. Nó thể hiện suy nghĩ, trăn trở, tự đấu tranh với chính mình để nhận ra lỗi lầm, sự đổi thay. Giật mình để trở về với lương tâm trong sáng, tốt đẹp, đây cũng là sự tự sám hối trước sự thay đổi của mình.

**4.**    Khổ thơ cuối kết tinh đạo lý, sự độc đáo và thể hiện tư tưởng sâu sắc của tác giả. “Trăng cứ trong vạnh vạnh” gợi lên sự trọn vẹn, thủy chung của thiên nhiên và chính là của quá khứ. Đối lập giữa hình ảnh ánh trăng là hình ảnh con người “vô tình” trong cuộc đối mặt không lời. Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa để nói về cái nhìn nghiêm khắc, nhưng có phần bao dung để nhân vật người lính tự soi chiếu vào chính bản thân mình, nhận ra lỗi sai. Sự im lặng dẫn tới cái “giật mình” thức tỉnh của người lính. Con người giật mình chính là cái giật mình thức tỉnh cảu lương tâm trong sạch, nhân cách tốt đẹp. Giật mình để không quên lãng quá khứ, không đánh mất và thơ ở với quá khứ. Hình ảnh ánh trăng lúc này có giá trị khái quát, nhắc nhở chân thành về lẽ sống ân tình, thủy chung.

15. **LÀNG**

**ĐỀ 1.** Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3:

*“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm (1). Chả lẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được (2). Ông kiểm điểm từng người trong óc (3). Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà (4). Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm cái điều nhục nhã ấy!...(5)”*

**Câu hỏi**

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2: “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

Câu 3: Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

Câu 4: Trong đoạn trích, nhân vật “ông lão” thể hiện tình yêu làng gắn liền với yêu nước như thế nào? Hãy trình bày cảm nhận về “ông lão” trong một đoạn văn tổng – phân – hợp khoảng 12 câu, trong đoạn có 1 câu ghép, 1 phép liên kết.

**ĐÁP ÁN**

1) - Đoạn văn trên nằm trong tác phẩm Làng.- Tác giả là Kim Lân.

2) - "Ông lão" trong đoạn trích trên là nhân vật ông Hai.

- "Điều nhục nhã" được nói đến là làng Chợ Dầu theo giặc.

3) - Những câu văn là lời trần thuật của tác giả: (1), (3).

- Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật: (2), (4), (5).

- Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng của ông Hai: băn khoăn, day dứt nhưng vẫn tin tưởng vào lòng trung thành của người dân làng Chợ Dầu với cách mạng.

4) - Về hình thức: Đoạn văn nghị luận theo cấu trúc tổng-phân-hợp, khoảng 12 câu, có liên kết chặt chẽ, đủ lí lẽ và dẫn chứng, có sử dụng 1 câu ghép, 1 phép liên kết.

- Về nội dung: Phân tích tình yêu làng hòa quyện với tình yêu nước ở nhân vật ông Hai; giới hạn phân tích là toàn bộ văn bản Làng.

- Tham khảo đoạn văn:

Trong truyện ngắn Làng của Kim Lân, nhân vật ông Hai đã thể hiện tình yêu làng hòa quyện với tình yêu nước thật cảm động (1). Thật vậy, trong cảnh ngộ phải xa làng, ông luôn khoe về làng – cái làng kháng chiến – thực ra là cách giới thiệu tự hào và yêu thương về làng quê mình (2). Nhà văn còn đặt nhân vật lão nông ấy vào tình huống tin làng theo giặc, để thử thách tình yêu làng, yêu nước (3). Từ lúc nghe tin dữ ấy, cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt đã xảy ra trong lòng ông: theo làng hay trung thành với cách mạng, với Cụ Hồ? (4) Rồi ông Hai bị đẩy vào tình thế tuyệt vọng khi mụ chủ nhà ngỏ ý không cho ở nhà nữa vì không ai chứa chấp dân của làng Việt gian (5). Nhưng ông không thể về làng bởi lòng ông đã quyết định dứt khoát: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù ” (6). Trong hoàn cảnh ấy, ông chỉ còn biết trút nỗi lòng của mình vào những lời thủ thỉ với đứa con còn rất ngây thơ: ‘’Nhà ta ở làng Chợ Dầu, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ” (7). Những lời tâm sự ấy thực chất là những lời ông tự nhủ nhằm khẳng định tình yêu sâu nặng đối với làng Chợ Dầu đồng thời cũng khẳng định lòng trung thành với cách mạng, với lãnh tụ (8). Điều đó chứng tỏ ông Hai đã đặt tình yêu kháng chiến, yêu lãnh tụ, yêu đất nước lên trên tình yêu làng truyền thống (9). Thế nên, khi tin về làng được cải chính, dù tài sản riêng bị phá hủy, ông vẫn vô cùng sung sướng đi mua quà bánh cho con, rồi lại đi khoe với mọi người rằng Tây đã đốt nhà ông (10). Có thể nói, với “Làng”, qua nhân vật ông Hai, Kim Lân đã khẳng định: cách mạng và kháng chiến chẳng những không làm mất đi tình yêu làng truyền thống mà còn đưa đến cho tình cảm ấy những biểu hiện hoàn toàn mới mẻ: lòng yêu cách mạng, yêu lãnh tụ (11). Chính tình yêu làng thống nhất với tình yêu nước đã làm nên sức mạnh của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (12).

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:**

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên:*

*- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính....cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai mục đích cả.*

*( Ngữ văn 9 – tập 1)*

**Câu hỏi**

Câu 1: Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác?

Câu 2: Xác định từ xưng hô trong đoạn trích?

Câu 3: Tìm lời dẫn của nhân vật có trong đoạn trích. Cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

Câu 4: Ông Hai nói: ”*Làng chợ Dầu chúng em Việt gian*” tác giả sử dụng nghệ thuật gì?

Câu 5: Nêu nội dung của đoạn trích trên?

Câu 6: Tại sao tác giả lại để ông Hai nói “sai sự mục đích”?

Câu 7: Nhân vật ông lão trong đoạn truyện trên nhà bị tây đốt thế mà lại đi thông báo với mọi người như khoe về một chiến công. Hãy nêu cảm nhận của em về hành động đó.

**GỢI Ý:**

1) Đoạn truyện trên nằm trong tác phẩm “Làng”. Tác giả là Kim Lân.

Hoàn cảnh sáng tác: Truyện ngắn Làng được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948

4) Nói ”Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói hoán dụ - lấy làng để chỉ những người dân làng Chợ Dầu

6) Sai sự mục đích: dùng với nghĩa là sai sự thật. Đúng ra phải dùng từ ”mục kích” (nhìn thấy rõ ràng, tận mắt). Tác giả để ông Hai thích nói chữ nhưng dùng từ không chính xác. Điều này cho ta thấy ngôn ngữ của nhân vật trong truyện rất đặc sắc. Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, vừa mang đậm cá tính của nhân vật nên rất sinh động

7) Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời. Vậy mà ông Hai sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin ”Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như khoe về một chiến công. Hành động này không bình thường nhưng lại hoàn toàn chân thực. Cái sự việc phũ phàng kia là minh chứng khẳng định làng ông không theo giặc. Dường như ông coi đó là một đóng góp cho kháng chiến, là một niềm hạnh phúc. Trong niềm vui lớn lao ấy, sự mất mát kia chẳng thấm vào đâu. Trong sự cháy rụi của nhà ông có sự hồi sinh của làng Chợ Dầu, cái làng xứng đáng với tình yêu, niềm tự hào trong ông. Tài sản riêng bị phá huỷ nhưng danh dự của làng được bảo toàn. Làng Chợ Dầu vẫn là làng anh dũng kháng chiến. Đó là niềm vui kì lạ, thể hiện một cách đau xót và cảm động tinh thần yêu nước và cách mạng của người dân VN trong kháng chiến.

**ĐỀ 3: Đọc đoạn truyện sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang gian bác Thứ.*

*Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:*

*- Bác Thứ đâu rồi? bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dỗu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.*

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão lại lật đật bỏ lên nhà trên.*

*- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại đật bỏ đi nơi khác”.*

**Câu hỏi**

1) Đoạn truyện trên nằm trong tác phẩm nào? Ai là tác giả? Nêu nét chính về hoàn cảnh sáng tác tác phẩm.

2) Tại sao tác giả lại để ông Hai nói “sai sự mục đích”?

3) Nói “Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói nào?

4) Nhân vật ông lão trong đoạn truyện trên nhà bị tây đốt thế mà lại đi thông báo với mọi người như khoe về một chiến công. Hãy nêu cảm nhận của em về hành động đó.

**GỢI Ý:**

1) Đoạn truyện trên nằm trong tác phẩm “Làng” Tác giả là Kim Lân.

Hoàn cảnh sáng tác: Truyện ngắn Làng được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948(

2) Sai sự mục đích: dùng với nghĩa là sai sự thật. Đúng ra phải dùng từ ”mục kích” (nhìn thấy rõ ràng, tận mắt). Tác giả để ông Hai thích nói chữ nhưng dùng từ không chính xác. Điều này cho ta thấy ngôn ngữ của nhân vật trong truyện rất đặc sắc. Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, vừa mang đậm cá tính của nhân vật nên rất sinh động

3) Nói ”Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói hoán dụ - lấy làng để chỉ những người dân làng Chợ Dầu

4) ĐV 1: Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời. Vậy mà ông Hai sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin ”Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như khoe về một chiến công. Hành động này không bình thường nhưng lại hoàn toàn chân thực. Cái sự việc phũ phàng kia là minh chứng khẳng định làng ông không theo giặc. Dường như ông coi đó là một đóng góp cho kháng chiến, là một niềm hạnh phúc. Trong niềm vui lớn lao ấy, sự mất mát kia chẳng thấm vào đâu. Trong sự cháy rụi của nhà ông có sự hồi sinh của làng Chợ Dầu, cái làng xứng đáng với tình yêu, niềm tự hào trong ông. Tài sản riêng bị phá huỷ nhưng danh dự của làng được bảo toàn. Làng Chợ Dầu vẫn là làng anh dũng kháng chiến. Đó là niềm vui kì lạ, thể hiện một cách đau xót và cảm động tinh thần yêu nước và cách mạng của người dân VN trong kháng chiến

ĐV 2: Trong “Làng”, chi tiết kể về ông Hai cứ múa tay lên mà khoe nhà ông bị đốt nhẵn. Mới đọc chi tiết này, ta thấy dường như vô lý bởi ngôi nhà là cả một tài sản quá lớn. Hơn thế nó còn gắn với bao kỷ niệm vui buồn rất thiêng liêng của mỗi con người. Mất nó ai mà không xót xa đau đớn? Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đế tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Không! Đặt ông Hai trong hoàn cảnh của “Làng” – làng Dầu đang bị hai tiếng Việt gian theo tây – thì ông Hai không vui sướng sao được vì nhà bị tây đót là bằng chứng hùng hồn rằng làng Dầu của ông vẫn theo kháng chiến, theo cách mạng, đó là một làng quê anh hùng, đứng dậy chống thực dân Pháp. Chắc hẳn mất nhà ông Hai cũng đau lắm chứ, xót xa lắm chứ. Nhưng dù thế nào thì nhà còn có thể xây dựng lại được, song danh dự của làng đâu dễ lấy lại? Ông đã quên nỗi đau, sự mất mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước. Thế đấy niềm vui, nỗi buồn của ông Hai luôn gắn liền với vận mệnh của Làng Dầu. Thế mới biết ông Hai yêu làng quê tha thiết đến chừng nào! Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quyện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng.

**ĐỀ 4:** **Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:**

*“… Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?.”*

**Câu hỏi**

a. Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh sáng tác?

b. Đoạn văn trên là suy nghĩ của nhân vật nào? Nhân vật đó đang ở trong hoàn cảnh nào?

c. Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong đoạn văn trên có gì đặc sắc?

d. Tìm một câu rút gọn có trong đoạn văn và chỉ rõ cách rút gọn?

e. Viết đoạn văn (*khoảng 200 từ*) trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên?

**GỢI Ý**: a. - Đoạn trích trên thuộc văn bản "Làng" do Kim Lân sáng tác.

- Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm: sáng tác năm 1948 thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

b. - Suy nghĩ đó là của nhân vật ông Hai.

- Ông đang trong hoàn cảnh đau khổ, nhục nhã khi nghe tin làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây.

c. Nghệ thuật tự sự trong đoạn trích trên rất đặc sắc trong việc khắc họa nhân vật của tác giả:

- Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm (sử dụng nhiều câu hỏi tu từ) nhằm mục đích nói lên những suy nghĩ của nhân vật.

- Làm nổi bật quá trình đấu tranh nội tâm của ông Hai sau khi nghe tin làng mình theo giặc: băn khoăn không tin, rồi bắt buộc phải tin vì có bằng chứng và rồi nhục nhã, lo lắng cho tương lai của gia đình, của người làng...

d. – Câu rút gọn trong đoạn văn: *Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao*?

– Bộ phận chủ ngữ được rút gọn .

e. Học sinh viết được đoạn văn theo yêu cầu sau:

– Về hình thức: Đảm bảo kết cấu một đoạn văn, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp

– Về nội dung: Trình bày được cảm nhận về tâm trạng của nhân vật ông Hai, đó là sự nửa tin, nửa ngờ của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Buộc phải tin đó là sự thật nên ông Hai lo sợ cho tương lai của những người làng Chợ Dầu đang tản cư ở khắp nơi.

**Đề 5.** Tâm trạng nhân vật ông Hai (Làng – Kim Lân) trong những ngày nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc được tả như sau:

*Ông Hai vẫn trằn trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hẳn đi, chân tay nhủn ra, tưởng chừng không thể cất lên được… có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mụ chủ… Mụ nói cái gì vậy? Mụ nói cái gì mà lào xào thế? Trống ngực ông lão đập thình thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe ra bên ngoài…*

*(Làng, Kim Lân)*

**Câu hỏi**

1. Nếu lược bỏ các dấu ba chấm và câu hỏi trong đoạn văn trên thì cách miêu tả nhân vật và giá trị biểu cảm của đoạn văn có gì thay đổi? Vì sao?

2. Trong một đoạn trích của Truyện Kiều đã học cũng có bốn câu thơ dùng câu hỏi để diễn tả tâm trạng nhân vật. Hãy chép lại những câu thơ đó (ghi rõ tên đoạn trích). 3.

a, Viết một câu văn nhận xét tâm trạng nhân vật ông Hai trong đoạn văn trên.

b, Dùng câu đã viết làm mở đoạn, hãy viết tiếp khoảng 10 câu để hoàn chỉnh đoạn văn.

c, Đoạn văn em vừa viết được trình bày theo cách nào?

**4.**

**Gợi ý làm bài**

1. Nếu lược bỏ các dấu ba chấm và câu hỏi trong đoạn văn trên thì cách miêu tả nhân vật vẫn không thay đổi: tâm trạng nhân vật vẫn được miêu tả qua cử chỉ, hành động và độc thoại nội tâm. Nhưng giá trị biểu cảm của đoạn văn sẽ ảnh hưởng: tâm trạng lo lắng buồn bã, sợ hãi và nghe ngóng của ông Hai không rõ nữa, tốc độ phát triển nhân vật cũng nhanh hơn.

2. Bốn câu thơ có dùng câu hỏi diễn tả tâm trạng nhân vật trong Truyện Kiều là: *Buồn trông cửa bể chiều hôm, Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa? Buồn trông ngọn nước mới sa, Hoa trôi man mác biết là về đâu*? (Kiều ở lầu Ngưng Bích)

3. a, Viết một câu văn nhận xét tâm trạng nhân vật ông Hai trong đoạn văn trên Tâm trạng nhân vật ông Hai (Làng – Kim Lân) lo lắng, buồn bã sau khi nghe tin làng mình theo giặc và ông phấp phỏng, âu lo nghe ngóng mụ chủ nhà, sợ bị đuổi đi.

b, Dùng câu đã viết làm mở đoạn, hãy viết tiếp khoảng 10 câu để hoàn chỉnh đoạn văn. Trong đoạn văn cần làm rõ: Tình yêu làng của ông Hai khi ở nơi tản cư Tâm trạng ông Hai trước và sau khi nghe tin làng Dầu theo giặc

c, Các em tự đánh giá lại đoạn văn của mình vừa thực hiện ở trên.

**Đề 6.** **Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây…”, cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.   
Hay là quay về làng?…   
Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì ở cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ…   
Nước mắt ông lão giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây (…)   
Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à? Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.”***Câu hỏi**

1) Đoạn trích trên thuộc tác phầm nào, của tác giả nào? Ghi rõ thời gian sáng tác tác phẩm.   
2) Nêu nội dung của đoạn trích?  
3) Câu “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..” là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?   
4) Có bạn cho rằng đoạn trích trên đã sử dụng chủ yếu hình thức ngôn ngữ độc thoại, lại có bạn cho rằng đó là đọc thoại nội tâm. Ý kiến của em thế nào?

5) Câu văn “Hay là quay về làng?…” thuộc kiểu câu nào chia theo mục đích nói? Dấu ngoặc kép trong đoạn văn có tác dụng gì?

6) chọn một trong hai ý sau:

a. Có ý kiến cho rằng: Thành công trong cách xây dựng tình huống truyện ngắn Làng là nhà văn đã đặt ông Hai vào những giằng xé nội tâm để buộc nhân vật phải lựa chọn giữa tình yêu làng và tình yêu nước. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu lý giải ý kiến trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu hỏi tu từ và một câu có chứa khởi ngữ.

b. Cho câu văn “*Vậy là, với ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, Kim Lân đã khắc họa thành công nét mới trong tình yêu làng truyền thống của người nông dân kháng chiến.”* Lấy câu văn này làm câu chủ đề để phân tích đoạn trích trên, hãy triển khai thành một đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu, trong đoạn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và một câu ghép, (gạch chân chú thích lời dẫn trực tiếp và câu ghép).

**GỢI Ý:**

1) Đoạn trích đó nằm trong truyện Làng của nhà văn Kim Lân, truyện được viết năm 1948, thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.   
2) Nội dung của đoạn văn: Sự giằng xé nội tâm của nhân vật ông Hai giữa việc quay về làng hay ở lại.  
3) Câu nói đó là lời dẫn trực tiếp.   
4) Đoạn văn trích này chủ yếu dùng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, đó là những lời nói bên trong của nhân vật, không nói ra thành tiếng.  
5) Câu văn “Hay là quay về làng?…” thuộc kiểu câu nghi vấn. Tác dụng dấu ngoặc kép: Đánh dấu lời thoại trực tiếp   
6. a. Định hướng ý: Làm rõ tình yêu làng và tình yêu nước của ông Hai trước và sau khi nghe tin làng Dầu theo giặc. Trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hòa quyện trong nhau thì lúc này; ông Hai buộc phải lựa chọn đau đớn giữa quê hương và Tổ quốc, giữa nghĩa nước với tình làng. Điều đó không đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì vứt bỏ; còn cách mạng là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Một cuộc xung đột nội tâm gay gắt giữa tình yêu làng quê và tinh thần yêu nước đã diễn ra ở ông Hai. Ông đã dứt khoát lựa chọn theo cách của mình: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Tình yêu nước đã rộng lớn hơn, bao trùm lên tình cảm với làng quê. Như vậy, tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu cũng không thể mãnh liệt hơn tình yêu đất nước. Đó là vẻ đẹp tâm hồn cao cả của con người Việt Nam, khi sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để sống với tình cảm chung của cả cộng đồng, của cả dân tộc và đất nước. Nhưng dù đã xác định như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với làng quê, vì thế mà ông càng xót đau, tủi hổ.

**b.** - Về hình thức: chép chính xác câu chủ đề đã cho để tạo thành đoạn văn có dung lượng khoảng 10 câu (tối thiểu 8 câu, tối đa 12 câu), theo phương pháp quy nạp, có liên kết chặt chẽ, đủ lí lẽ và dẫn chứng, có sử dụng lời dẫn trực tiếp và câu ghép.

- Về nội dung: chỉ phân tích đoạn trích đã cho để làm rõ ý khái quát: ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế (độc thoại nội tâm rất lô-gic, đa dạng kiểu câu, giọng điệu,... ), nét mới trong tình yêu làng truyền thống của người nông dân (yêu làng kháng chiến, đặt tình yêu với đất nước lên trên,...)

- Tham khảo đoạn văn: Trong đoạn văn được trích từ tác phẩm Làng của Kim Lân, ta thấy lời người đàn bà đi tản cư thông báo về cái tin dữ “cả làng chúng nó Việt gian theo Tây”... đã ám ảnh ông Hai, khiến ông có ý định “Hay là quay về làng?” ... (1). Đây là lời độc thoại nội tâm rất chân thực diễn tả những suy nghĩ, băn khoăn, không muốn rời xa cái làng mà mình vốn luôn hãnh diện, luôn “khoe ” (2). Thế nhưng suy nghĩ sai lầm ấy đã bị dập tắt ngay khi tác giả miêu tả một cách rất tinh tế những dòng độc thoại nội tâm của nhân vật (3). Bởi ông Hai hiểu rằng quay về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ, là chấp nhận làm nô lệ (4). Rồi ông mường tượng ra quá khứ đen tối và nhục nhã của kiếp sống trước mà còn cảm thấy “rợn cả người” (5). Trong con người ông Hai diễn ra cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt giữa sáng và tối, được và mất (6). Để rồi người nông dân tản cư ấy đi đến quyết định dứt khoát: “Không thế được! Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù” (7). Thù cái làng mà mình đã từng yêu thương, từng gắn bó như máu thịt, đó là sự hi sinh vì làng đó đã theo Tây phản bội đất nước(8). Điều đó chứng tỏ ông Hai đã đặt tình yêu kháng chiến, yêu lãnh tụ lên trên tất cả. Lòng yêu nước đã bao trùm lên tình cảm làng quê, đây là nét mới, là chuyển biến sâu sắc trong tư tưởng, tình cảm của người nông dân thời kì kháng chiến chống Pháp (9). Vậy là, với ngòi bút miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, Kim Lân đã khắc họa thành công nét mới trong tình yêu làng truyền thống của người nông dân kháng chiến (10).

**Đề 7.** **Cho đoạn văn sau**:

*(1) Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra.(2) Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? (3) Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? (4) Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu …(5) Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên: – (6) Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*

*(Ngữ Văn 9 tập 1- Nhà xuất bản Giáo dục 2015)*

**Câu hỏi**

1. Cho biết đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?

2. Nêu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm đó? Xác định những câu là lời độc thoại nội tâm trong đoạn văn trên.

3. Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

4. Hãy viết một đoạn văn giới thiệu về nhân vật “ông lão” trong tác phẩm được xác định ở câu hỏi 1 (viết không quá nửa trang giấy thi).

Vì sao khi “ nhìn lũ con”, “ nước mắt” của ông Hai lại “cứ giàn ra”?

Đoạn văn trên được nói đến trong hoàn cảnh nào ? Nó giúp em hiểu gì về nhân vật ông Hai?

Ngôn ngữ chủ yếu để miêu tả nhân vật ông Hai ở đoạn trích trên thuộc hình thức ngôn ngữ đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm? Việc sử dụng hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng gì?

Kể tên hai văn bản khác nhau trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có sử dụng hình thức ngôn ngữ như vậy.

**Gợi ý làm bài**

1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm Làng của Kim Lân.

2. Hoàn cảnh sáng tác: 1948 những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

3. - Trích dẫn : “chúng nó…. Đấy ư” : ông hỏi ai hay tự hỏi chính mình ? Thủ pháp độc thoại nội tâm như giúp chúng ta chứng kiến những suy nghĩ của ông Hai :

   + Dấu (….) như diễn tả những ý nghĩ ngổn ngang trong lòng ông.

   + Ông nói một mình, ông rít lên một mình như đang mắng mỏ, như những người làng chợ Dầu đang đứng trước mặt ông.

=> Độc thoại nội tâm: câu 2, 3, 4. Thể hiện tâm trạng: nỗi đau đớn, xót xa của ông Hai, thương thân, thương con khi nghĩ đến những đứa con của mình bị hắt hủi, xa lánh vì chúng là trẻ con của làng Chợ Dầu (trong tình huống có tin làng Chợ Dầu theo giặc).

4. Cần nêu các ý sau: Ông Hai – người nông dân quê ở làng Chợ Dầu – là người có tình yêu làng tha thiết, mãnh liệt. Ông luôn kể và khoe, tự hào về làng Chợ Dầu của mình. Đi sơ tán, ông nhớ không nguôi về làng mình, nhớ những ngày ở làng tích cực chuẩn bị kháng chiến: đào đường, đắp ụ… Nghe tin làng Chợ Dầu Việt gian theo Tây, ông choáng váng, đau đớn, tủi nhục… Ông đã trải qua những ngày căng thẳng, đấu tranh tư tưởng gay gắt giữa một bên là tình yêu làng, một bên là lòng trung thành với cách mạng và kháng chiến. Khi tin được cải chính, ông vô cùng vui sướng, đi khoe về làng – mặc dù nhà ông đã bị đốt nhẵn… Tình yêu làng và yêu nước trong ông đã hòa làm một. Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp

**ĐỀ 8: Cho đoạn văn sau:**

*“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá… Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt lắm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.”*

(Làng, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập I, NXB Giáo Dục, 2010)

**Câu hỏi**

1. Hãy nêu ngắn gọn những hiểu biết của em về tác giả Kim Lân?

2. Việc tác giả sử dụng điệp từ “lại” trong đoạn trích trên nhằm mục đích gì? Chỉ ra các thành biệt lập trong đoạn trích.

3. Câu *Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày* trong đoạn trích trên là kiểu câu gì (phân loại theo cấu trúc ngữ pháp)?

4. Nhân vật ông Hai trong tác phẩm khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc, đã vô cùng xấu hổ và tủi nhục. Đó là nỗi xấu hổ của một con người có lòng tự trọng và nhân cách. Bằng hiểu biết xã hội của mình, em hãy trình bày suy nghĩ về vai trò của sự tự xấu hổ trong việc hoàn thiện nhân cách của mỗi người (Bài viết không quá một trang giấy thi).  
**GỢI Ý:**   
1- Nêu ngắn gọn những hiểu biết về tác giả Kim Lân: Kim Lân (1920 -2007) tên khai sinh là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc về cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân chủ yếu chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. Năm 2001 ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

2- Việc tác giả sử dụng điệp từ “lại” trong đoạn trích trên nhằm mục đích nhấn mạnh việc ông Hai lúc nào cũng luôn nhớ về làng Chợ Dầu.

- Các thành biệt lập trong đoạn trích:

+ Thành phần tình thái: Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt lắm.

+ Thành phần cảm thán: Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

3. Câu *Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày* là kiểu câu rút gọn (phân loại theo cấu trúc ngữ pháp)

4. Đoạn văn cần đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: Từ nỗi xấu hổ, tủi nhục của nhân vật ông Hai trong tác phẩm khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc, nêu được những suy nghĩ về vai trò của sự tự xấu hổ trong việc hoàn thiện nhân cách của mỗi người: tự xấu hổ là dấu hiệu của việc tự nhận thức về những điều mình chưa làm được, chưa làm đúng; đó là bước đầu tiên để dẫn đến hành động sửa sai và hoàn thiện nhân cách con người…

- Hình thức: kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt rõ ý, độ dài theo quy định.

**ĐỀ 9: Cho đoạn trích:***Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá… Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt lắm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.*  
(*Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)  
**Câu hỏi**

1. Đoạn văn trên được trích từ truyện ngắn nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn này.   
2. Dòng cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông lão được thể hiện qua việc nhắc lại các từ, cụm từ nào trong đoạn trích? Trong dòng cảm xúc, suy nghĩ ấy có những kỉ niệm nào của ông với làng kháng chiến?   
3. Xét mục đich nói, câu văn *“Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa?”* thuộc kiểu câu gì? Vì sao nỗi trăn trở của ông lão trong câu văn đó lại là một biểu hiện tình cảm công dân.  
4. Với hiểu biết của em về truyện ngắn trên, hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu, có sử dụng câu ghép và phép thế (gạch dưới câu ghép và từ ngữ được dùng làm phép thế) để khẳng định: Truyện đã khắc họa thành công hình ảnh những người nông dân trong kháng chiến .

**GỢI Ý:**

**Câu 1:**  
- Đoạn văn được trích từ truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân  
- Hoàn cảnh ra đười của tác phẩm: Truyện ngắn được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và được đăng trên tạp chí văn nghệ năm 1948.  
**Câu 2:**  
- Dòng cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông lão được thể hiện qua việc nhắc lại những từ, cụm từ trong đoạn trích: nghĩ ngợi, nghĩ về, nghĩ đến, muốn, nhớ.  
- Trong dòng cảm xúc ấy, có những kỉ niệm của ông Hai với làng kháng chiến: những ngày cùng làm việc với anh em, cũng hát hỏng bông phèng, cũng đào, cũng cuốc, đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá…  
**Câu 3:**  
- Xét về mục đích nói, câu văn *“Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa?”*: Thuộc kiểu câu nghi vấn.  
- Nỗi trăn trở của ông lão thể hiện tình cảm công dân vì:  
+ Hình ảnh cái chòi gác ở đầu làng là hình ảnh tiêu biểu, là biểu hiện sống động và thực tế không khí kháng chiến ở làng Chợ Dầu, ở nông thôn Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.  
+ Nỗi trăn trở của ông lão về cái chòi gác không biết đã dựng xong chưa chính là sự quan tâm, nỗi niềm lo lắng đầy trách nhiệm của một công dân yêu nước với phong trào cách mạng của làng ông, cho cuộc kháng chiến của dân tộc.  
**Câu 4:**  
*a. Về hình thức:*  
- Học sinh viết đúng yêu cầu của một đoạn văn nghị luận văn học: lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  
- Cách trình bày nội dung đoạn viết theo đúng cách quy nạp.  
- Diễn đạt trong sáng, lưu loát, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu; trình bày rõ ràng, sạch đẹp.  
- Độ dài đúng quy định: khoảng 12 câu.  
*b. Về thực hành tiếng Việt:*  
- Học sinh sử dụng thích hợp, chính xác, gạch chân và chú thích rõ ràng:  
+ Câu ghép.  
+ Sử dụng phép thế để liên kết câu.  
*c. Về nội dung:*  
- Truyện khắc họa thành công hình ảnh những người nông dân trong kháng chiến  
Học sinh có thể tham khảo dàn ý đoạn viết sau:  
*\* Thân đoạn:*  
\* Hình ảnh ông Hai với tình cảm yêu làng Chợ Dầu, yêu làng quê hài hòa, quyện thấm với tình yêu đất nước. Đây là vẻ đẹp đáng quý của nhân vật, cũng là điều tâm huyết nhất mà nhà văn muốn nói với người đọc.  
\* Hình ảnh ông Hai được miêu tả chủ yếu qua diễn biến nội tâm  
 - Ở nơi tản cư, ông luôn nhớ làng, theo dõi tin tức kháng chiến.  
 - Tâm trạng khi nghe tin đồn làng chợ Dầu theo Tây:  
  + Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Ông tìm cách lảng tránh, cúi gằm mặt xuống ra về.  
 + Về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, *“nước mắt ông lão cứ giàn ra”*. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.  
 + Suốt mấy ngày sau, ông bị ám ảnh nặng nề, không dám đi đâu… Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông… là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!.  
 +  Nghe mụ chủ đánh tiếng đuổi, chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Cuối cùng ông đã quyết định: *“không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”*. Như vậy, tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.  
+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: *“Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”*, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má, giọng ông như nghẹn lại: *“ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”*. Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu *“Nhà ta ở làng chợ Dầu”*, đồng thời ông nhắc con, cũng là tự nhắc mình *“ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”*. Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng.  
- Niềm vui của ông Hai khi tin đồn được cải chính: hả hê khoe Tây đốt nhà mình, nỗi mất mát riêng chẳng thấm vào đâu so với hạnh phúc vì đó là minh chứng làng ông theo kháng chiến, ủng hộ cách mạng. Tình yêu làng hòa quyện với tình yêu nước thật thiêng liêng, xúc động.  
\* Nghệ thuật xây dựng nhân vật ông Hai:  
- Nhà văn Kim Lân đã khá thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai, một lão nông cần cù, chất phác, yêu mến, gắn bó với làng quê như máu thịt.  
+  Nhà văn đã chọn được một tình huống khá độc đáo là sự thử thách bên trong bộc lộ chiều sâu tâm trạng.  
+ Tâm lý nhân vật được nhà văn miêu tả cụ thể, gợi cảm qua các diễn biến nội tâm, qua các ý nghĩ, cảm giác, hành vi, ngôn ngữ. Đặc biệt là nhà văn đã diễn tả đúng và gây được ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh, day dứt trong tâm trạng nhân vật.  
+ Các hình thức trần thuật (đối thoại, độc thoại….)       
Như vậy, từ một nông dân yêu làng, ông Hai đã trở thành một công dân nặng lòng với đất nước.  
\* Bên cạnh hình ảnh ông Hai, Kim Lân cũng khắc họa hình ảnh những người nông dân yêu nước, gắn bó với kháng chiến : những người tản cư từ dới xuôi lên, mụ chủ nhà… Dù chỉ vài nét thoáng qua nhưng họ đều góp phần tạo nên ấn tượng về những người nông dân chất phác, yêu nước, tha thiết với cuộc kháng chiến của dân tộc.  
*Kết đoạn:*  
- Hình ảnh ông Hai trong tác phẩm Làng của Kim Lân là hình ảnh tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam yêu làng, yêu nước thời kì kháng chiến chống Pháp.  
- Liên hệ bản thân.

**ĐỀ 10: Cho đoạn trích sau :**

*“ Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:*

*Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại”*

( Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

1. Đoạn trích trên được rút từ tác phẩm nào, của ai? Cho biết hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm đó?

2. Trong đoạn trích trên, tác giả sử dụng yếu tố đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm?

3. Tác phẩm có đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Hiệu quả của ngôi kể này?

4. Tác phẩm được xây dựng trên những tình huống nào? Nêu ý nghĩa của các tình huống đó.

5. Viết đoạn văn( Khoảng 10 câu) theo kiểu diễn dịch, nêu cảm nhận của em về tâm trạng của ông Hai trong đoạn văn trên, trong đoạn có sử dụng phép nối và thành phần biệt lập tình thái ( gạch dưới phép nối và thành phần biệt lập tình thái.)

**GỢI Ý:**

1.- Tác phẩm “Làng”

- Tác giả : Kim Lân

- Hoàn cảnh sáng tác : 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.( 0,5đ)

2) Đối thoại

3) - Ngôi kể thứ 3

- Tác dụng : Cách trần thuật linh hoạt, tự nhiên.Người kể chuyện đứng ở ngoài quan sát, có mặt ở khắp mọi nơi có thể hiểu được sâu sắc diễn biến tâm trạng của nhân vật.

4) Tình huống:

- Ông Hai tình cờ nghe tin làng mình ( làng Chợ Dầu) là việt gian theo Tây .

Đây là 1 tình huống thắt nút câu chuyện (một tình huống đặc sắc,gay cấn nhất). Tình huống này có ý nghĩa thử thách lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai - một người nông dân thời kì kháng chiến.

- Ông Hai nghe tin làng mình được cải chính :

Đây là tình huống mở nút câu chuyện. Tình huống này có ý nghĩa khẳng định Ông Hai và dân làng Chợ Dầu thủy chung với cách mạng, với cụ Hồ, với đất nước...

5) Viết đoạn : Đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hình thức : Đúng kiểu đoạn, đủ số câu đủ các yêu cầu của đoạn

- Nội dung cần có các ý

+ Khi nghe tin làng theo Tây, ông sững sờ, ngạc nhiên, bất ngờ, ngượng ngùng, xấu hổ, cay đắng, nghẹn giọng đến không thở được,...

+ Ông cố giấu nỗi đau đớn, nhục nhã, thất vọng, ê chề,...

+ Nghi ngờ, hỏi lại...

Nghệ thuật kể chuyện

**ĐỀ 11: Dưới đây là một đoạn văn miêu tả về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân :**

*Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư ? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu …*

*(Ngữ Văn 9 tập 1- Nhà xuất bản Giáo dục 2015)*

1.Vì sao khi “ nhìn lũ con”, “ nước mắt” của ông Hai lại “cứ giàn ra”?

2.Đoạn văn trên được nói đến trong hoàn cảnh nào ? Nó giúp em hiểu gì về nhân vật ông Hai?

3.Ngôn ngữ chủ yếu để miêu tả nhân vật ông Hai ở đoạn trích trên thuộc hình thức ngôn ngữ đối thoại, độc thoại hay độc thoại nội tâm? Việc sử dụng hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng gì?

4.Kể tên hai văn bản khác nhau trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có sử dụng hình thức ngôn ngữ như vậy.

**GỢI Ý:**

1. Khi “ nhìn lũ con”, “ nước mắt” của ông Hai lại “cứ giàn ra”?

Vì : - Ông thấy thương và lo cho các con

- Ông thấy tủi nhục, cay đắng

2. Đoạn văn trên được nói đến trong hoàn cảnh : sau khi ông Hai tình cờ nghe tin làng Chợ Dầu của ông làm Việt gian theo giặc.

- Điều đó giúp em hiểu về nhân vật ông Hai:

+ Yêu làng, yêu nước

+ Căm thù giặc, căm thù người theo Tây

+ Trọng danh dự, thương con

3. Ngôn ngữ chủ yếu để miêu tả nhân vật ông Hai ở đoạn trích trên thuộc hình thức ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

- Việc sử dụng hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng :

+ Tạo nên thành công trong việc miêu tả nội tâm nhân vật : dằn vặt, đau khổ, cay đắng, căm tức

+ Hoàn thiện thêm suy nghĩ tính cách của nhân vật

+ Tạo nên sự mâu thuẫn giằng xé trong tâm can ông, nội dung cốt truyện thêm sâu sắc, hấp dẫn người đọc.

4. Kể tên hai văn bản khác nhau trong chương trình Ngữ văn 9 cũng có sử dụng hình thức ngôn ngữ như vậy:

*Lặng lẽ Sa Pa*

*Những ngôi sao xa xôi*

**16. LẶNG LẼ SAPA**

**ĐỀ 1:** Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

“ *Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi bẵng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bặt, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:*

*- Cái gì thế ?*

*Bác lái xe xướng to:*

*- Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.*

*Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, người lái xe quay sang nhà họa sĩ nói vội vã:*

*- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.*”

                                            (Ngữ văn 9, tập I)

**Câu hỏi**

a) Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

b) Nhân vật được giới thiệu là "*người cô độc nhất thế gian*" trong tác phẩm đó là nhân vật nào? Vì sao nhân vật đó lại được giới thiệu là "*cô độc nhất thế gian*"?

c) Các lời thoại của bác lái xe trong đoạn trích là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

d) Trong câu “*Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng*.”, từ “*đầu”* nào dùng theo nghĩa gốc và từ “*đầu*” nào dùng theo nghĩa chuyển?

**GỢI Ý:**

a. - Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa"

- Tác giả Nguyễn Thành Long

b. - Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật Anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu .

- Sở dĩ anh được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" bởi: anh sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cây cối và mây mù bao phủ, đã bốn năm anh chưa về nhà, anh "thèm người" đến nỗi có lần phải chặt cây chắn đường chặn xe mong gặp người để trò chuyện.

c.- Các lời thoại của nhân vật Bác lái xe trong đoạn văn trên là lời dẫn trực tiếp

d. - Từ "đầu" trong cụm từ "cao quá đầu" là từ nghĩa gốc

- Từ "đầu" trrong cụm từ  "nhô cái đầu màu hoa cà" là từ ngữ nghĩa chuyển

**ĐỀ 2: Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi.(….). Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu(…) Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm: bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được”.*

*(Ngữ văn 9, tập I )*

**Câu hỏi**

Câu 1: Nêu ngắn gọn công việc của anh thanh niên? Nhận xét về công việc của anh.

Câu 2: Xét về cấu tạo, các câu văn *“Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi.”* Trong đoạn trích trên thuộc kiểu câu gì? Tại sao tác giả lại sử dụng kiểu câu đó?

**Câu** 3 Biện pháp tu từ chính nào được thể hiện trong các câu văn sau:*"Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy."*Tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

Câu 4: Qua đoạn trích trên, kết hợp với kiến thức về tác phẩm, hãy viết bài văn nghị luận ngắn về tinh thần tự giác của con người.

**Gợi ý:**

**1.** - Công việc : Làm công tác khí tg thủy văn kiêm vật lý địa cầu- một công việc thầm lặng nhưng đòi hỏi sự kiên trì, tính chính xác và kỉ luật cao. => Anh rất yêu nghề, sống có lý tưởng.

2. c1 : câu đặc biệt. C2 câu rút gọn chủ ngữ.

3. **- Biện pháp tu từ so sánh:** *“ gió giống như những nhát chổi muốn quét đi tất cả.*.  
**- Biện pháp nhân hóa**: “ *.... nó như bị chặt ra từng khúc*...”   
- **Tác dụng**: Khắc họa sâu sắc sự vất vả, cô đơn của anh thanh niên trong công việc.

4. MB : Tinh thần tự giác là khả năng vượt qua rào cản cảm xúc để bắt tay hành động ngay lập tức dựa trên suy nghĩ của mình.

Tưởng tượng như có một ngày bạn nghĩ trong đầu: “Dạo này mình hơi tròn do lười vận động và ăn uống hơi quá đà. Đã đến lúc cần phải giảm 5 ký thôi!” Nếu bạn không có tinh thần tự giác lên kế hoạch và tập luyện nghiêm túc để có một thân hình như mong muốn, suy nghĩ đó cứ luẩn quẩn lúc ẩn lúc hiện trong đầu bạn. Tinh thần tự giác như một liều thuốc hữu ích giúp bạn vượt qua những căn bệnh như chần chừ, ngại khó, lười biếng,… Tinh thần tự giác còn là người bạn đồng hành không thể thiếu trên con đường bạn theo đuổi đam mê và mục tiêu của bản thân. Còn chần chừ gì nữa, bạn hãy tìm kiếm người bạn này trước khi bắt tay vào hành trình đi tìm ước mơ nhé!

Thân bài: Thói quen hay bẩm sinh?

Tinh thần tự giác cũng như những cơ bắp có được từ sự rèn luyện thể chất bền bỉ. Nói một cách khác, tinh thần tự giác cao hay thấp cũng xuất phát từ công sức mỗi người bỏ ra tập luyện mỗi ngày.

Bí quyết xây dựng tinh thần tự giác có thể học hỏi từ phương pháp tập tạ nghiêm khắc để hình thành cơ bắp. Điểm khởi đầu sẽ là nâng một cái tạ trong giới hạn khả năng bản thân. Bạn sử dụng sức lực nâng lên cho đến lúc cơ của bạn mỏi, bạn sẽ hạ xuống. Như vậy, tinh thần tự giác được xây dựng từ việc đối mặt với một số thử thách nhỏ nằm trong giới hạn cho phép của bản thân. Tất nhiên, điều đó không có nghĩa chúng ta sẽ bị thu hẹp mãi trong một khuôn khổ nhất định. Cũng như việc tập tạ, bạn sẽ không tăng thêm sức mạnh nếu cứ nâng mãi một khối lượng nhẹ nhàng cố định, hay sẽ nản lòng sớm khi cố gắng quá sức mình. Quá trình rèn luyện bền bỉ đòi hỏi thời gian, lòng kiên trì, không ngừng thử thách bản thân sau mỗi lần thành công. Một điều quan trọng không kém là bạn cảm thấy thoải mái chấp nhận khả năng hiện tại của mình đang ở đâu và không ngại hàng ngày nỗ lực làm từng chút để đạt mục tiêu.

Như vậy, nhìn một cách tích cực hơn, tinh thần tự giác cũng là một thói quen cần được mài dũa lâu dài. Chúng ta càng dành nhiều thời gian và tâm sức rèn luyện từ những mục tiêu nhỏ, ý thức chúng ta càng phát triển lớn mạnh.

Từ bỏ sự hoàn hảo

Sự hoàn hảo là kẻ thù của ý thức tự giác. Nếu bạn tìm kiếm sự hoàn hảo, bạn sẽ không bao giờ thực hiện được những gì cần làm để tiến tới thành công. Đòi hỏi mỗi việc phải thật hoàn hảo thì rất khó để bắt đầu bắt tay vào làm.

Tôi có một kinh nghiệm nhỏ thế này. Một ngày, tôi lên kế hoạch là phải cố gắng đọc xong một số chương trong các quyển sách trên bàn ngay lập tức. Tuy nhiên, nếu không hoàn thành, tôi sẽ dẹp bớt đống sách qua một bên hay điều chỉnh lại mục tiêu ngày để không bị ngán ngẩm. Nghe có vẻ như lời biện minh cho sự lười biếng, nhưng tôi cảm thấy tinh thần ít bị dễ nản hơn là để mục tiêu không hoàn thành mà giấy tờ lúc nào cũng chất đống.

Không so sánh với người khác

Bạn đừng nên so sánh mình với người khác mà tự hủy hoại tinh thần bản thân. Nếu không xuất phát từ việc noi gương người khác để phấn đấu, sự so sánh sẽ “giúp” bạn tìm ra những gì bạn đang muốn thuyết phục suy nghĩ của mình theo chiều hướng tiêu cực. Nếu bạn nghĩ mình yếu, người khác sẽ dường như mạnh mẽ hơn. Nếu bạn nghĩ bạn mạnh mẽ, người khác có vẻ như yếu đuối hơn. Vì thế, sẽ không có lúc nào là tốt nhất để có sự tin tưởng vào bản thân có thể vượt khó, hay tinh thần không ngừng phấn đấu cải thiện hơn nữa. Thật là một sự hao phíthời gian và năng lượng! Bạn hãy dành chúng cho thói quen luyện tập để tiến bộ hơn bản thân mình lúc trước và tự nhủ rằng bạn có thể vượt qua được chính mình, bạn nhé!.

Kết bài: Không có thành công nào là không trải qua thử thách. Bạn hãy hình dung khoảng khắc bạn gặt hái được những thành quả mình mong đợi, cảm nhận của bạn lúc đó, niềm vui khi bạn chia sẻ thành công với bạn bè và người thân…

**ĐỀ 3:** **Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*"Phải, người họa sĩ già vừa nói chuyện, tay vừa hí hoáy vào cuốn sổ tì lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời.* ***Ông thấy ngòi bút của ông bất lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được “đề cao” lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống****. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phác họa như ông làm đây, hay rồi vẽ dầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách."*

( Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sapa)

**Câu hỏi**

Câu 1: đoạn trích trên nói về ai? Trong đoạn trích trên chủ yếu sử dụng kiểu ngôn ngữ nào?

Câu 2: Ghi lại 1 câu văn trong đoạn trích có thành phần biệt lập và cho biết đó là thành phần biệt lập nào?

Câu 3: Bộ phận in đậm trong câu văn “*Ông thấy …cuộc sống*” sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

Câu 4: Trình bày cảm nhận của em về nhân vật người họa sĩ già trong đoạn trích trên bằng 01 đoạn văn diễn dịch (khoảng 10 dòng).

**Gợi ý:**

1. đoạn trích trên nói về ông họa sĩ. Đoạn trích chủ yếu sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

2. “*Chao ôi ta bắt gặp…..chặng đường dài*”. TPBL *chao ôi*- TPCT.

3**.** sd biện pháp so sánh.

Td: cho thấy tầm quan trọng của ngòi bút người họa sĩ già trong việc tạo nên sự sống đích thực của cđ ông.

4. Ông có những suy nghĩ rất đẹp về nghệ thuật và con người:

- Ông là một người nghệ sĩ chân chính luôn khao khát nghệ thuật, khát khao sáng tác. Luôn tìm kiếm vẻ đẹp trong cuộc sống để đưa vào nghệ thuật.

- Ông luôn trăn trở phải vẽ được cái gì mà suốt đời mình thích.

- Ông là người nghệ sĩ nhiều kinh nghiệm và óc quan sát tinh tế: (căn phòng, vườn hoa và chân dung anh thanh niên đều được miêu tả qua lăng kính của người họa sĩ).

**ĐỀ 4:** Cho đoạn trích sau :

*. . ."Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách* . *.* .”

Câu 1 Những câu văn trên được rút ra từ tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm ấy? Nhà văn trần thuật câu chuyện theo điểm nhìn của nhân vật nào? Cách trần thuật đó góp phần như thế nào để tạo nên sự thành công của truyện?

Câu 2. Xác định một thành phần biệt lập và một phép liên kết câu trong đoạn trích đó.

Câu 3. Từ nội dung đoạn trích trên đây, em hãy nhận xét, đánh giá về nhân vật *ông* bằng 3 câu văn.

**GỢI Ý**

|  |
| --- |
| *Câu* 1*:* HS nêu đúng |
| - Tên tác phẩm: "Lặng lẽ Sa Pa" - Tác giả: Nguyễn Thành Long |
| - Hoàn cảnh sáng tác: Sau chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả; khi đó miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH, xây dựng cuộc sống mới, là hậu phương lớn cho miền Nam chống M cứu nước. |
| Nhà văn trần thuật câu chuyện theo điểm nhìn của nhân vật ông hoạ sĩ |
| Tác dụng: *+* Chân dung nhân vật chính là anh thanh niên được hiên dần lên một cách khách quan, chân thực, có chiều sâu tư tưởng, nổi bật chất trữ tình qua sự cảm nhận tinh tế của một con người từng trải, có con mắt nghệ thuật. |
| *+* Có thể chủ động điều chỉnh nhịp kể (hoặc có thể kể một cách linh hoạt), xen vào nội dung kể những dòng suy nghĩ bình luận, cảm xúc để câu chuyện có chiều sâu tư tưởng, góp phần làm rõ chủ đề câu chuyện: Ca ngợi những con người lao động âm thầm lặng lẽ, cống hiến hết sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. |
| *Câu 2;* Thành phần biệt lập cảm thán: *Chao ôi* |
| Phép liên kết nối: *Mặc dù vậy* |
| *Câu 3:* HS diễn đạt bằng một vài câu văn đúng ngữ pháp, với nội dung nhận xét đánh giá: ông hoạ sĩ là người khao khát, quyết tâm tìm đối tượng cái đẹp của nghệ thuật hội hoạ trong cuộc sống con người |

**ĐỀ 5: Đọc đoạn trích sau:**

Họa sĩ nghĩ thầm*: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kĩ sư chỉ “ồ” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong,… ngay lúc dưới chân kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mát e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên nhứ với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.*

*(Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, SGK* Ngữ văn 9)

**Câu 1:**Cô họa sĩ trong đoạn văn trên giữ vai trò như thế nào trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*?

**Câu 2:**Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm?

**Câu 3:**Đoạn văn trên giúp em hiểu gì về nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính trong truyện?

**Câu 4**.Vì sao ông họa sĩ rất bất ngờ, ngạc nhiên?

**Câu 5:**Ứng xử của anh thanh niên trong đoạn văn trên đã để lại ấn tượng tốt đẹp. Từ nhận xét đó, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách ứng xử đối với mọi người trong cuộc sống bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

**GỢI Ý**  
**Câu 1:**

- Góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện

- Làm nổi bật vẻ đẹp của anh thanh niên

- Cô cũng là một đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của thanh niên thế hệ lúc bấy giờ

**Câu 2:***“Lặng lẽ Sa Pa”*: Đảo ngữ ⟶ Gợi:

+ Khung cảnh êm đềm, thanh tĩnh của miền đất Sa Pa.

+ Ẩn dụ: Vẻ đẹp của con người và cuộc sống Sa Pa. (Cuộc sống thanh bình, con người khiêm nhường). Những vẻ đẹp ấy tiềm ẩn, lắng xuống chiều sâu chứ không khoa trương, ồn ã.

**Câu 3:**Anh thanh niên là một người có tinh thần trách nhiệm trong cuộc việc; là người gọn gàng, biết thu xếp cuộc sống, là người lạc quan, yêu đời.

**Câu 4**: Ông họa sĩ bất ngờ vì:  
-Cách nhìn nhận đánh giá về anh thanh niên của ông họa sĩ có sự thay đổi: từ chưa hiểu đến hiểu và cảm phục. Lúc đầu, ông chưa gặp, chưa hiểu về anh thanh niên. Sau đó ông được chứng kiến, được nghe và cảm nhận về anh.  
-Anh còn trẻ, sống một mình nhưng rất gọn gàng, ngăn nắp, khoa học

**Câu 5:**

**1. Giới thiệu vấn đề**

**2. Giải thích vấn đề**

Ứng xử: cách cư xử, giao tiếp, trò chuyện, trao đổi với nhau bằng những hành động rất đời thường hằng ngày. Tuy nhiên đối phương có thể nhìn vào đó để đánh giá được con người bạn như thế nào.

⟹ Chúng ta cần cư xử có văn hóa, lịch thiệp với những người xung quanh.

**3. Bàn luận vấn đề**

- Vì sao cần cư xử có văn hóa?

+ Tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, hài hòa với mọi người

+ Đánh giá được bản thân mỗi người….

- Những người ứng xử có văn hóa luôn được mọi người yêu quý, tôn trọng.

- Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những người ứng xử thiếu văn hóa, nói tục, chửi bậy,…

- Liên hệ bản thân

**ĐỀ 6: Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

- *Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu nghĩ ngay ngôi sao lẻ loi kia một mình. Bây giờ làm nghề này cháy không nghĩ như vậy nữa. Và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được. Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đ, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai chả “thèm” ở bác? Minh sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.*

(Trích Ngữ văn 9,  tập một, NXB Giáo dục)

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Lời nói đó được nói trong hoàn cảnh nào. Hình thức ngôn ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích? Dấu hiệu giúp em nhận ra điều ấy?

**Câu 2:**Đọc đoạn trích trên em thấy nhận vật cháu có những phẩm chất gì?

**Câu 3.**Câu văn: *“Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc*” giúp em hiểu gì về nhân vật trong truyện?

**Câu 4:**Từ phẩm chất của nhân vật cháu trong đoạn trích trên và những hiểu biết về thực tế cuộc sống, em hãy trình bày suy nghĩ về nhiệt huyết của thế hệ trẻ Việt Nam đối với con người và cuộc đời trong giai đọa hiện nay trong khoảng 2/3 trang giấy thi.

**GỢI Ý:**  
**Câu 1.**

- Lời của anh thanh niên nói với bác họa sĩ

- Hoàn cảnh: cuộc trò chuyện của anh thanh niên với bác họa sĩ khi bác lên thăm nhà của anh trên đỉnh Yên Sơn

- Hình thức ngôn ngữ: Đối thoại

- Dấu hiệu: Bắt đầu bằng gạch đầu dòng, báo hiệu lời nói đối thoại trong cuộc giao tiếp.

- Tên nhân vật: anh thanh niên

- Hình thức ngôn ngữ: đối thọai

- Dấu hiệu: dấu gạch đầu dòng đánh dấu lời nói trực tiếp

**Câu 2.** Phẩm chất của anh thanh niên:

- Có quan niệm đúng đắn về công việc: ta với việc là một đôi, không thấy cô đơn, lẻ loi.

- Anh không lẻ loi, đơn độc mà tìm thấy những người bạn đồng hành trên con đường mình đã chọn: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ địa chất lập bản đồ sét

- Yêu công việc của mình

- Lối sống đẹp, có tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 3: Anh thanh niên là người: Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: “…mình vì ai mà làm việc”. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa.  
**Câu 4.** Bài văn cần đảm bảo một số nội dung sau:

- Nhiệt huyết là lòng đam mê, hăng say khi thực hiện một công việc nào đó ⟹ Lòng nhiệt huyết là yếu tố cần thiết để giúp chúng ta thành công đặc biệt là thế hệ trẻ

- Ý nghĩa của lòng nhiệt huyết:

+ Động lực thôi thúc ta không ngừng cố gắng.

+ Là động lực giúp ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách

+ Giúp ta vươn đến thành công

+ Thúc đẩy xã hội phát triển….

- Dẫn chứng

- Mở rộng:

+ Bên cạnh đó vẫn còn những kẻ sống hợi hợt không có mục tiêu, không có nhiệt huyết phấn đấu

+ Những kẻ như vậy dễ dàng thất bại, và là một trong những yếu tố khiến xã hội thụt lùi

- Liên hệ bản thân

**ĐỀ 7: Cho đoạn trích sau:**“*Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nói vội vã:  
- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.”*(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam )  
**Câu hỏi:**

1. Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Do ai sáng tác? Xác định ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích trên?  
2. Trong tác phẩm, tác giả để nhân vật bác lái xe giới thiệu anh thanh niên là “người cô độc nhất thế gian”. Mục đích của tác giả là gì? Em có đồng ý với ý kiến đó của bác lái xe không? Nếu được sửa lại em sẽ thay từ “cô độc” bằng từ nào?  
3: Đoạn trích trên đã nêu lên tình huống truyện của tác phẩm. Hãy cho biết đó là tình huống gì?

4. Trong khi được trò chuyện với “*một trong những người cô độc nhất thế gian* ,”, họa sĩ thầm nghĩ : “*Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa. Sa Pa , nơi mà nhắc đến tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo lắng cho đất nước”.*Coi câu văn được in nghiêng là câu chủ đề, em hãy viết tiếp khoảng 12 câu thành một đoạn văn trình bày theo cách tổng – phân – hợp , trong đó có sử dụng câu phủ định và một câu ghép (gạch chân, chú thích rõ).

**GỢI Ý:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc văn bản “[Lặng lẽ Sa Pa](https://doctailieu.com/lang-le-sa-pa-c4687)” của tác giả Nguyễn Thành Long. Ngôi thứ 3:

**Câu 2.** đoạn trích nêu tình huống: cuộc gặp gỡ tình cờ giữa bác họa sĩ, cô kĩ sư và Anh thanh niên.

Câu 3. Lời nhận xét của bác lái xe về anh thanh niên “ một trong những người cô độc nhất thế gian” chỉ gợi sự tò mò cho người đọc chứ không phải là lời nhận xét đúng về anh bởi: cô độc là sống một mình, tách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Anh thanh niên sống một mình trên đỉnh núi cao nhưng anh vẫn có sợi dây liên hệ với cuộc sống: anh nhờ bác lái xe mua sách, anh chặn xe khách để được gặp gỡ, trò chuyện với mọi ngươi, anh biết trồng hoa, nuôi gà, đọc sách,… để làm vui cho cuộc sống của mình.

- Mục đích tạo ấn tượng cho người đọc, giới thiệu cuộc sống đặc biệt của anh thanh niên, cũng cho thấy bác lái xe rất hiểu và thông cảm với anh thanh niên.  
- “Cô độc” là chỉ có một mình, tách khỏi mọi liên hệ với mọi người xung quanh. Anh thanh niên sống một mình trên núi cao, nhưng anh vẫn có mối liên hệ với xung quanh...anh không tách biệt với mọi người, với cuộc sống lao động và chiến đấu của đất nước, sống hăm hở, nhiệt tình, ý nghĩa. Do đó, việc tác giả để bác lái xe giới thiệu về anh thanh niên như vậy là có dụng ý.   
Câu 4. Đoạn văn cần làm nổi bật ý cơ bản sau:  
- Anh thanh niên:  
+ Hoàn cảnh sống: cô đơn, vắng vẻ. Công việc gian khổ, đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và tinh thần trách nhiệm cao.  
+ Có tinh thần trách nhiệm với công việc ( nửa đêm, đúng giờ “ốp” thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng thức dậy ra ngoài trời làm công việc quy định).  
+ Có lí tưởng sống cao đẹp, có những quan niệm rất sâu sắc về cuộc sống” “Mình sinh ra làm gì? Mình đẻ ở đâu? Mình vì ai mà làm việc?”  
+ Rất yêu nghề và có suy nghĩ đúng đắn về công việc: coi công việc là một người bạn, hạnh phúc khi biết mình đã góp phần vào chiến thắng của quân ta trong việc hạ được nhiều phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng….  
- Ông kĩ sư vườn rau: Hàng ngày ngồi trong vườn quan sát cách lấy phấn hoa của ong rồi tự tay thụ phấn cho hàng vạn cây su hào để hạt giống làm ra tốt hơn, để su hào trên toàn miền Bắc to hơn và ngọt hơn trước.  
- Anh cán bộ nghiên cứu sét: Mười một năm không một ngày xa cơ quan, quên cả việc lập gia đình riêng, luôn trong tư thế túc trực chờ sét để lập bản đồ tìm tài nguyên cho đất nước.  
- Họ tạo thành thế giới những con người miệt mài lao động, lặng lẽ mà khẩn trương vì lợi ích của đất nước, vì cuộc sống của con người.

**ĐỀ 8: Cho đoạn văn sau:**

“-*Gian khổ nhất là lần ghi vào báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay ra tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vấn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vươn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung.”*

Câu 1: Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Nêu tên tác giả.

Câu 2:Xác định đoạn văn là lời của nhân vật nào? Nhận xét về công việc của nhân vật (tìm những chi tiết trong đoạn văn để chứng minh).

Câu 3: Những lời tâm sự đó giúp em hiểu gì về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật? Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích, hoàn cảnh sống của nhân vật còn có điều gì đặc biệt?

Câu 4: Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy cho biết: Trong hoàn cảnh ấy, điều gì đã giúp nhân vật trên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ?

**GỢI Ý:**

1. Đoạn văn trên trích từ tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa, tác giả Nguyễn Thành Long

2. Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện *Lặng lẽ Sa Pa*của Nguyễn Thành Long kể về công việc làm của mình cho ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba mươi phút.

3. Lời kể ấy được nói ra trong tình huống mọi người đang lên thăm nơi ở và làm việc của anh thanh niên trên đỉnh Yên Sơn cao hai ngàn sáu trăm mét trong thời gian ba mươi phút.

– Những lời tâm sự cho thấy:

   + Nhân vật anh thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm bạn với cỏ cây và mây núi ở Sa Pa.

   + Công việc của anh là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, chiến đấu. Công việc của anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt.

– Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt: anh sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh.

5. Trong hoàn cảnh sống và làm việc đặc biệt ấy, điều đã giúp nhân vật anh thanh niên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ là:

– Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về ý nghĩa công việc của mình đối với cuộc sống con người. Anh rất yêu nghề và tìm được niềm vui trong công việc. Anh đã thấy mình “thật hạnh phúc” khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng.

– Anh còn biết tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động: nuôi gà, trồng hoa, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc.

ĐỀ 9: Đọc đoạn văn, thực hiện các yêu cầu sau:

*Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:*

*- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.*

*- Quê anh ở đâu thế ? - Hoạ sĩ hỏi.*

*Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hoá lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: Bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: Nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc "Thế là một - hoà nhé !". Chưa hoà đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ơ, bác vẽ cháu đây ư ? Không, không, đừng vẽ cháu ! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.*

(Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ [Sa Pa](https://vndoc.com/soan-bai-lop-9-lang-le-sa-pa/download) Theo [Ngữ văn 9](https://vndoc.com/ngu-van-lop-9), tập 1, NXB Giáo dục, 2005, trang 185)

a) Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn,

b) Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu văn sau: *Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không*.

c) Qua đoạn văn, theo em có thể giải thích vì sao anh thanh niên lại từ chối "Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác về hơn.”

d) Viết đoạn văn nghị luận (không quá 5 câu) trình bày cảm nhận của em về đoạn văn trên.

GỢI Ý :

a. Phương thức biểu đạt chính: tự sự

b. "Năm trước": Trạng ngữ chỉ thời gian; "cháu (chủ ngữ) tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy hóa lại không" (vị ngữ);

c. Anh thanh niên từ chối *Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn*... vì nghĩ công lao của mình nhỏ bé hơn những người đồng chí khác, mình không phải là đối tượng để được khắc họa chân dung ngợi ca. Qua đó thấy được tính cách khiêm tốn, thành thực của anh.

d. Viết đoạn văn (không quá 5 câu). Đoạn vẫn đảm bảo các ý chính sau:

- Anh thanh niên thân thiện với mọi người, nói chuyện tự nhiên, cởi mở.

- Tâm hồn phong phú, thể hiện ở việc đọc sách.

- Khiêm tốn, thành thực: Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung của anh, anh từ chối bởi thấy công việc và những đóng góp của mình còn nhỏ bé.

- Khát vọng cống hiến cho đất nước: thể hiện ở việc anh và bố cùng xin ra trận, tình cảm cha con càng sâu sắc hơn khi cùng thực hiện lí tưởng.

**17. CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**ĐỀ 1:** Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

***Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh***. *Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như đứa trẻ được quà.*

a. Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?

b. Nhân vật *tôi* và *anh* được nói đến trong đoạn trích là ai?

c. Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn in đậm và cho biết đó là kiểu câu gì xét về mặt cấu tạo ngữ pháp?

d. Câu văn *Mặt anh hớn hở như đứa trẻ được quà* diễn tả điều gì? Dựa vào những hiểu biết của em về tác phẩm, hãy lí giải vì sao *mặt anh hớn hở* như vậy?

e. Tình cảm của ông Sáu với con đã được thể hiện phần nào trong chuyến về phép thăm nhà, nhưng biểu hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu ở trong rừng tại khu căn cứ.

**Gợi ý:**

a.Đoạn trích trong tác phẩm *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

b.Nhân vật *tôi* là bác Ba và *anh* là ông Sáu.

c.- Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu văn in đậm:

***Tôi / hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa***

C1 V1 *phụ chú*

***rừng, giọt mưa / còn đọng trên lá, rừng / sáng lấp lánh***.

C2 V2 C3 V3 - Câu ghép.

d- Câu văn "*Mặt anh hớn hở như đứa trẻ được quà"* diễn tả niềm vui của ông Sáu.

- Ông Sáu vui như vậy vì trước khi ông Sáu trở lại chiến trường, bé Thu đã dặn ông trong tiếng khóc: *Ba về ba mua cho con cây lược nghe ba*. Nhặt được khúc ngà, ông Sáu sẽ tự tay làm cho con cây lược bằng cả tình yêu thương và niềm mong nhớ con.

e. - Trước hết là nỗi nhớ thương xen lẫn sự day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày vì ông đã đánh con khi nóng giận. Ông Sáu đúng là một người cha hiền lành, nhân hậu, biết nâng niu tình cảm cha con. Mang lời hẹn ước của con gái ra đi : “Ba về, ba mua cho con một cây lược ngà nghe ba!” đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Ông quả là một người cha chiều con và luôn biết giữ lời hứa với con, đó là biểu hiện tình cảm trong sáng và rất sâu nặng

- Kiếm được khúc ngà, anh vui sướng như đứa trẻ được quà, rồi để hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược, cưa răng, chuốt bóng, khắc chữ... tỉ mỉ, cần mẫn, công phu. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong cuộc đời. Cho nên nó không chỉ là chiếc lược xinh xắn và quý giá mà đó là chiếc lược kết tụ tất cả tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao! Cây lược ngà ấy chưa trải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng ông. Nó trở thành vật thiêng, an ủi ông, nuôi dưỡng trong ông tình cha con và sức mạnh chiến đấu. Hằng đêm, ông đã nhìn ngắm chiếc lược, cố mài lên mái tóc, cho chiếc lược thêm bóng, thêm mượt. Tác giả không miêu tả rõ song người đọc vẫn hình dung cái kỉ vật nhỏ bé mà thân thương ấy, mỗi ngày một đẹp lên, trắng ngà, toả sáng lung linh. Đó là biểu tượng trắng trong, quý giá, bất diệt của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu. Chiếc lược nhỏ bé mà thiêng liêng đã làm dịu nỗi ân hận và ánh lên niềm hi vọng khắc khoải sẽ có ngày anh Sáu được gặp lại con, trao tận tay nó món quà kỉ niệm này.

**ĐỀ 2: Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng):**

*Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*

*- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?”*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2013)

1. Chiếc lược ngà được viết năm nào? Ghi lại từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích.

2. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” đã sáng tạo được tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí. Đó là tình huống nào ? Tình huống ấy đã thể hiện tâm trạng của người cha và đứa con như thế nào ?

3. Những biểu hiện của nhân vật bé Thu ở trên nói lên thái độ gì và qua đó bộc lộ tình cảm như thế nào đối với nhân vật ông Sáu? Lời kể được in nghiêng trong đoạn trích trên giúp em nhận biết mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn sau đó là gì?

4. Viết một đoạn văn ( khoảng 15 câu) theo cách lập luận quy nạp làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với cha trong truyện ngắn trên, ở đó sử dụng câu có thành phần biệt lập và phép lặp để liên kết ( gạch dưới phần biệt lập và từ ngữ dùng làm phép lặp).

5. Kể tên một Từ cảnh ngộ của người cha trong hai tác phẩm, em có suy ngẫm gì (không quá 5 dòng) về chiến tranh.

**GỢI Ý**

1. Tác phẩm “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966

Những từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích trên: Chén, xoi

2. - Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau 8 năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha. Đến lúc em nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi

- Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con, nhưng chiếc lược chưa gửi đến tay con thì ông Sáu đã hi sinh.

Tình huống thứ nhất là tình huống cơ bản. Và nếu tình huống này bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai bộc lộ tình cảm sâu sắc của người cha đối với đứa con.

3- Thái độ phản ứng quyết liệt, không chấp nhận ông Sáu là cha đẻ của mình. Điều này chứng tỏ bé Thu có cá tính mạnh mẽ, tình cảm chân thật. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đúng là cha mình ( em thấy ông Sáu không giống tấm hình chụp chung với má). Tình yêu của bé Thu sâu sắc, đầy bản lĩnh.

- Mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn là bộc lộ cảm xúc bực tức của ông Sáu khi thấy bé Thu có hành động phản ứng quyết liệt trước sự chăm sóc của ông đối với bé. Đằng sau câu nói đó, người đọc thấy được sự khát khao của người cha mong đứa con chấp nhận mình là cha của nó.

4. \* Học sinh đảm bảo thực hiện một số yêu cầu sau:

-Về nội dung: Học sinh có thể tham khảo mạch ý sau để làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với người cha trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”:

\* Khi ông Sáu về đến nhà:

- Bé đang chơi ở nhà chòi, thấy người đàn ông có vết thẹo dài bên má phải đỏ ửng, giật giật trông rất sợ, bé đã “ giật mình, tròn mắt, ngơ ngác nhìn” một cách ngờ vực. Rồi bé mặt tái đi, vụt chạy, kêu thét lên. Điều này cho thấy, bé chưa chuẩn bị tâm lý từ trước rằng ba của bé sẽ về thăm nhà.

\*Trong ba ngày ở nhà:

Ông Sáu luôn gần gũi, khao khát bé Thu gọi mình một tiếng “Ba”, song bé Thu đã có những hành động phản ứng ông một cách ương ngạnh, bướng bỉnh:

- Nói trổng ( nói trống không) “ vô ăn cơm”, “ “ cơm chín rồi”, “ cơm sôi rồi”, chắt nước giùm cái!” để tránh dùng từ “ Ba” vì từ “Ba” đối với bé rất thiêng liêng.

- Hành động “ hất cái trứng cá to vàng” ông sáu gắp vào chén cho nó và khi ông Sáu không kiềm chế được, đã đánh bé thì bé đã “ gắp lại trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm”, bỏ về bà ngoại. Khi nhảy xuống xuồng, nó cố làm cho “ dây lòi tói kêu rổn rảng” để thể hiện phản ứng quyết liệt với ông Sáu.

\* Những chi tiết trên cho thấy, sự ương ngạnh, bướng bỉnh của bé Thu trong hoàn cảnh chiến tranh xa cách, trắc trở không đáng trách. Bạn đọc thông cảm với bé vì em còn quá nhỏ, chưa hiểu được thời gian năm tháng, sự khốc liệt của chiến tranh sẽ làm ngoại hình con người có thể biến dạng đi không giống tấm hình chụp thời trẻ của ông sáu. Hơn nữa, bé Thu chỉ biết mặt ba qua tấm hình chụp chung với má. Bé cũng chưa chuẩn bị tâm lý gặp lại ba khi ba của bé về nhà trước khi nhận nhiệm vụ mới.

\* Thu nhận ra ông Sáu là người cha của mình ( trọng tâm)

- Buổi sáng cuối cùng trước phút ông Sáu lên đường, thái độ, hành động của Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn vì bé được bà ngoại giải thích vết thẹo trên má phải ông Sáu là do bị Tây bắn. Nó đã nằm im nghe bà kể, lăn lộn và thỉnh thoảng thở dài như người lớn. Điều này cho thấy, bé ân hận, hối tiếc.

- Lúc chia tay với ông Sáu: Đôi mắt mở to mênh mông của bé nhìn với vẻ “ nghĩ ngợi sâu xa” và khi ông Sáu khẽ chào bé “ Thôi, ba đi nghe con!” thì bé đã kêu thét lên “ Ba..a...a...ba!”

\* Tiếng “Ba” mà bé khao khát được gọi đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung ra từ đáy lòng nó. Tiếng kêu “ ba” xé tan cả không gian im lặng, xé ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đây là tiếng gọi “ ba” đầu tiên và cũng là cuối cùng của cuộc đời bé Thu vì sau đó ông Sáu đã hy sinh.

Hành động:

- Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba, vừa nói trong tiếng khóc, không cho ba đi.

- Nó “hôn tóc, hôn cổ, hôn vai” vì muốn cảm nhận hết tình cảm của người cha mà nó khao khát bao năm nay. Đặc biệt, “nó hôn cả vết thẹo dài bên má của ba” mà nó rất sợ vì nó muốn chuộc lại lỗi lầm trong ba ngày đã có hành động, thái độ không phải với ông Sáu. Hiểu được nguyên nhân của vết thẹo dài, bé Thu càng yêu thương và tự hào vì ba của bé là một chiến sĩ cách mạng.

\* Chiến tranh qua hình ảnh “ vết thẹo dài” đã không những không chia cắt được tình cảm cha con của người chiến sĩ cách mạng mà còn làm cho tình cảm đó trở nên sâu sắc, mãnh liệt hơn.

- Được bà và mẹ giải thích rằng ba đi, thống nhất đất nước, ba sẽ về Thu đã để cho ba đi và dặn ba về sẽ mua cho bé một cây lược. Điều này cho thấy bé hiểu được công việc mà cách mạng đang cần ba.

- Sau này biết tin ba mình hy sinh, bé Thu đã tiếp nối công việc của ba đang làm dở: trở thành cô giao liên thông minh, dũng cảm, nhiều lần cứu đoàn cán bộ cách mạng thoát khỏi phục kích của giặc.

\*Kết đoạn:

- Với tấm lòng yêu mến, trân trọng tình cảm trẻ thơ, với sự am hiểu tâm lý trẻ em, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa tình cảm yêu cha sâu sắc, mãnh liệt, đầy bản lĩnh của đứa con người chiến sĩ cách mạng mà không làm mất đi vẻ hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em, đồng thời khẳng định chiến tranh khốc liệt với hoàn cảnh đầy éo le, không chia rẽ được tình cảm cha con của những người chiến sĩ cách mạng.

-Về ngữ pháp:

- Gạch chân đoạn văn và chú thích rõ ràng thành phần biệt lập ( có thể là tình thái từ, hoặc từ cảm thán, hoặc thành phần phụ chú, hoặc gọi đáp) và từ ngữ dùng làm phép lập, được sử dụng thích hợp trong đoạn văn.

5\* Tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó có nhân vật người cha, vì chiến tranh xa cách, khi trở về, đứa con trai cũng hoài nghi, xa lánh là “ Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ

\* Suy nghĩ về chiến tranh:

Học sinh có thể trình bày cách cảm nhận khác nhau, dưới đây là một số gợi ý để học sinh tham khảo:

- Từ cảnh ngộ của người cha trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” và “Người con gái Nam Xương”, em thấy chiến tranh thật là dã man, tàn bạo. Nó khiến cho những người cha phải chia lìa gia đình, vợ con, những đứa trẻ ra đời mà không biết mặt cha, không được hưởng tình yêu thương, chăm sóc của người cha. Chiến tranh cũng đã gây nên sự hiểu nhầm đáng tiếc trong những gia đình có người cha đi lính.

- Bé Đản ( trong Người con gái Nam Xương) đã mất đi một người mẹ Vũ Nương rất yêu thương con và khao khát một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Bé Thu chỉ được hưởng tình cha con trong giây phút ngắn ngủi trước khi chia tay để cha bé lên đường làm cách mạng.

- Qua hai tác phẩm được học, em thấy rõ tình cảm cha con, tình cảm gia đình quan trọng thiêng liêng biết nhường nào với trẻ thơ.

**ĐỀ 3: Cho đoạn trích:**

“*Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức để trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc lấy cây lược đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh”*

**Câu hỏi:**

a. Nêu tên tác phẩm, tác giả của đoạn trích?

b. Theo em tại sao tác giả lại viết “chỉ có tình cha con là không thể chết được” và tại sao nhân vật tôi (ông Ba) lại “không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn” của đôi mắt ông Sáu?

**GỢI Ý:**

Câu 1:Nêu đúng tên tác giả, tác phẩm, viết đúng chỉnh tả, mỗi ý được 0,25. - Tác phẩm: Chiếc lược ngà. - Tác gải: Nguyễn Quang Sáng

b. - Hình thức : HS viết được đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt lưu loát, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.

- Nội dung : Đoạn văn phải đảm bảo các ý:

\* Ông Ba nghĩ “chỉ có tình cha con là không thể chết được” vì:

+ Trong giây phút hấp hối cuối cùng, điều mà ông Sáu nghĩ đến vẫn là chiếc lược ngà chưa trao được cho con.

+ Sự sống trong ông đang lụi tàn nhưng tình cha con lại đang bùng lên mãnh liệt hơn bao giờ hết.

\* Ông Ba “không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn của ông Sáu” vì:

+ Đó là cái nhìn của một người sắp ra đi, cái nhìn gửi gắm vào đó tất cả những tình cảm cháy bỏng của mình.

+ Đó là ánh mắt chứa đựng muôn vàn yêu thương, chứa đựng cả nỗi đau xót khi không còn gặp lại đứa con gái. Ánh mắt chứa đựng cả tình yêu mãnh liệt nhờ ông Ba gửi tới con gái, là mệnh lệnh thiêng liêng trao cho đồng đôi “anh hãy trao cây lược cho bé Thu”.

+ Đó là đôi mắt không bao giờ chết cũng như tình cha con mãi mãi tồn tại. Chiến tranh có thể cướp đi sự sống nhưng không thể hủy diệt tình cảm phụ tử mãnh liệt, thiêng liêng.

**ĐỀ 4 : Dưới đây là đoạn trích trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*(Nguyễn Quang Sáng):**

*Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.*

*Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.*

*– Thôi! Ba đi nghe con! – Anh Sáu khe khẽ nói.*

*Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:*

*– Ba…a…a…ba!*

*Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba nó.*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2014).

**Câu hỏi:**

1. Trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, những tình huống nào đã bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu?
2. Chỉ ra 2 lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên và chuyển chúng thành những lời dẫn gián tiếp.
3. Vì sao câu chuyện về tình cha con cảm động trong chiến tranh lại được Nguyễn Quang Sáng đặt tên là “Chiếc lược ngà” ?
4. Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ tình cảm cha con sâu nặng, cảm động của ông Sáu và bé Thu trong cảnh chia tay, trong đó có sử dụng kiểu câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định và phép lặp để liên kết (gạch dưới câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định và các từ ngữ được sử dụng trong phép lặp)

**GỢI Ý:**

**Câu 1**

**–**Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách nhưng bé Thu không nhận ra cha, đến lúc bé nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.

– Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con nhưng chưa kịp trao thì ông đã hi sinh.

**Câu 2**

– Học sinh chỉ đúng 2 lời dẫn trực tiếp

– Chuyển thành lời dẫn gián tiếp đạt yêu cầu

**Câu 3**

- Nhan đề của tác phẩm thường bộc lộ chủ đề của truyện hoặc ít nhiều nói tới cốt truyện… “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một nhan đề giản dị và sâu sắc.

- Chiếc lược ngà là kỉ vật thiêng liêng của tình cha con sâu nặng. Với bé Thu : ban đầu là ước mơ của một cô bé 8 tuổi, một ước ao rất giản dị, trong sáng, rất con gái. Có lẽ đó cũng là món quà đầu tiên nhưng cũng lại là món quà cuối cùng người cha tặng cho cô con gái bé bỏng. Nó là tất cả tình yêu thương, kỉ niệm của ba dành cho Thu khi ba hi sinh. Với bé Thu, chiếc lược ấy chính là hình ảnh người cha (trong tâm khảm)

- Với ông Sáu : Những ngày xa con ở chiến khu, bao nhiêu nhớ thương, day dứt, ân hận và cải cái niềm khát khao được gặp con, anh dồn cả vào việc làm chiếc lược ngà rất tỉ mẩn, rất cẩn thận (dũa từng chiếc răng lược chau chuốt). Dường như khi dũa từng chiếc răng như vậy, anh cũng bớt áy náy vì đã đánh con, đã không phải với con. Cây lược làm xong, mỗi khi thương nhớ con, anh lại ngắm nhìn cây lược. Phải chăng với người cha, chiếc lược nhỏ xinh xắn ấy cũng là hình ảnh cô con gái bé bỏng. Và trước khi anh Sáu hi sinh, chiếc lược ngà chính là lời trăn trối anh gửi lại, là tất cả tình cảm của người cha dành cho con, cho gia đình.

**Câu 4:** Đoạn văn diễn dịch

– Phần mở đoạn đạt yêu cầu

– Phần thân đoạn gồm khoảng 12 câu với đầy đủ dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ: tình cảm cha con sâu nặng, đầy cảm động của ông Sáu và bé Thu trong cảnh chia tay

+ Tình huống éo le: ông Sáu phải vào chiến trường sau ba ngày phép, lúc này bé Thu mới nhận ra ba

+ Tình yêu thương mãnh liệt bé Thu dành cho ba thể hiện ở các chi tiết như tiếng gọi ba, cử chỉ, hành động dành cho ba…

+ Tình yêu thương con sâu sắc ở ông Sáu biểu lộ qua những chi tiết

diễn tả tâm trạng, cử chỉ, đặc biệt là ánh nhìn của ông dành cho con… Từ những cảm nhận trên, cần khẳng định thành công của tác giả trong việc tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật nhằm làm nổi bật tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của  chiến tranh.

**ĐỀ 5: Cho đoạn trích:**

*“Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”*. (Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.196)

**Câu hỏi:**

1. Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào, tác giả ai?
2. Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích?
3. Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích?
4. Xác định thành phần khởi ngữ trong câu: “Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.
5. Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến nhân vật “anh” đau đớn. Vì sao vậy?

**GỢI Ý:**

**Câu 1.** Tên tác phẩm: Chiếc lược ngà

Tên tác giả: Nguyễn Quang Sáng

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 3:** Tên 2 nhân vật được nhắc tới: Anh Sáu, bé Thu

**Câu 4:** Thành phần khởi ngữ: Còn anh

**Câu 5:** Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến nhân vật “anh” đau đớn. Bởi vì, ông Sáu xa nhà từ khi con gái chưa đầy một tuổi. Sau tám năm, bây giờ ông mới được trở về để gặp con. Ông hồi hộp, phấp phỏng, hi vọng được ôm con vào lòng. Nhưng trái với những gì ông mong đợi, bé Thu không nhận cha, thậm chí còn sợ hãi, hoảng sợ trước sự có mặt của ông.

**ĐỀ 6: Trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, đoạn ghi lại cảnh chia tay của cha con ông Sáu có đoạn viết :**

*“Nhìn cảnh ấy…. Trái tim mình”.*

**Câu hỏi:**

1. Vì sao khi chứng kiến cảnh này, bà con xung quanh và nhân vật “tôi” lại có cảm xúc đó ?

2. Người kể chuyện ở đây là ai ? Cách chọn vai kể đã góp phần như thế nào vào sự thành công của tác phẩm ?

3. Kể tên hai tác phẩm khác viết về đề tài chống Mĩ, ghi rõ tên tác giả ?

**GỢI Ý:**

**1.** - Ông Sáu phải chịu đựng quá nhiều sự hi sinh, mất mát : chiến tranh khiến cho ông mang một nỗi đau về thể xác và trong những ngày phép ngắn ngủi ở nhà, ông lại phải chịu thêm nỗi đau tinh thần do bé Thu nhất quyết không chịu nhận ông là cha, không gọi một tiếng “ba” mà ông hằng khao khát suốt 8 năm trời.

- Trong buổi sáng trước giờ phút ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi “ba” và tiếng kêu như tiếng xé, rồi “nó vừa kêu vừa chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”, “Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”, “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi cấu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Như vậy, cho đến lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc quá ngắn ngủi. Trước cử chỉ của bé Thu, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Đó là giọt nước mắt sung sướng, hạnh phúc của một người cha cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình.

- Thì ra trong đêm về nhà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu được giải toả và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc. Vì thế trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi nhớ mong với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.

⇒ Chứng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

**2.** Truyện được trần thuật theo lời của ông Ba – người bạn ông Sáu, nhân vật “Tôi”, người đã chứng kiến những cảnh ngộ éo le của cha con ông. Cảnh ngộ ấy đã gợi lên bao nhiêu xúc động ở nhân vật kể chuyện : “tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó”. Lòng trắc ẩn, sự thấu hiểu những hi sinh mà bạn mình phải chịu đựng khiến cho ông “bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim”.

⇒ Chọn nhân vật kể chuyện như vậy khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy hơn. Người kể chuyện lại hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình, chủ động xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc, người nghe. (VD : trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần ấy, “cây lược ngà chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh”)

**3.** Kể tên hai tác phẩm:

1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính của nhà thơ Phạm Tiến Duật.

2. Truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

**GỢI Ý:**

**MỤC LỤC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên văn bản** | **Số đề** | **Trang** |
| 1  2  3  4  5  6  7  8  9  10  11  12  13  14  15  16  17 | Phong cách Hồ Chí Minh – Lê Anh Trà  Đấu tranh cho một thế giới hòa bình.  Tuyên bố thế giới về sự sống còn và quyền….  Chuyện người con gái Nam Xương ( Nguyễn Dữ)  Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Gia Văn Phái)  Chị em TK  Cảnh ngày xuân  Kiều ở lầu Ngưng Bích  Lục Vân Tiên cứu KNN ( Nguyễn Đình Chiểu)  Đồng chí- Chính Hữu  BT về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật  Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.  Bếp lửa – Bằng Việt  " Ánh trăng” -Nguyễn Duy  “Làng” của Kim Lân  “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.  “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng | 2  4  3  6  2  3  2  3  2  4  5  5  6  10  9  8  6 | 1  3  6  8  18  22  27  30  36  38  47  56  63  73  90  103  113 |